

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

---

**NGUYỄN THỊ KIM OANH**

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN  
PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ GIÀY DÉP  
XUẤT KHẨU HẢI HƯNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI, NĂM 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI**

---

**NGUYỄN THỊ KIM OANH**

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN  
PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ GIÀY DÉP  
XUẤT KHẨU HẢI HƯNG**

**CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN  
MÃ SỐ: 60340301**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC  
TS. ĐẶNG VĂN LƯƠNG**

**HÀ NỘI, NĂM 2017**

**LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan Luận văn Thạc sĩ này là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn từ TS. Đặng Văn Lương. Các nội dung nguyên cứu và kết quả trong Luận văn này là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây.

Nếu có bất kỳ gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*Tác giả luận văn*

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện luận văn thạc sĩ, tôi đã nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện nhiệt tình và quý báu của nhiều cá nhân và tập thể.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám Hiệu trường Đại học Thương Mại, xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong Khoa Sau Đại học đã tạo điều kiện thuận lợi nhất để tôi hoàn thành luận văn của mình.

Đặc biệt tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới TS. Đặng Văn Lương Đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ để tôi có thể hoàn thành bài luận văn thạc sĩ một cách trọn vẹn và hoàn chỉnh.

Bên cạnh đó, tôi cũng xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo, các cán bộ nhân viên Phòng Tài chính- Kế toán của Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng đã tạo điều kiện cho tôi hoàn thành bài luận văn này.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

*Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2016*

*Tác giả luận văn*

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC .....	iii
DANH MỤC SƠ ĐỒ .....	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU .....	vi
DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT.....	vii
LỜI MỞ ĐẦU .....	1
1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
2. Tính cấp thiết của đề tài.....	2
3. Mục tiêu nghiên cứu .....	3
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu .....	4
5. Phương pháp nghiên cứu .....	4
6. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu .....	5
7. Kết cấu của luận văn .....	5
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT.....</b>	<b>6</b>
<b>1.1. Một số vấn đề lý luận chung về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.....</b>	<b>6</b>
<i>1.1.1. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất .....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm .....</i>	<i>9</i>
<b>1.2. Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất .....</b>	<b>11</b>
<i>1.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất .....</i>	<i>11</i>
<i>1.2.2. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất .....</i>	<i>12</i>
<b>1.3. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.....</b>	<b>13</b>
<i>1.3.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....</i>	<i>13</i>
<i>1.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm .....</i>	<i>13</i>

<b>1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính.....</b>	<b>15</b>
<i>1.4.1. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hướng dẫn của một số chuẩn mực kế toán Việt Nam.....</i>	<i>15</i>
<i>1.4.2. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp.....</i>	<i>18</i>
<b>1.5. Tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm .....</b>	<b>26</b>
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.....</b>	<b>29</b>
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG .....</b>	<b>30</b>
<b>2.1 Tổng quan về Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng .....</b>	<b>30</b>
<i>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng .....</i>	<i>30</i>
<i>2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của Công ty ...</i>	<i>33</i>
<i>2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng .....</i>	<i>39</i>
<b>2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.....</b>	<b>42</b>
<i>2.2.1. Đối tượng, phân loại và phương pháp tập hợp chi phí.....</i>	<i>42</i>
<i>2.2.2. Kế toán các yếu tố chi phí sản xuất phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.....</i>	<i>43</i>
<i>2.2.3. Đánh giá sản phẩm làm dở và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.....</i>	<i>61</i>
<i>2.2.4. Tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....</i>	<i>63</i>
<b>2.3. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng .....</b>	<b>64</b>
<i>2.3.1. Những ưu điểm .....</i>	<i>64</i>

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân .....	67
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2</b> .....	72
<b>CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG</b> .....	73
<b>3.1. Định hướng phát triển của Công ty và quan điểm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng</b> .....	73
3.1.1. Định hướng phát triển Công ty.....	73
3.1.2. Quan điểm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.....	74
<b>3.2. Các đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng</b> .....	75
3.2.1. Các đề xuất trên góc độ kế toán tài chính.....	75
3.2.2. Các đề xuất trên góc độ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm .....	84
3.2.3. Tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	85
<b>3.3. Điều kiện thực hiện giải pháp</b> .....	87
3.3.1. Về phía Nhà nước .....	87
3.3.2. Về phía Công ty .....	88
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 3</b> .....	89
<b>KẾT LUẬN</b> .....	90
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	91

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

- Sơ đồ 1.1: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621)
- Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)
- Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí sản xuất chung (TK 627)
- Sơ đồ 1.4: Kế toán Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154)
- Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty
- Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty
- Sơ đồ 2.3: Sơ Đồ Hình Thức Chứng Từ Ghi Sổ
- Sơ đồ 2.4: Sơ Đồ Quá Trình Sản Xuất Giày
- Sơ đồ 2.5: Sơ đồ Lưu chuyển chứng từ nguyên vật liệu trực tiếp
- Sơ đồ 2.6: Sơ đồ Lưu chuyển chứng từ lương

## **DANH MỤC BẢNG BIỂU**

- Bảng 2.7: Bảng tổng hợp thanh toán lương tháng 5/2016
- Bảng 2.8: Bảng báo cáo tổng hợp chế độ - chính sách Tháng 5 năm 2016
- Bảng 2.9: Bảng Phân BỔ Chi Phí Nhân Công Tháng 5/2016
- Bảng 2.10: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm
- Bảng 2.11: Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tháng 5/2016
- Bảng 2.12: Bảng Báo Cáo Giá Thành – Đơn Vị Cho Khách Hàng DECATHLON
- Bảng 2.13: Bảng Báo Cáo Giá Thành – Đơn Vị Cho Khách Hàng PISTON
- Bảng 2.14: Bảng phân bổ chi phí nguyên vật liệu
- Bảng 2.15: Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp



## DANH MỤC CÁC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	CPSXC	Chi phí sản xuất chung
2	CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
3	CPNVLTT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
4	CNSX	Công nhân sản xuất
5	DD	Dở dang
6	ĐK	Đầu kỳ
7	CK	Cuối kỳ
8	CNV	Công nhân viên
9	NVQL	Nhân viên quản lý
10	GTGT	Giá trị gia tăng
11	VAT	Thuế giá trị gia tăng
12	BHXH, BHYT, KPCĐ	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn
13	TSCĐ	Tài sản cố định
14	CPSXKDDD	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
15	SPDD	Sản phẩm dở dang
16	CCDC	Công cụ dụng cụ
17	KHTSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
18	PX	Phân xưởng
19	NVL	Nguyên vật liệu
20	KKĐK	Kiểm kê định kỳ
21	KKTX	Kê khai thường xuyên
22	CP	Chi phí
23	KC	Kết chuyển
24	CÔNG TYTN	Công ty tư nhân

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

- Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Ngọc Anh: “*Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm may mặc tại Công ty Cổ phần May II Hải Dương*” bảo vệ năm 2015 tại trường Đại học Thương Mại. Luận văn đã trình bày và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn công tác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nói chung và sản phẩm may mặc nói riêng. Luận văn chỉ được ra những ưu và nhược điểm về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty, đưa ra được giải pháp khắc phục, hoàn thiện một số vấn đề nội dung, phương pháp tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Tác giả cũng đưa ra được quan điểm về xây dựng quá trình quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong ngành may hiện nay.

- Luận văn thạc sĩ của tác giả Hàn Minh Thu - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần Hương Nguyên GH5*” (tháng 11 năm 2014). Cũng tương tự như các đề tài khác, tác giả đã trình bày chi tiết cơ sở lý luận về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Đề tài đề cập được đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm bánh đậu xanh tại Công ty Cổ phần Hương Nguyên GH5. Với số liệu cụ thể trên sổ kế toán chi tiết, sổ cái các tài khoản 621, 622, 627, 154 kết hợp với các phương pháp khảo sát thực tế; tác giả đã đề ra các giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty.

- Luận văn thạc sĩ của tác giả Trần Thị Thu Hà- Đại học Thương Mại về “*Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần 26*” (năm 2015) Trong luận văn này tác giả đã đề cập đến lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cả dưới góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị. Tác giả cũng đã đi sâu vào hoàn thiện chi phí sản xuất và giá thành dưới góc độ kế toán quản trị và kế toán tài chính, đồng thời theo quan điểm của mình tác giả đã đưa ra định hướng phát triển cho Công ty Cổ phần 26.

- Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Ngọc, 2013, Đại học Kinh tế

Quốc dân với đề tài “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty may xuất khẩu SSV*”. Về mặt lý luận, tác giả đã đề cập đến các vấn đề cơ bản của kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm dưới cả hai góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị như: khái niệm, bản chất, mối quan hệ cũng như cách phân loại chi phí sản xuất, các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất... Về thực trạng, qua nghiên cứu và phân tích các số liệu kế toán, tác giả thấy được những ưu điểm, hạn chế trong công tác tổ chức bộ máy kế toán, công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành các sản phẩm may mặc tại công ty may xuất khẩu SSV. Từ đó, tác giả đề xuất các giải pháp hoàn thiện về hình thức kế toán, việc trích trước tiền lương nghỉ phép và chi phí thiệt hại do ngừng sản xuất, chi phí nguyên vật liệu dưới cả góc độ kế toán tài chính và kế toán quản trị phù hợp với các điều kiện của Công ty.

- Luận văn thạc sĩ của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Mai, 2013, Đại học Kinh tế Quốc dân với đề tài “*Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Hoàng Long*”. Tác giả đã chỉ ra rất chi tiết và chặt chẽ những lý thuyết xung quanh vấn đề tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm. Cùng với đó là các giải pháp cụ thể dưới góc độ kế toán quản trị như: phân loại chi phí và đưa ra được một mẫu báo cáo quản trị cụ thể cho Công ty, xây dựng và đưa vào thực hiện hệ thống kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Như vậy, các bài luận văn trên đã nghiên cứu về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, nhìn chung đã đưa ra các giải pháp, ý tưởng mới để hoàn thiện kế toán chi phí và giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó do nhiều yếu tố khách quan, chủ quan, các nghiên cứu còn một số hạn chế, khoảng trống về xây dựng định mức chi phí và phương pháp phân bổ chi phí. Việc vận dụng chế độ kế toán mới theo Thông tư số 200/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính vào đề tài chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

## **2. Tính cấp thiết của đề tài**

Hạch toán chi phí và giá thành sản phẩm trong các Công ty nói chung và các Công ty sản xuất nói riêng đã và đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu của các nhà kinh doanh. Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là hai tiêu chí quan trọng trong bất kỳ Công ty nào, hai tiêu chí này luôn có mối quan hệ khăng khít và không thể tách rời nhau. Trong điều kiện nền kinh tế hiện nay thì vấn đề tiết kiệm chi phí sản

xuất và hạ giá thành sản phẩm có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc nâng cao lợi nhuận, tăng tích lũy cho Công ty. Đó là tiền đề để đảm bảo cho sự tồn tại, củng cố chỗ đứng của Công ty trong sự cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế thị trường. Trước sự cạnh tranh mạnh mẽ như vậy để tồn tại và phát triển các công ty luôn đặt ra câu hỏi “Làm thế nào để có thể tính đúng, tính đủ các chi phí hợp lý vào giá thành để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm?”

- Xét trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế, hạ giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sẽ mang lại sự tiết kiệm lao động xã hội, tăng tích lũy cho nền kinh tế, tăng nguồn thu cho quốc gia.

- Xét trong phạm vi một doanh nghiệp, giá thành sản phẩm thấp là điều kiện để xác định giá bán hợp lý. Từ đó giúp doanh nghiệp đẩy nhanh được quá trình tiêu thụ sản phẩm và tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thể đứng vững trên thị trường với tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay.

Để làm tốt công việc này đòi hỏi các Công ty cần tổ chức công tác tập hợp chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm một cách chính xác, kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ quy định và đúng phương pháp để từ đó có những biện pháp cụ thể tiết kiệm các khoản mục chi phí chi dùng cho sản xuất.

Xuất phát từ nhận thức trên, qua thời gian tìm hiểu về vai trò của kế toán chi phí và giá thành; những vấn đề thực tế về công tác kế toán tại Công ty, tôi đã chọn đề tài ***“Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng”***.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

- Về lý luận: Hệ thống hóa những lý luận cơ bản về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: Nghiên cứu thực trạng kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép Hải Hưng. Từ đó đánh giá ưu nhược điểm trong công tác chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty để đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

#### **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu**

##### ***a. Đối tượng nghiên cứu***

Nghiên cứu kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

##### ***b. Phạm vi nghiên cứu***

- Về không gian: Nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

- Về thời gian: Số liệu nghiên cứu là tài liệu của Công ty trong năm 2016.

- Về nội dung: Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

#### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng các phương pháp kỹ thuật để thu thập dữ liệu như quan sát, phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu thứ cấp và một số phương pháp phân tích dữ liệu phục vụ cho quá trình nghiên cứu:

##### ***- Phương pháp thu thập dữ liệu:***

+ Phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp: Sử dụng phương pháp quan sát, phương pháp phỏng vấn bằng thư, bằng điện thoại, phỏng vấn cá nhân trực tiếp, phương pháp điều tra nhóm cố định, phương pháp chọn mẫu, phương pháp thống kê, phương pháp thiết kế bảng câu hỏi... Chủ đề của các cuộc phỏng vấn xoay quanh nội dung chính về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

+ Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: Sử dụng phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh từ các nguồn cơ sở dữ liệu. Các tài liệu pháp lý về kế toán như: Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chuẩn mực kế toán quốc tế, chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Báo cáo Nghiên cứu, Hội nghị, các báo, Tạp chí... Bên cạnh đó, học viên thu thập các tài liệu, sổ sách kế toán của Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

##### ***- Phương pháp phân tích dữ liệu:***

+ Phương pháp định tính: Sau khi thu thập các dữ liệu, phân loại, sắp xếp và tổng hợp các dữ liệu, học viên sử dụng các phương pháp phân tích như: Phương pháp logic, so sánh, đối chiếu, phân tích và tổng hợp... kết hợp giữa lý luận với thực tiễn nhằm đưa ra các đánh giá, kết luận hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính

giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

## **6. Ý nghĩa của đề tài nghiên cứu**

Thông qua nghiên cứu đề tài có ý nghĩa cả về mặt lý luận và thực tiễn:

- Đối với cơ quan quản lý Nhà nước: Đề xuất và bổ sung những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Đối với Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất Hải Hưng: Đề tài đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp. Đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, mục lục, danh mục từ viết tắt, phụ lục, kết luận, luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.*

*Chương 2: Thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.*

*Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.*

## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

### **1.1. Một số vấn đề lý luận chung về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất**

#### ***1.1.1. Khái niệm và phân loại chi phí sản xuất***

##### ***1.1.1.1. Khái niệm về chi phí sản xuất***

Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty phải biết kết hợp 3 yếu tố cơ bản, đó là: tư liệu lao động, đối tượng lao động và sức lao động. Hao phí của những yếu tố này biểu hiện dưới hình thức giá trị gọi là CPSX.

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí mà Công ty phải tiêu dùng trong một kỳ để thực hiện quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thực chất chi phí là sự dịch chuyển vốn, chuyển dịch giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ).

Như vậy, CPSX là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hóa, và các chi phí bằng tiền khác mà Công ty đã chi ra để tiến hành sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện cung cấp lao vụ, dịch vụ trong một kỳ nhất định.

##### ***1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất***

###### ***a, Phân loại chi phí sản xuất, kinh doanh theo nội dung kinh tế:***

+ Cách phân loại này căn cứ theo tính chất nội dung kinh tế và hình thái nguyên thủy ban đầu của chi phí để sắp xếp những chi phí có cùng tính chất vào một yếu tố mà không phân biệt chi phí phát sinh ở đâu và nơi nào chịu chi phí. Theo cách phân loại này, toàn bộ chi phí của Công ty được chia thành 5 yếu tố sau:

+ Chi phí nguyên vật liệu: bao gồm toàn bộ các chi phí về các loại nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ, dụng cụ... mà Công ty đã sử dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;

+ Chi phí nhân công: bao gồm toàn bộ số tiền công phải trả, tiền trích bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn mà Công ty phải chịu;

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: bao gồm toàn bộ số tiền trích khấu hao tài sản cố định sử dụng trong kỳ;

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: bao gồm toàn bộ số tiền Công ty đã chi trả cho các loại dịch vụ mua ngoài như tiền điện, nước, tiền bưu phí... phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình;

+ Chi phí khác bằng tiền: bao gồm toàn bộ các chi phí khác dùng cho sản xuất, kinh doanh ngoài 4 yếu tố chi phí trên;

Phân loại chi phí theo tiêu thức này có ý nghĩa lớn trong quản lý chi phí sản xuất, nó cho biết kết cấu, tỷ trọng của từng yếu tố chi phí để phân tích đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất. Lập báo cáo chi phí sản xuất theo yếu tố ở bảng thuyết minh báo cáo tài chính, cung cấp tài liệu tham khảo để lập dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động cho kỳ sau.

*b, Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với công nghệ sản xuất sản phẩm.*

Cách phân loại này dựa vào chức năng, tác dụng của các yếu tố chi phí đã chi ra trong kỳ, tức là phải xem xét khoản chi đó được chi ra ở đâu, có tác dụng gì đối với quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ. Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

+ Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền các nguồn lực đã hao phí trong quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ. Nó bao gồm:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm chi phí về nguyên liệu, vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu tiêu hao trực tiếp cho quá trình sản xuất sản phẩm;

+ Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm chi phí về tiền công, tiền trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn của công nhân trực tiếp sản xuất;

+ Chi phí sản xuất chung: nó là chi phí phát sinh ở các bộ phận sản xuất có chức năng phục vụ chung cho quá trình sản xuất sản phẩm, gắn liền với quy trình sản xuất sản phẩm;

Ngoài việc phân chia chi phí sản xuất thành 3 khoản mục nói trên, người ta còn phân chia chi phí sản xuất thành 2 loại là chi phí ban đầu và chi phí chế biến.

Chi phí ban đầu là giá trị các nguồn lực bắt buộc phải có ngay đầu quy trình



công nghệ chế biến sản phẩm, đó là giá trị các loại nguyên, vật liệu chính ở giai đoạn đầu tiên, hoặc giá trị các loại sản phẩm của giai đoạn trước chuyển sang làm vật liệu chính cho giai đoạn này;

Chi phí chế biến là chi phí phát sinh trong công nghệ chế biến sản phẩm

- Việc phân chia chi phí sản xuất thành chi phí ban đầu và chi phí chế biến có ý nghĩa lớn trong công tác phân bổ chi phí sản xuất cho sản phẩm dở dang và sản phẩm hoàn thành. Trong đó, chi phí ban đầu khi phân bổ cho sản phẩm dở dang và hoàn thành không phụ thuộc vào mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang, còn chi phí chế biến thì phụ thuộc vào mức độ đó;

Chi phí ngoài sản xuất là chi phí phát sinh ngoài quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, nó bao gồm:

+ Chi phí bán hàng: là chi phí phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;

+ Chi phí quản lý Công ty: là chi phí phục vụ cho quản lý kinh doanh, quản lý hành chính trên phạm vi toàn Công ty;

*c, Phân loại chi phí trong quan hệ với lợi nhuận*

Theo nguyên tắc phù hợp, chi phí sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ được dùng để xác định lợi nhuận phải phù hợp với doanh thu trong kỳ, tức là phải liên quan trực tiếp đến khối lượng sản phẩm, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành 3 loại:

+ Chi phí sản phẩm: là chi phí sản xuất được tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ loại chi phí này được dùng để xác định lợi nhuận khi sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ

+ Chi phí thời kỳ: là chi phí ngoài sản xuất được dùng để xác định lợi nhuận trong kỳ phát sinh chi phí;

+ Chi phí chờ kết chuyển: là chi phí ngoài sản xuất ở những kỳ chưa có doanh thu.

*d, Phân loại chi phí theo thời điểm phát sinh và thời điểm ghi nhận chi phí.*

Để ghi nhận một khoản chi phí phát sinh đòi hỏi kế toán phải có đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ, đồng thời phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp, tức là phải ghi nhận chi phí tương ứng với thời gian phát huy tác dụng các khoản chi. Chính vì vậy, cấu

thành chi phí của một kỳ hạch toán nào đó thường bao gồm ba loại chi phí:

+ Chi phí được cấu thành từ các khoản chi phát sinh trong kỳ: đây là các khoản chi đã có đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ để ghi nhận sự phát sinh của chúng và chúng chỉ phát huy tác dụng trong một kỳ hạch toán. Chi phí này thường có: chi phí nguyên, vật liệu, chi phí nhân công...

+ Chi phí trả trước (hay còn gọi là chi phí chờ phân bổ) : là các khoản chi đã có đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ để ghi nhận sự phát sinh của chúng, nhưng chúng phát huy tác dụng trong nhiều kỳ hạch toán. Vì vậy, giá trị của chúng được phân bổ vào chi phí của nhiều kỳ hạch toán khác nhau.

+ Chi phí trích trước (hay còn gọi là chi phí phải trả) : là các khoản chi chưa có đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ để ghi nhận sự phát sinh của chúng, nhưng hiện tại chúng phát huy tác dụng và Công ty đã lập dự toán quy mô của chúng. Vì vậy, chúng được trích trước vào chi phí theo dự toán.

### **1.1.2. Khái niệm và phân loại giá thành sản phẩm**

#### **1.1.2.1. Khái niệm giá thành sản phẩm**

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng công tác, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành. Nói cách khác, giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền toàn bộ các khoản chi phí mà Công ty bỏ ra bất kể ở kỳ nào nhưng có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí sản xuất phát sinh} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{sản phẩm hoàn} & = & \text{xuất dở} & + & \text{trong kỳ (đã trừ các khoản} & - & \text{xuất dở} \\ \text{thành} & & \text{đang đầu kỳ} & & \text{thu hồi ghi giảm chi phí)} & & \text{đang cuối kỳ} \end{array}$$

#### **1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm**

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hóa giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc khái niệm giá thành xã hội, giá thành cá biệt, còn có khái niệm giá thành công xưởng, giá thành toàn bộ, v.v...

Xét theo thời điểm tính và nguồn số liệu để tính toán giá thành, giá thành được chi thành giá thành kế hoạch, giá thành định mức và giá thành thực tế:

- *Giá thành kế hoạch*: giá thành kế hoạch được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế kỳ trước và các định mức, các dự toán chi phí của kỳ kế hoạch;

- *Giá thành định mức*: cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên, khác với giá thành kế hoạch được xây dựng trên cơ sở các định mức bình quân tiên tiến và không biến đổi trong suốt cả kỳ kế hoạch, giá thành định mức lại được xây dựng trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kỳ kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành định mức luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của các định mức chi phí đạt được trong quá trình sản xuất sản phẩm;

- *Giá thành thực tế*: giá thành thực tế là chỉ tiêu được xác định sau khi kết thúc quá trình sản xuất sản phẩm trên cơ sở các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất sản phẩm;

Xét theo phạm vi phát sinh chi phí, giá thành được chia thành giá sản xuất và giá thành tiêu thụ:

- *Giá thành sản xuất* (giá thành công xưởng): là chỉ tiêu phản ánh tất cả những chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng, bộ phận sản xuất, bao gồm chi phí vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và CPSXC;

- *Giá thành toàn bộ*: là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (chi phí sản xuất, quản lý và bán hàng). Do vậy, giá thành tiêu thụ còn gọi là giá thành đầy đủ hay giá thành toàn bộ và được tính theo công thức:

$$\text{Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ} = \text{Giá thành sản xuất sản phẩm} + \text{Chi phí bán hàng} + \text{Chi phí QLDN}$$

Mặc dù giữa chi phí và giá thành có mối quan hệ với nhau nhưng giữa chúng còn có điểm khác nhau về phạm vi và nội dung. Vì vậy, cần phân biệt phạm vi và giới hạn của chúng để ứng dụng tốt hơn trong việc tính giá thành sản phẩm.

- Chi phí sản xuất chỉ tính những chi phí phát sinh trong một kỳ nhất định (tháng, quý, năm) không tính đến nó liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất đã hoàn thành. Còn giá thành liên quan đến cả chi phí của kỳ trước chuyển sang (chi phí dở dang đầu kỳ) và chi phí của kỳ này chuyển sang kỳ sau (chi phí dở dang cuối kỳ).

- Chi phí sản xuất gắn liền với khối lượng chủng loại sản phẩm sản xuất hoàn thành, trong khi đó giá thành lại liên quan mật thiết đến khối lượng và chủng loại sản phẩm đã hoàn thành.

Mặc dù chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đều tiêu hao các yếu tố về lao động sống và lao động vật hoá. Nhưng chúng vẫn có những điểm khác nhau:

- Về mặt chất: Chi phí kinh doanh là yếu tố đã hao phí trong quá trình kinh doanh nhưng chưa hẳn đã hoàn thành. Còn giá thành sản phẩm là những yếu tố tiêu hao cho quá trình kinh doanh một lượng sản phẩm dịch vụ đã hoàn thành

$$Z = D_{đk} + C - D_{ck}$$

- Về mặt lượng: Thường về mặt lượng giữa chúng không có sự thống nhất với nhau. Giá thành sản phẩm có thể bao gồm cả chi phí của thời kỳ trước chuyển sang, chi phí đã chi ra trong kỳ và loại trừ chi phí chuyển sang kỳ sau. Nó được biểu hiện qua công thức sau:

Trong đó:

Z : là tổng giá thành sản phẩm

D<sub>ck</sub> : Chi phí dở dang đầu kỳ

C : Chi phí phát sinh trong kỳ

D<sub>đk</sub> : Chi phí dở dang cuối kỳ

Khi giá trị dở dang đầu kỳ và cuối kỳ bằng nhau thì giá thành sản phẩm dịch vụ trùng khớp với chi phí sản xuất.

## **1.2. Đối tượng và phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất**

### ***1.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất***

Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được chính xác, kịp thời, đòi hỏi công việc đầu tiên mà nhà quản lý phải làm là xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Vấn đề này có tầm quan trọng đặc biệt cả trong lý luận cũng như thực tiễn hạch toán và là nội dung cơ bản nhất của tổ chức hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Tổ chức hạch toán quá trình sản xuất bao gồm hai giai đoạn kế tiếp nhau và có quan hệ mật thiết với nhau. Đó là giai đoạn hạch toán chi tiết chi phí sản xuất phát sinh

theo từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng, giai đoạn công nghệ, phân xưởng,... và giai đoạn tính giá thành sản phẩm, chi tiết sản phẩm, sản phẩm, theo đơn đặt hàng đã hoàn thành... theo đơn vị tính giá thành quy định. Việc phân chia này xuất phát từ yêu cầu quản lý, kiểm tra và phân tích chi phí, yêu cầu hạch toán kinh doanh nội bộ, theo đặc điểm quy trình công nghệ của từng Công ty và yêu cầu tính giá thành sản phẩm theo đơn vị tính giá thành quy định. Có thể nói, việc phân chia quá trình hạch toán thành hai giai đoạn là do sự khác tức là đối tượng hạch toán chi phí sản xuất – và sản phẩm hoàn thành cần phải tính giá thành một đơn vị - tức là đối tượng tính giá thành.

Như vậy, xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất chính là việc xác định giới hạn tập hợp chi phí mà thực chất là xác định nơi phát sinh chi phí và nơi chịu chi phí. Đối tượng đó có thể là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất hay đang trên dây chuyền sản xuất tùy theo yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế mà Công ty áp dụng và quá trình tiêu thụ sản phẩm.

### ***1.2.2. Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất***

*Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất là một phương pháp hay hệ thống các phương pháp* được sử dụng để tập hợp để tập hợp và phân loại các chi phí sản xuất trong phạm vi giới hạn của đối tượng hạch toán chi phí. Về cơ bản, *phương pháp hạch toán chi phí* bao gồm các phương pháp hạch toán chi phí theo sản phẩm, theo đơn đặt hàng, theo giai đoạn công nghệ, theo phân xưởng,, theo nhóm sản phẩm v.v... Về thực chất, khi vận dụng các phương pháp hạch toán chi phí sản xuất trong công tác kế toán hàng ngày chính là việc kế toán mở các thẻ (hoặc sổ) chi tiết hạch toán chi phí sản xuất theo từng đối tượng đã xác định, phản ánh các chi phí phát sinh có liên quan đến đối tượng, hàng tháng tổng hợp chi phí theo từng đối tượng. Mỗi phương pháp hạch toán chi phí ứng với một loại đối tượng hạch toán chi phí nên tên gọi của phương pháp này biểu hiện đối tượng mà nó cần tập hợp và phân loại chi phí.

Phương pháp trực tiếp: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt.

Phương pháp phân bổ gián tiếp: Phương pháp này áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí. Sau đó, lựa

chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng chịu chi phí.

***Xác định mức phân bổ:***

$$\begin{array}{l} \text{Mức phân bổ chi phí sản xuất} \\ \text{theo 1 tiêu thức nhất định cho} \\ \text{một đơn vị tiêu thức} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất thực tế}}{\text{Tổng khối lượng các đối tượng} \\ \text{xác định 1 tiêu thức nhất định}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Mức phân bổ chi phí sản} \\ \text{xuất cho từng đối tượng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức phân bổ đơn} \\ \text{vị đã tính ở trên} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Khối lượng từng đối tượng được} \\ \text{xác định theo một tiêu thức} \end{array}$$

**1.3. Đối tượng và phương pháp tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất**

***1.3.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm***

Xác định đối tượng tính giá thành chính là việc xác định sản phẩm, bán thành phẩm, công việc, lao vụ nhất định đòi hỏi phải tính giá thành một đơn vị. Đối tượng đó có thể là sản phẩm cuối cùng của quá trình sản xuất hay đang trên dây chuyền sản xuất tùy theo yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế mà Công ty áp dụng và quá trình tiêu thụ sản phẩm.

***1.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm***

- *Phương pháp trực tiếp (còn gọi là phương pháp giản đơn):* phương pháp này được áp dụng trong các Công ty thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các Công ty khai thác (quặng, than, gỗ...). Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong các Công ty này là từng loại sản phẩm hay dịch vụ. *Giá thành sản phẩm* theo phương pháp này được tính bằng cách trực tiếp lấy tổng số chi phí sản xuất cộng (+) hoặc trừ (-) số chênh lệch giữa giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ so với cuối kỳ chia cho số lượng sản phẩm hoàn thành.

- *Phương pháp tổng cộng chi phí:* áp dụng với các Công ty mà quá trình sản xuất sản phẩm được thực hiện ở nhiều bộ phận sản xuất, nhiều giai đoạn công nghệ,

đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là các bộ phận, chi tiết sản phẩm hoặc giai đoạn công nghệ hay bộ phận sản xuất. Giá thành sản phẩm được xác định *bằng cách cộng chi phí sản xuất của các bộ phận, chi tiết sản phẩm hay tổng chi phí sản xuất của các giai đoạn, bộ phận sản xuất tạo nên thành phẩm.*

$$\text{Giá thành thành phẩm} = Z_1 + Z_2 + \dots + Z_n$$

Phương pháp tổng cộng chi phí được áp dụng phổ biến trong các Công ty khai thác, dệt, nhuộm, cơ khí chế tạo, may mặc...

- *Phương pháp hệ số*: phương pháp hệ số được áp dụng trong những Công ty mà trong cùng một quá trình sản xuất cùng sử dụng một thứ nguyên liệu và một lượng lao động nhưng thu được đồng thời nhiều sản phẩm khác nhau và chi phí không hạch toán riêng cho từng loại sản phẩm được mà phải hạch toán chung cho cả quá trình sản xuất. Theo phương pháp này, trước hết, kế toán căn cứ vào hệ số quy đổi để quy các loại sản phẩm về sản phẩm gốc, từ đó, dựa vào tổng chi phí liên quan đến giá thành các loại sản phẩm đã tập hợp để tính ra giá thành sản phẩm gốc và giá thành từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc } (Z_{oi}) = \frac{\text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm}}{\text{Tổng số sản phẩm gốc } (Q_0)}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm } i (Z_i) = \frac{\text{Giá thành đơn vị sản phẩm gốc } (Z_{oi}) \times \text{Hệ số quy đổi sản phẩm } i (H_i)}$$

$$\text{Trong đó: } Q_0 = \sum Q_i \times H_i$$

và  $Q_i$  là số lượng sản phẩm  $i$  (chưa quy đổi).

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành sản xuất của các loại sản phẩm} \\ \text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} \\ \text{Tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ} \\ \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array} = \text{phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{sản xuất phát sinh trong kỳ} - \text{phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- *Phương pháp tỷ lệ*: trong các Công ty sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách, phẩm chất khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo (dụng cụ, phụ tùng),... để giảm bớt khối lượng hạch toán, kế toán thường tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo nhóm sản phẩm cùng loại. Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí sản xuất thực tế với chi phí sản xuất kế hoạch (hoặc định mức), kế toán sẽ tính ra giá thành

đơn vị và tổng giá sản phẩm từng loại.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{thực tế đơn} \\ \text{vị sản phẩm} \\ \text{từng loại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch} \\ \text{hoặc định mức đơn} \\ \text{vị thực tế sản phẩm} \\ \text{từng loại} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giữa chi phí thực tế} \\ \text{so với chi phí kế hoạch} \\ \text{hoặc định mức của tất cả} \\ \text{các loại sản phẩm} \end{array}$$

- *Phương pháp loại trừ giá trị sản phẩm phụ*: đối với các Công ty mà trong cùng một quá trình sản xuất, bên cạnh các sản phẩm chính thu được còn có thể thu được có thể thu được những sản phẩm phụ (các Công ty chế biến đường, rượu, bia, mỳ ăn liền...), để tính giá trị sản phẩm chính, kế toán phải loại trừ sản phẩm phụ khỏi tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Giá trị sản phẩm phụ có thể được xác định theo nhiều phương pháp như giá có thể sử dụng, giá trị ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên liệu ban đầu...

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm} \\ \text{chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm chính} \\ \text{dở dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{sản xuất} \\ \text{phát sinh} \\ \text{trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm phụ} \\ \text{thu hồi} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị sản} \\ \text{phẩm chính} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

+ *Phương pháp liên hợp*: là phương pháp áp dụng trong những Công ty có tổ chức sản xuất, tính chất quy trình công nghệ và tính chất sản phẩm làm ra đòi hỏi việc tính giá thành phải kết hợp nhiều phương pháp khác nhau như các Công ty sản xuất hóa chất, dệt kim, đóng giày, may mặc... Trên thực tế, kế toán có thể kết hợp phương pháp trực tiếp với tổng cộng chi phí, tổng cộng chi phí chi phí với tỷ lệ, hệ số với loại trừ giá trị sản phẩm phụ v.v...

#### **1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính**

##### **1.4.1. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo hướng dẫn của một số chuẩn mực kế toán Việt Nam**

**Chuẩn mực kế toán số 01 (VAS 01)- Chuẩn mực chung** (Ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002/QĐ-BTC).

Theo chuẩn mực kế toán số 01 việc ghi nhận chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải tuân thủ các nguyên tắc sau:



- Nguyên tắc cơ sở dồn tích: Nguyên tắc này chi phối kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các trường hợp mua ngoài phát sinh ngay các chi phí công nợ, vật liệu mua ngoài đưa thẳng vào sản xuất chưa trả tiền cũng phải ghi nhận.

- Nguyên tắc giá gốc: Theo nguyên tắc này giá trị của tài sản được phản ánh theo giá ở thời điểm mua tài sản đó, không phải giá trị tại thời điểm xác định giá tài sản theo giá thị trường.

- Nguyên tắc nhất quán : Chi phí sản xuất bao gồm chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí NVLTT, chi phí tiền lương... Kế toán phải áp dụng thống nhất (Phương pháp khấu hao tài sản cố định, dự phòng giảm hàng tồn kho, phương pháp tính lương, phương pháp tính giá nguyên liệu, vật liệu...) để đảm bảo cho chi phí sản xuất không có thay đổi, không ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

Theo nguyên tắc này tất cả các chính sách, phương pháp tính toán doanh nghiệp đã chọn phải được áp dụng nhất quán từ kỳ này sang kỳ khác. Chỉ nên thay đổi chính sách và phương pháp kế toán khi có lý do đặc biệt và ít nhất phải sang kỳ kế toán sau.

- Nguyên tắc phù hợp: Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng với doanh thu gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

- Nguyên tắc trọng yếu: Thông tin được coi là trọng yếu trong trường hợp nếu thiếu thông tin hoặc thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.

Việc tập hợp chi phí và giá thành phải được đảm bảo chính xác. Nếu tập hợp sai sẽ làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính và có thể ảnh hưởng đến rất nhiều kỳ kế toán sau đó, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh doanh.

### ***Chuẩn mực kế toán số 02 (VAS 02)- Hàng tồn kho***

Chuẩn mực kế toán số 02 quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán hàng tồn kho, bao gồm: Xác định giá trị và kế toán hàng tồn kho vào chi phí; Ghi giảm giá trị hàng tồn kho cho phù hợp với giá trị thuần có thể thực hiện được và phương pháp tính giá trị hàng tồn kho làm cơ sở ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài

chính.

Khi bán hàng tồn kho, giá gốc của hàng tồn kho đã bán được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phù hợp với doanh thu liên quan đến chúng được ghi nhận. Tất cả các khoản chênh lệch giữa khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối niên độ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ kế toán năm trước, các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho, sau khi trừ (-) phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra, và chi phí sản xuất chung không phân bổ, được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập ở cuối niên độ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối niên độ kế toán năm trước, thì số chênh lệch lớn hơn phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh.

Ghi nhận giá trị hàng tồn kho đã bán vào chi phí trong kỳ phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu.

Trường hợp một số loại hàng tồn kho được sử dụng để sản xuất ra tài sản cố định hoặc sử dụng như nhà xưởng, máy móc, thiết bị tự sản xuất thì giá gốc hàng tồn kho này được hạch toán vào giá trị tài sản cố định.

***Chuẩn mực Kế toán số 03 (VAS 03): Tài sản cố định hữu hình, Chuẩn mực Kế toán số 04 (VAS 04): Tài sản cố định vô hình***

Hai chuẩn mực đưa ra những quy định hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán đối với tài sản cố định gồm:

- Tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định;
- Thời điểm ghi nhận;
- Xác định giá trị ban đầu;
- Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu;
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định.

***Chuẩn mực Kế toán số 14 (VAS 14): Doanh thu và Thu nhập khác***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền

sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **1.4.2. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp**

##### **1.4.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**

- Bao gồm tất cả các chi phí về nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu được sử dụng trực tiếp cho quá trình sản xuất sản phẩm.

- *Chứng từ sử dụng*: Phiếu xuất kho, hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn mua hàng, biên bản kiểm nghiệm vật tư ...

- *Quy trình luân chuyển chứng từ*: Quy trình luân chuyển chứng từ liên quan đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp có thể khái quát như sau:

+ Khi xuất vật tư cho phân xưởng sản xuất, thủ kho căn cứ vào “Phiếu xuất kho” được lập để xuất vật tư cho phân xưởng sản xuất. Nếu vật tư mua ngoài dùng ngay cho sản xuất thì chứng từ được sử dụng để hạch toán là “Hóa đơn mua hàng” hoặc “Hóa đơn giá trị gia tăng”, “Phiếu chi”, “Giấy báo Nợ”...;

+ Từ các chứng từ trên, kế toán vào Sổ chi tiết tài khoản 621. Bảng kê xuất vật tư, Bảng kê nhập - xuất - tồn;

+ Đồng thời, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để phản ánh vào các sổ tổng hợp như sổ Nhật ký chung, sổ Cái ...

- *Tài khoản sử dụng*: TK 621 "Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp".

Bên Nợ: trị giá vốn nguyên vật liệu trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ trong kỳ...

Bên Có: trị giá vốn nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập lại kho, trị giá phế liệu thu hồi, kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để tính giá thành sản phẩm.

TK 621 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621)

#### **1.4.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

- Chi phí nhân công trực tiếp là tiền lương, phụ cấp và các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

- *Chứng từ sử dụng*: Bảng chấm công, Bản thanh toán tiền lương, Phiếu nghỉ ốm, Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội ...

- *Quy trình luân chuyển chứng từ*: Quy trình luân chuyển chứng từ liên quan đến chi phí nhân công trực tiếp có thể khái quát như sau:

+ Hàng ngày, các bộ phận theo dõi lao động thông qua Bảng chấm công, Phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành...;

+ Căn cứ vào các chứng từ trên và các chứng từ khác như Bảng đơn giá tiền lương, Hợp đồng giao khoán, Phiếu nghỉ ốm, ... kế toán tính ra tiền lương của người lao động và phản ánh vào Bảng thanh toán tiền lương, Bảng phân bổ tiền lương và Bảo hiểm xã hội, Bảng tính thuế thu nhập cá nhân ... và sổ chi tiết Tài khoản 622;

+ Đồng thời, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc để phản ánh vào các sổ tổng hợp như sổ Nhật ký chung, sổ Cái ..

Nếu tiền lương công nhân trực tiếp liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí và không xác định một cách trực tiếp cho từng đối tượng thì phải tiến hành phân bổ theo những tiêu thức phù hợp. Các tiêu thức phân bổ bao gồm: định mức tiền lương của các đối tượng, hệ số phân bổ được quy định theo số giờ sản xuất hoặc ngày công tiêu chuẩn... Trên cơ sở tiền lương phân bổ sẽ tiến hành trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

- *Tài khoản sử dụng*: TK 622 "Chi phí nhân công trực tiếp"

Bên Nợ: phản ánh chi phí nhân công trực tiếp trong kỳ

Bên Có: Kết chuyển nhân công trực tiếp sang TK 154 "chi phí sản xuất kinh doanh dở dang".

TK 622 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)

#### **1.4.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung**

- Chi phí sản xuất chung là chi phí phục vụ và quản lý sản xuất gắn liền với

từng phân xưởng sản xuất, gồm các khoản: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu và dụng cụ sản xuất dùng ở phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí khác bằng tiền dùng ở phân xưởng...

*- Chứng từ sử dụng*

Hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, phiếu chi, giấy đề nghị thanh toán, bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng khấu trích khấu hao tài sản, giấy đi đường, giấy xác nhận công tác, bảng phân bổ chi phí sản xuất chung theo khoản mục, ...

*- Tài khoản sử dụng*

Đề hạch toán kế toán sử dụng TK 627 - Chi phí sản xuất chung.

Tài khoản 627 không có số dư và được mở 6 tài khoản cấp 2 để tập hợp theo yếu tố chi phí.

+ TK 6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng;

+ TK 6272 - Chi phí vật liệu;

+ TK 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất;

+ TK 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ;

+ TK 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài;

+ TK 6278 - Chi phí khác bằng tiền.

\* Kết cấu của TK 627 như sau:

Bên Nợ: tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

Bên Có: kết chuyển hoặc phân bổ chi phí, sản xuất cho các sản phẩm lao vụ có liên quan đến tính giá thành.

+ Các khoản giảm trừ chi phí sản xuất chung

TK 627 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí sản xuất chung (TK 627)

**1.4.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất**

- Tất cả các chi phí có liên quan đến đối tượng tính giá thành sản phẩm đều được ghi vào TK 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang"

Chi phí sản xuất sau khi tập hợp riêng từng khoản mục, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung cần được kết chuyển sang TK 154 để tính giá thành.

TK 154 "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" dùng để tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm,

- Kết cấu TK 154 như sau:

Bên Nợ: kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất sản phẩm trong kỳ.

Bên Có: giá thành sản phẩm trong kỳ hoàn thành.

+ Các khoản giảm giá thành:

Dư Nợ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

TK 154 được mở cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số TK liên quan khác như: TK 111, TK 632...

Sơ đồ 1.4: Kế toán Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154)

#### **1.4.2.5. Đánh giá sản phẩm dở dang**

- *Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

Theo phương pháp này giá trị Thành phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, còn các chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành. Ngay cả phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cũng tùy thuộc vào đặc điểm tình hình, yêu cầu quản lý chi phí của từng doanh nghiệp mà có thể tính theo mức độ hoàn thành của Thành phẩm dở dang. Tuy nhiên để đơn giản, giảm bớt khối lượng tính toán, mà vẫn có thể đảm bảo mức độ chính xác khá cao, kế toán tính cho sản phẩm hoàn thành và Thành phẩm dở dang phần chi phí nguyên vật liệu như nhau theo công thức sau:

$$\text{Giá trị Thành phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị Thành phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng Thành phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng Thành phẩm dở dang cuối kỳ}$$

Đối với những doanh nghiệp có qui trình công nghệ sản xuất sản phẩm kiểu phức tạp liên tục, sản phẩm phải qua nhiều giai đoạn chế biến liên tục, kế tiếp nhau thì Thành phẩm dở dang cuối kỳ của các giai đoạn sau được đánh giá theo chi phí của nửa thành phẩm giai đoạn trước.

*- Đánh giá sản phẩm dở dang theo sản lượng ước tính tương đương*

Theo phương pháp này, thành phẩm dở dang cuối kỳ phải chịu toàn bộ các khoản mục chi phí, theo mức độ hoàn thành của chúng. Do vậy, khi kiểm kê thành phẩm dở dang cần phải xác định được mức độ hoàn thành của chúng, để qui đổi ra sản phẩm hoàn thành tương đương mà xác định chi phí dở dang.

Để đơn giản thì khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nửa thành phẩm của giai đoạn trước) tính cho sản phẩm hoàn thành và Thành phẩm dở dang như nhau, còn các khoản mục chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung tính cho Thành phẩm dở dang theo mức độ hoàn thành.

Việc tính toán chi phí cho Thành phẩm dở dang cuối kỳ theo từng khoản mục như sau:

$$\begin{array}{l} \text{CP NVL trong} \\ \text{Thành phẩm} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{CP NVL trong} \\ \text{Thành phẩm dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \\ \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CP NVL phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \text{Số lượng} \\ \text{Thành phẩm dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{Thành phẩm} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{Thành phẩm} \\ \text{dở dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{CP chế biến} \\ \text{trong Thành} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{CP chế biến trong} \\ \text{Thành phẩm dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \\ \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CP chế biến phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \\ \text{Số lượng thành} \\ \text{phẩm hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{Thành phẩm} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{Thành phẩm} \\ \text{hoàn thành} \\ \text{tương đương} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng thành} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng Thành} \\ \text{phẩm dở dang} \end{array} \times \text{Mức độ hoàn thành}$$

trung đương                      cuối kỳ

Trong thực tế, do việc xác định mức độ hoàn thành của Thành phẩm dở dang đòi hỏi tốn nhiều thời gian, đặc biệt ở các doanh nghiệp có qui trình công nghệ phức tạp kiểu liên tục, sản phẩm hoàn thành phải qua nhiều giai đoạn chế biến liên tục, nên có thể qui định mức độ hoàn thành của Thành phẩm dở dang là 50% do vậy còn có phương pháp với tên gọi "Đánh giá Thành phẩm dở dang cuối kỳ theo mức độ hoàn thành 50%".

- *Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính*

Theo phương pháp này giá trị Thành phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu chính mà không tính đến các chi phí sản xuất khác (CP NVL phụ, CP NCTT, CP SXC).

Kế toán xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Giá trị thành phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị thành phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí NVL chính phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng thành phẩm hoàn thành cuối kỳ}} \times \text{Số lượng thành phẩm dở dang cuối kỳ}$$

- *Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức*

Trong các doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống định mức, dự toán chi phí cho sản phẩm, thì nên áp dụng phương pháp định giá thành phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí định mức.

Theo phương pháp này căn cứ vào khối lượng thành phẩm dở dang và mức độ hoàn thành của chúng, cũng như yêu cầu quản lý chi phí của doanh nghiệp để tính phần chi phí cho thành phẩm dở dang cuối kỳ. Chi phí tính cho thành phẩm dở dang cuối kỳ để đơn giản có thể chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, cũng có thể tính theo cả 3 khoản mục chi phí.

$$\text{Giá trị Thành} = \text{CPSX định} \times \text{Số lượng} \times \text{Mức độ}$$



phẩm dở dang cuối kỳ	mức đơn vị	Thành phẩm dở dang cuối kỳ	hoàn thành
-------------------------	------------	----------------------------------	------------

\* Đánh giá thành phẩm dở dang cuối kỳ theo phương pháp phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của doanh nghiệp sẽ đảm bảo xác định đúng phần chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm, giúp cho việc xác định kết quả SXKD được chính

#### ***1.4.2.6. Các phương pháp tính giá thành sản phẩm***

Phương pháp tính giá thành là hệ thống phép tính được sử dụng để tính giá thành sản phẩm và đơn vị sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành. Các doanh nghiệp căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất, đặc điểm của sản phẩm, yêu cầu quản lý sản xuất và giá thành, mối quan hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất với đối tượng tính giá thành sản phẩm mà lựa chọn phương pháp tính giá thành sản phẩm thích hợp đối với từng đối tượng tính giá thành sản phẩm, cụ thể:

- *Phương pháp tính giá thành gián đơn (trực tiếp):*

Phương pháp này được vận dụng khi doanh nghiệp có quy trình sản xuất đơn giản, ít chủng loại sản phẩm, chu kỳ sản xuất ngắn; đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành thống nhất với nhau. Khi ấy ta có thể áp dụng các công thức sau đây để xác định giá thành sản phẩm:

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm} = \text{Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí sản xuất p/s trong kỳ} - \text{Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ}$$

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

- *Phương pháp tính giá thành theo tỷ lệ*

Phương pháp tỷ lệ được áp dụng trong các doanh nghiệp cùng một loại nguyên liệu chính. Kết thúc quá trình sản xuất tạo ra nhiều nhóm sản phẩm cùng

loại, khác nhau về kích cỡ hoặc phẩm cấp. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất. Đối tượng tính giá thành là từng nhóm sản phẩm hoàn thành.

Trình tự tính giá thành được thực hiện theo 4 bước:

+ Bước 1: Tập hợp CPSX toàn quy trình sản xuất, tính CPSX của các nhóm sản phẩm đã hoàn thành.

+ Bước 2: Xác định tiêu chuẩn phân bổ giá thành.

+ Bước 3: Xác định tỷ lệ tính giá thành.

+ Bước 4: Xác định giá thành từng nhóm sản phẩm.

- *Phương pháp tính giá thành loại trừ chi phí sản xuất sản phẩm phụ*

Đối với các doanh nghiệp mà trong cùng một quy trình sản xuất, ngoài sản phẩm chính còn thu được cả sản phẩm phụ thì để tính được giá thành sản phẩm chính ta phải loại trừ phần CPSX tính cho sản phẩm phụ khỏi tổng CPSX của cả quy trình công nghệ. Chi phí sản xuất sản phẩm phụ ( $C_p$ ) có thể được xác định theo chi phí ước tính hoặc xác định dựa trên giá có thể bán được sau khi trừ lợi nhuận định mức. Khi đó:

$$Z = D_{dk} + C - D_{ck} - C_p$$

- *Phương pháp tính giá thành theo hệ số:*

Phương pháp này được áp dụng khi trong cùng một quy trình sản xuất tạo ra nhiều loại sản phẩm chính và giữa chúng có hệ số quy đổi (quy đổi thành sản phẩm chuẩn, sản phẩm có hệ số là 1 được xem là sản phẩm chuẩn).

Đặc điểm tổ chức kế toán: đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là nhóm sản phẩm, đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm.

$$\text{Giá thành đơn vị SP chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành các loại SP chính hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng sản phẩm chuẩn hoàn thành trong kỳ}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng sản phẩm} \\ \text{chuẩn hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \sum \left[ \begin{array}{l} \text{Số lượng từng loại} \\ \text{sản phẩm chính hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} \times \text{Hệ số quy đổi} \right]$$

### **1.5. Tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**

Hoạt động quản lý của doanh nghiệp là một hoạt động liên tục, từ khâu hoạch định cho đến khâu tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát, đánh giá và ra quyết định rồi sau đó quay lại khâu lập kế hoạch cho kỳ sau.

Để làm tốt chức năng quản lý, nhà quản trị phải có thông tin cần thiết để có thể ra các quyết định đúng đắn, kế toán thiết kế, tổng hợp, phân tích và truyền đạt thông tin nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho các chức năng quản trị.

Kết quả của việc sử dụng các thông tin kế toán này là các quyết định được ban hành và các hoạt động kinh tế mới diễn ra.

Trong quá trình điều hành doanh nghiệp, các nhà quản trị phải trao đổi cập nhật thông tin kế toán. Họ không thể ra các quyết định mà không có thông tin kế toán. Hơn nữa để hoạt động có hiệu quả các nhà quản trị còn đòi hỏi thông tin kế toán phải đầy đủ, kịp thời, chính xác nhằm thực hiện tốt các chức năng và hoạt động quản trị của mình.

Có thể khẳng định rằng công tác kế toán tài chính và kế toán quản trị đều có chung một điểm xuất phát là cùng sử dụng một nguồn thông tin đầu vào của kế toán. Do đó, thông tin chi phí ban đầu có thể được thu nhận từ hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán của đơn vị hoặc cũng có thể thu nhận từ các báo cáo được lập trước, các thông tin này được cung cấp cho kế toán quản trị tiến hành xử lý.

Thông tin của kế toán tài chính có vai trò rất quan trọng để phục vụ yêu cầu quản trị và điều hành doanh nghiệp, là cơ sở cho việc ra các quyết định quản lý trong mọi lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó để tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính để phục vụ yêu cầu quản trị doanh nghiệp về chi phí sản xuất và tính giá

thành phải được thực hiện trên những nội dung sau:

*- Thiết kế chứng từ:*

Hệ thống chứng từ nhằm ghi chép, lưu trữ số liệu về kế toán phục vụ cho nhu cầu của kế toán tài chính và kế toán quản trị. Để tránh sự trùng lặp không cần thiết, phần lớn chứng từ của kế toán tài chính được sử dụng trong hệ thống kế toán quản trị. Bên cạnh đó, tùy theo nhu cầu về thông tin và thực tiễn của doanh nghiệp có thể thiết kế thêm một số chứng từ riêng cho kế toán quản trị. Các nguyên tắc thiết kế hệ thống chứng từ của hệ thống kế toán quản trị bao gồm: tính tin cậy của dữ liệu; tính dễ truy cập và tính so sánh được. Nội dung của chứng từ kế toán quản trị nhất thiết phải có các nội dung như: "lĩnh vực hoạt động", "loại chi phí", "trung tâm trách nhiệm".

*- Tài khoản kế toán*

Trên cơ sở hệ thống tài khoản kế toán thống nhất do Nhà nước ban hành cần xây dựng một hệ thống tài khoản chi tiết để tập hợp, xử lý và cung cấp thông tin phục vụ cho quản trị nội bộ một cách khoa học, mở các tài khoản chi tiết cấp 2, cấp 3, cấp 4, .... nhằm chi tiết hóa các thông tin kế toán tài chính, từ đó xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin một cách khoa học hợp lý.

Việc mã hóa các tài khoản chi tiết có thể được mã hóa như sau:

Mã tài khoản - mã loại chi phí - mã sản phẩm.

*- Thiết kế hệ thống sổ kế toán*

Thiết kế hệ thống sổ kế toán chi tiết với số lượng sổ, kết cấu mẫu sổ và các chỉ tiêu cần phản ánh phù hợp với các yêu cầu quản trị khác nhau đồng thời phù hợp với trình độ trang bị công nghệ xử lý thông tin tại doanh nghiệp.

*- Thiết lập hệ thống báo cáo*

Báo cáo kế toán phục vụ cho quản trị doanh nghiệp là loại báo cáo phản ánh một cách chi tiết, cụ thể tình hình sử dụng tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

Những thông tin này giúp nhà quản trị doanh nghiệp đánh giá, phân tích và dự đoán tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng phát triển của doanh nghiệp, từ đó đề ra các quyết định đúng đắn trong quản lý sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy cần thiết kế xây dựng các báo cáo kế toán có tính đặc thù, chi tiết về nội dung và đa dạng về hình thức nhằm phù hợp với yêu cầu

của nhà quản lý.

Khi thiết kế các báo cáo phục vụ cho quản trị doanh nghiệp cần quan tâm đến các yêu cầu như: về mẫu báo cáo, nội dung báo cáo, chỉ tiêu trong báo cáo, cách thức bố trí sao cho tương xứng phù hợp đồng thời cung cấp được nhiều thông tin cần thiết.

Trên cơ sở các thông tin đã thu nhận, hệ thống báo cáo kế toán nội bộ có thể gồm báo cáo nhanh, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, báo cáo chi tiết, báo cáo tổng hợp,... Từ đó kết hợp sử dụng các phương pháp kỹ thuật khác nhau để phân tích các chỉ tiêu thực hiện, giúp nhà quản trị ra quyết định đúng đắn và hiệu quả hơn.

Khi tổ chức thông tin kế toán cần phải căn cứ vào mục tiêu của doanh nghiệp, các kế hoạch, dự toán bộ phận, và yêu cầu quản lý để xác định rõ nguồn thông tin, loại thông tin và lượng thông tin mà các nhà quản trị yêu cầu.

Trên cơ sở hiểu rõ vấn đề và nhận thức tổ chức thông tin kế toán điều này sẽ giúp cho nhà quản trị tránh được tình huống có quá nhiều thông tin để đánh giá, phân tích từ đó sẽ đạt được những quyết định chính xác và hợp lý.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có vai trò rất quan trọng, giúp doanh nghiệp theo dõi được chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, để có biện pháp sử dụng nguồn lực hợp lý, tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Dựa trên cơ sở lý luận về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm đã trình bày trong Chương 1 để xem xét đối chiếu với thực tế công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cụ thể tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng, từ đó rút ra những ưu điểm, những hạn chế và đưa ra giải pháp giúp hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HUNG**

### **2.1 Tổng quan về Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng (Trước khi Cổ phần hoá là Công ty Vật tư tổng hợp Hải Hưng), được thành lập ngày 15/12/1968. Lúc đầu Công ty có tên gọi là Chi cục vật tư Hải Hưng trực thuộc Tổng cục vật tư với 150 cán bộ công nhân viên. Nhiệm vụ chính của Công ty là cung ứng thường xuyên, có kế hoạch vật tư kỹ thuật cho các đơn vị sản xuất trong và ngoài tỉnh. Năm 1971 Chi cục vật tư Hải Hưng đổi tên thành Công ty Vật tư kỹ thuật Hải Hưng cung ứng vật tư kỹ thuật cung cấp cho các đơn vị sản xuất đồng thời làm nhiệm vụ hạch toán kinh tế, quản lý vật tư tài sản và lao động để phục vụ đầy đủ kịp thời và kinh tế nhất cho sản xuất.

Năm 1985 Bộ Vật tư giải thể liên hiệp cung ứng vật tư khu vực III, Công ty kỹ thuật Hải Hưng trực thuộc Bộ Vật Tư. Năm 1991 do sát nhập 3 Bộ: Vật Tư, Ngoại Thương, Thương Nghiệp, Năm 1992 Bộ Thương nghiệp đổi tên thành Bộ Thương Mại và Công ty Cổ phần Vật tư Hải Hưng trực thuộc Bộ Thương Mại.

Năm 1986 cùng với việc chuyển đổi sang cơ chế quản lý kinh tế mới, Công ty đổi tên thành Công ty Vật tư tổng hợp Hải Hưng. Lúc này Công ty chuyển đổi sang cơ chế quản lý từ cung ứng, phân phối theo kế hoạch vật tư kỹ thuật sang tự chủ hạch toán sản xuất kinh doanh với chức năng chính là :

Chủ động khai thác thị trường vật tư hàng hoá kim khí cung ứng đầy đủ kịp thời nhu cầu cho sản xuất, xây dựng đời sống xã hội, đảm bảo yêu cầu về chất lượng, số lượng, chủng loại.

Chủ động hạch toán kinh doanh đảm bảo yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh có lãi, nộp đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước, đảm bảo việc làm và đời sống cho cán bộ công nhân viên. Tham gia vào ổn định giá cả vật tư kim khí trên thị trường, góp phần ổn định tình hình kinh tế- chính trị- xã hội, tổ chức quản lý và an toàn tài sản, vật tư tiền vốn lao động.

Năm 2005, cùng với xu thế tiến hành cổ phần hoá các Doanh nghiệp Nhà nước, theo chủ trương của Đảng, Nhà nước, Bộ Thương mại có Quyết Định 4099 QĐ-BTM tiến hành chuyển đổi Công ty sang hình thức Công ty Cổ phần. Sau khi tiến hành cổ phần hoá Công ty có tên là Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng.

Tên Tiếng Anh: HAI HUNG MATERIALS AND SHOES EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Viết tắt: HMSC

Địa chỉ: Đường Quán Thánh- Phường Bình Hàn- Thành phố Hải Dương- Tỉnh Hải Dương

Giấy phép kinh doanh số : 0403000477, ngày cấp 21/9/2006

Ngày hoạt động: 21/9/2006

Giám đốc: Hà Mạnh Thắng

Điện thoại: (0320)3.852352/ 853372/ 855660/ 853490

Fax: (0320)3.850878.

Số tài khoản: 102010000350608 Ngân hàng Công thương Hải Dương.

Vốn điều lệ: 500.000.000 VND

Tổng diện tích: 100.000m<sup>2</sup>

Lao động bình quân: 652 người.

Ngành nghề kinh doanh: Gia công sản xuất các mặt hàng giày xuất khẩu, sản xuất gia công các mặt hàng may mặc, kinh doanh các loại vật tư phục vụ may mặc, giày dép, sản xuất giày vải xuất khẩu.

Thị trường tiêu thụ chủ yếu là các nước EU và Mỹ.

Hiện tại công ty bao gồm:

Gồm 7 phân xưởng bố trí theo từng dây chuyền công nghệ sản xuất

Hệ thống máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho việc sản xuất.

Công ty đảm nhiệm chức năng sản xuất và xuất khẩu giày dép và lĩnh vực gia công xuất khẩu ra nước ngoài.

Nhập nguyên vật liệu để sản xuất và trang thiết bị trong Công ty, thực hiện kinh doanh theo ngành nghề trong giấy phép kinh doanh.



Ngoài chức năng trên Công ty còn có chức năng quản lý sản xuất (Khởi nhà máy) chức năng này có nhiệm vụ là tổ chức các hoạt động sản xuất và điều hành sản xuất.

***Những thuận lợi và khó khăn tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng***

***\* Thuận lợi***

Nhà nước ta đã nỗ lực hết sức trong việc đưa Việt Nam tham gia vào các thị trường kinh tế chung trong khu vực như: ASEAN, AFTA, APEC,... và nhất là sau 11 năm cố gắng đã được gia nhập WTO. Đó là một cơ hội lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào thị trường thế giới.

Tình hình an ninh chính trị trong nước ổn định cùng với đà phát triển của nền kinh tế Việt Nam theo hướng mở cửa đã tạo điều kiện cho tất cả các doanh nghiệp phát triển đặc biệt trong lĩnh vực xuất khẩu.

Công ty thành lập được gần 20 năm nên đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tham gia vào thị trường nước ngoài. Điều này giúp Công ty không mấy khó khăn trong việc làm thủ tục giao dịch với khách hàng.

Đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, tích cực, trình độ chuyên môn cao cùng làm việc trong môi trường thoải mái tiện nghi kết hợp với đội ngũ cán bộ cao cấp đầy kinh nghiệm của Công ty làm cho bộ máy quản lý Công ty ngày càng vững chắc.

Nguồn lao động sẵn có và đầy tiềm năng của Việt Nam, Công ty rất yên tâm trong việc mở thêm nhiều dây chuyền sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Sau gần 20 năm hoạt động Công ty đã có nhiều khách hàng quen thuộc lâu năm.

***\* Khó khăn***

Bên cạnh những thuận lợi trên Công ty cũng còn gặp không ít những khó khăn trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình như sau:

- Nền kinh tế mở cửa do đó đối thủ cạnh tranh ngày càng nhiều không chỉ doanh nghiệp trong nước mà còn các doanh nghiệp nước ngoài.

- Trình độ khoa học công nghệ hiện đại đòi hỏi Công ty phải củng cố mạnh mẽ cải tiến không ngừng để hội nhập vào thị trường cạnh tranh gay gắt.

- Công ty cũng nằm trong diện bị ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn

cầu nên khó khăn trong vấn đề tiêu thụ sản phẩm.

## **2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

### **2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh**

Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng có các hoạt động sản xuất kinh doanh chính bao gồm:

- Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm vật tư, giày dép;
- Kinh doanh nhà đất, cho thuê kho bãi, văn phòng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu đồ điện gia dụng.

Đặc điểm của ngành sản xuất giày tại công ty:

Quá trình chế tạo sản phẩm giày thông qua các công đoạn sau:

- Chuẩn bị vật tư đầu vào
- Chặt
- Thêu, in, ép
- May
- Cán ép đế
- Hoàn tất đế
- Gò ráp
- Đóng gói bao bì nhập kho

### Sơ đồ 2.4 Sơ Đồ Quá Trình Sản Xuất Giày

Giải thích quy trình công nghệ sản xuất

Căn cứ vào đặc điểm gia công, nên phải tiến hành tuần tự hay tiến hành song song nhau, chia làm hai giai đoạn chính: Là giai đoạn sản xuất bán thành phẩm và giai đoạn sản xuất thành phẩm.

\* Chuẩn bị đầu tư đầu vào sản xuất bán thành phẩm: Giai đoạn này có thể tiến hành song song cùng lúc gồm:

- Quy trình sản xuất mũ giày bao gồm: Chặt các chi tiết mũ giày và lót giày, tiến hành may mũ giày, nếu mũ giày có các chi tiết phải thêu – in – ép thì phải làm trước khi đem may.

- Quy trình sản xuất đế giày bao gồm quá trình cán luyện ép đế cao su bằng khuôn gia nhiệt, cắt phần dư ra và vệ sinh đóng hộp.

\* Tập hợp bán thành phẩm sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh: Gồm chuẩn bị sản xuất, sản xuất gò ráp.

Giai đoạn này đòi hỏi tính đồng bộ và chính xác cao, mũ và đế giày sẽ được gò ráp với nhau để cho ra sản phẩm hoàn chỉnh. Nếu mũ và đế không khớp nhau thì việc ráp sẽ rất khó khăn và không cho ra được thành phẩm như ý muốn.

### ***Đặc điểm sản phẩm***

Kết cấu sản phẩm giày: Gồm phần mũ giày và đế giày

\* Phần mũ giày là 1 phần phía trên của đôi giày, gồm các chi tiết:

Mặt ngoài của mũ giày làm bằng da đối với giày cao cấp, Simili đối với giày rẻ tiền, ngoài ra cần có thể là vải hoặc giả da.

Chi tiết lót (mặt lót): Làm bằng da, Simili, vải dệt hoặc vật tư xốp.

▪ Chi tiết tăng cường: Chemisheet,...

▪ Chi tiết trang trí: Đèn nháy, tem mác, hoa văn,...

\* Phần đế giày:

▪ Phần tiếp xúc trực tiếp với lòng bàn chân: Tẩy giấy hoặc cao su, lót tẩy, dây viền,...

▪ Chi tiết tiếp xúc với mặt đất, (đế và lót)

Chi tiết tăng cường: Độn sắt để tránh gãy đế đối với giày có lớp cao su mỏng, lỗ thông khí,...

Việc tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành là một khâu rất quan trọng trong việc tính toán điều hành, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ đó tính toán kiểm tra và bảo vệ tài sản sử dụng, tài sản vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của đơn vị;

Trong công tác quản lý Công ty, chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất của một Công ty. Để tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm có hiệu quả và tăng sức cạnh

tranh trên thị trường thì các nhà quản trị phải đặt ra các biện pháp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.... Do đó hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong Công ty thì kế toán cần phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy trình sản xuất của Công ty;
  - Xác định kiểm kê đánh giá trị giá sản phẩm dở dang cuối kỳ;
  - Lựa chọn phương pháp tập hợp, bổ sung chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phù hợp;
  - Tổ chức vận dụng các tài khoản kế toán để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thích hợp với phương pháp hàng tồn kho mà Công ty đã lựa chọn;
  - Tổ chức ghi chép và ghi sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp;
  - Kiểm tra việc thực hiện chi phí sản xuất, phân tích các khoản chi phí và so sánh dự đoán chi phí phát hiện các chênh lệch và xử lý;
  - Lập các báo cáo về giá thành sản xuất của sản phẩm, sản xuất được trong kỳ.
- Nhằm cung cấp các thông tin phục vụ cho việc điều hành, quản lý hoạt động sản xuất của Công ty.

Trong một Công ty sản xuất vấn đề tăng năng xuất, chất lượng của sản phẩm có hay không, điều đó phụ thuộc vào dây chuyền công nghệ để sản xuất ra sản phẩm đúng quy cách, chất lượng.

Tuy nhiên do điều kiện cụ thể của từng Công ty mà có thể tổ chức quy trình công nghệ cho phù hợp với điều kiện của từng Công ty.

Như vậy, khi thực hiện cổ phần Công ty đã đăng ký rất nhiều ngành nghề kinh doanh khác nhau, để tiện cho việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh sau này. Nhưng hiện nay, trên thực tế Công ty chỉ thực hiện sản xuất và kinh doanh, xuất nhập khẩu các nguyên liệu, sản phẩm vật tư, giấy dép.

Nhìn vào sơ đồ ta thấy bắt đầu một quy trình sản xuất là đơn đặt hàng, từ đơn đặt hàng của khách hàng Công ty sắp xếp và có kế hoạch sản xuất. Kế hoạch sản xuất được bắt đầu từ việc thu mua nguyên vật liệu cho đến khi đóng hòm, đóng gói hoàn thành được gọi là thành phẩm;

Là một Công ty sản xuất giấy dép nên quy trình từ khi có vật liệu cho đến khi

hoàn thành một sản phẩm nhất thiết phải trải qua 3 công đoạn chủ yếu đó là: Cắt, may, gò ráp, đan xen giữa những công đoạn này là thừa khuyết, thừa cúc sau đó tới công đoạn là KCS kiểm tra sản phẩm và đóng gói sản phẩm;

Như vậy Công ty cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng có quy trình sản xuất giản đơn, dễ giao việc, dễ kiểm tra tiến độ hoàn thành.

*2.1.2.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng*

*\* Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty*

Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng thiết lập, ban hành thực hiện và duy trì bộ máy quản lý dựa trên các quy trình, thủ tục dạng văn bản quy định trách nhiệm và quyền hạn của mỗi vị trí quản lý.

Các chức danh theo hệ thống quản lý của Công ty gồm có:

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Tổng Giám Đốc điều hành

Phó Tổng Giám Đốc

Giám Đốc

Phó Giám Đốc

Trưởng Phòng Nghiệp vụ

Quản Đốc Phân Xưởng

Phó Quản Đốc

Trợ lý Quản Đốc

Chuyên trưởng, Tổ trưởng, Trưởng ca

Nhân viên nghiệp vụ

*\* Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty*

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty

*\* Chức năng*

**◆ Tổng Giám Đốc:**

Là người có quyền tối cao trong Công ty và được Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm để điều hành mọi hoạt động của Công ty, chịu trách nhiệm với nhà nước về mọi hoạt

động sản xuất kinh doanh và công nhân viên của công ty, có quyền xem xét sửa đổi nội dung và phê duyệt các tài liệu thuộc hệ thống quản lý trong Công ty, đánh giá chất lượng nội bộ, quản lý đề bạt và khen thưởng đối với cán bộ công nhân viên và chịu trách nhiệm về quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; lập chương trình kế hoạch sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển của đơn vị.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản, vật tư, tiền vốn, lao động theo quy định;

Chỉ đạo các mặt sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tổ chức lao động, ký kết và chỉ đạo thực hiện các hợp đồng sản xuất, mua bán vật tư, dịch vụ...Thực hiện yêu cầu bảo toàn và phát triển vốn trên cơ sở sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

**◆ Phòng kinh doanh:**

Tham mưu cho tổng giám đốc về công tác kế hoạch và điều độ sản xuất, tìm thị trường mua các yếu tố đầu vào, bán các yếu tố đầu ra trong và ngoài nước. Phân bổ kế hoạch hàng tháng, hàng quý cho các đơn vị. Thực hiện chức năng tiếp thị kinh doanh sản phẩm ở thị trường nội địa và nước ngoài. Quản lý tổ chức thiết kế và phân tích sản phẩm, chịu trách nhiệm tổng hợp các khiếu nại của khách hàng, đánh giá chất lượng nội bộ. Khai thác, tiếp nhận, quản lý, cấp phát vật tư, nguyên phụ liệu chính xác kịp thời phục vụ sản xuất.

**◆ Trung tâm mẫu:**

Nghiên cứu phân tích sản phẩm mẫu và tiến hành sản xuất mẫu. Cân đối vật tư của sản phẩm mẫu. Thiết kế, kiểm tra và triển khai mới biểu mẫu.

**◆ Bộ phận chất lượng:**

Giám sát, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện yêu cầu chất lượng ở tất cả mọi khâu của quá trình chuẩn bị sản xuất, kiểm soát chất lượng và quy trình sản xuất, tiến hành triển khai công nghệ, xác định được đặc tính của sản phẩm, theo dõi đo lường sản phẩm, nhằm ngăn ngừa, phát hiện sản phẩm hàng hóa không đủ tiêu chuẩn chất lượng đến tay khách hàng, phát hiện các sai sót, sản phẩm bị lỗi, xác định nguyên nhân và quy rõ trách nhiệm. Tham mưu đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, giải pháp khắc phục.

**◆ Bộ phận kế hoạch vật tư chuẩn bị sản xuất:**

Phòng kế hoạch vật tư chuẩn bị sản xuất có nhiệm vụ:

↳ Lên kế hoạch mua vật tư, có chức năng điều hành, quản lý, cấp phát vật tư.

↖ Phân bổ vật tư cho phân xưởng sản xuất theo đơn đặt hàng, chịu trách nhiệm về việc quản lý vật tư.

↖ Có trách nhiệm về các hoạt động mua sắm thiết bị, công cụ lao động, vật tư sản xuất kinh doanh kiểm tra định mức vật tư, nguyên liệu để mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

**◆ Bộ phận sản xuất:**

Phải đảm bảo việc sản xuất sao cho phù hợp với tiến độ giao hàng, lên kế hoạch sản xuất sản phẩm của từng bộ phận, chịu trách nhiệm về quy trình sản xuất sản phẩm của từng phân xưởng.

**◆ Phòng nhân sự:**

Có chức năng quản lý về nhân sự, phát triển nâng cao chất lượng lao động, tổ chức công tác đào tạo lao động mới, sắp xếp và bố trí lao động đạt yêu cầu đảm bảo kế hoạch sản xuất của Công ty.

**◆ Phòng tài chính:**

Có chức năng quản lý, kiểm soát quá trình thu tiền cũng như quá trình thanh toán đối với các nhà cung cấp vật tư đồng thời lập kế hoạch thu tiền và lên kế hoạch thanh toán các khoản nợ cho nhà cung cấp.

**◆ Phòng kế toán:**

Có trách nhiệm tập hợp chứng từ, tập hợp chi phí, lập báo cáo tài chính và báo cáo thuế. Hạch toán kế toán, thống kê, thu thập, ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày để phản ánh tình hình biến động vật tư, hàng hóa, tài sản, tiền vốn của công ty. Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, thu chi tài chính của công ty. Chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra các nghiệp vụ kế toán thống kê của các đơn vị trong công ty. Phân tích hoạt động kinh tế giúp lãnh đạo đề ra các giải pháp có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

**◆ Phòng xuất nhập khẩu:**

Có nhiệm vụ kết hợp với phòng kế hoạch vật tư để làm tờ khai hải quan, lấy nguyên vật liệu về phục vụ cho việc sản xuất giày đồng thời kết hợp với phòng kinh doanh để làm tờ khai hải quan xuất khẩu hàng đi ra nước ngoài.

**◆ Phòng công đoàn:**

Có trách nhiệm chăm lo về mặt vật chất cũng như tinh thần cho anh em cán bộ công nhân viên của Công ty

### ***2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng***

#### ***2.1.3.1 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty***

Phòng kế toán chịu trách nhiệm trước Giám Đốc Tài Chính và Nhà nước theo điều lệ kế toán Nhà nước ban hành. Đảm bảo về mọi hoạt động tài chính - kế toán của Công ty.

Theo dõi và tập hợp các số liệu về kết quả sản xuất bằng nghiệp vụ kế toán. Tham gia phân tích kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty theo từng kỳ tài chính.

Xác lập tính hiệu quả của hệ thống kế toán Công ty, theo dõi kế toán các chi phí bất hợp lý trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty như: Do sản xuất sản phẩm hỏng, hay khắc phục sản phẩm không phù hợp.

Lập và gửi báo cáo đúng hạn các loại văn bản tài chính, thống kê quyết toán theo đúng chế độ hiện hành cho cơ quan quản lý Nhà nước và Hội Đồng Quản Trị Công ty.

Tổ chức bảo quản, lưu trữ các tài liệu, hồ sơ kế toán theo đúng chế độ kế toán do Nhà nước ban hành. Đảm bảo bí mật các tài liệu, hồ sơ và số liệu kế toán.

Thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ kế toán nhằm không ngừng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn .

#### ***2.1.3.2 Tổ chức bộ máy kế toán***

Công ty tổ chức sản xuất và quản lý mang tính tập trung, cơ sở vật chất – kỹ thuật phục vụ cho việc xử lý thông tin được trang bị hiện đại, đầy đủ và đồng bộ. Vì vậy Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức kế toán tập trung. Theo mô hình này, toàn bộ công việc xử lý thông tin tổng hợp trong toàn Công ty được thực hiện tập trung ở phòng kế toán, các bộ phận và đơn vị trực thuộc chỉ thực hiện việc thu thập, phân loại và chuyển chứng từ cùng các báo cáo nghiệp vụ về phòng kế toán xử lý và tổng hợp thông tin.

Mô hình này có ưu điểm là công việc tổ chức bộ máy gọn nhẹ, tiết kiệm, việc xử lý và cung cấp thông tin nhanh nhạy.



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty

### 2.1.3.3 Chức năng

✦ **Kế toán trưởng**: Là người kiểm tra, kiểm soát và tổ chức bộ máy kế toán hoạt động, là người chịu trách nhiệm cao nhất về công tác kế toán trước Hội Đồng Quản Trị cũng như trước Pháp luật. Là người phụ trách công việc chung của phòng kế toán. Có nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách. Cơ chế quản lý và các chế độ ghi chép sổ sách kế toán. Tổ chức ghi chép, tính toán và phản ánh một cách chính xác, trung thực kịp thời và đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty. Tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế và xác định kết quả kinh doanh.

✦ **Kế toán tổng hợp**: Nhiệm vụ tổng hợp tất cả các khoản mục kế toán. Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo thuế và báo cáo tài chính. Theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời các hoạt động, phụ trách về các sổ kế toán. Có nhiệm vụ theo dõi và phản ánh tổng hợp các số liệu chứng từ từ các bộ phận kế toán chi tiết. Từ đó phản ánh các số liệu vào các sổ kế toán tổng hợp và chịu trách nhiệm lập bảng cân đối kế toán, lên số liệu lập báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

✦ **Kế toán doanh thu tiền mặt**: Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt; theo dõi các khoản thanh toán, theo dõi phần doanh thu.

✦ **Kế toán tài sản cố định – công cụ dụng cụ**: Theo dõi về tài sản cố định và tình hình nhập, xuất công cụ dụng cụ.

✦ **Kế toán tiền gửi, thủ quỹ**: Theo dõi tiền gửi ngân hàng, tiền mặt, tiền vay ngắn hạn và dài hạn. Có trách nhiệm thu, chi quỹ tiền mặt hàng ngày.

✦ **Kế toán công nợ vật tư**: Theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho vật tư

✦ **Kế toán xuất nhập khẩu**: Theo dõi chi phí nhập hàng và xuất hàng.

### 2.1.3.4. Hình thức kế toán tại Công ty

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

\* *Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ*

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

Chứng từ ghi sổ

Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ

Sổ Cái

Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

*\* Trình tự ghi sổ kế toán*

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 2.3 Sơ Đồ Hình Thức Chứng Từ Ghi Sổ

### *2.1.3.5. Các chính sách kế toán tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Phương pháp hạch toán chi phí sản xuất: Là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm : Là phương pháp trực tiếp.

Phương tiện tính toán: Toàn bộ các thông tin được ghi nhận trên hệ thống máy tính đã được nối mạng của Công ty.

Đơn vị tiền tệ áp dụng là: Đồng Việt Nam (VNĐ). Các đồng tiền khác được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định của Ngân Hàng tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ.

Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định: Công ty áp dụng tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Hệ thống tài khoản: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản trong Bảng hệ thống tài khoản theo thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

## **2.2. Thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

### ***2.2.1. Đối tượng, phân loại và phương pháp tập hợp chi phí***

*\* Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất*

Căn cứ vào những đặc điểm thực tế sản xuất của Công ty, kế toán hạch toán chi phí sản xuất theo từng mã sản phẩm cho từng đơn hàng của mỗi khách hàng.

Bảng 2.3 Bảng trích mã sản phẩm của một đơn hàng

*\* Phân loại chi phí sản xuất*

Công ty tổ chức tập hợp chi phí sản xuất theo ba khoản mục chính:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí sản xuất chung

**\* Phương pháp tập hợp chi phí**

Công ty đang vận dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho nên việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty cũng theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất được tập hợp theo từng khoản mục chi phí: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí sản xuất chung

Phương pháp kế toán chi phí Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp trực tiếp cho từng mã hàng của từng đơn hàng.

Phương pháp kế toán chi phí sản xuất chung: chi phí sản xuất chung là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng cần tính giá như chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí nhân viên phân xưởng, do đó không được tính riêng cho từng mã hàng mà tập hợp chung cho cả đơn hàng trong tháng tại phân xưởng đó. Hiện tại công ty phân bổ chi phí sản xuất chung theo tiêu thức tiền lương của nhân công trực tiếp sản xuất.

Phương pháp áp dụng để tính sản phẩm dở dang của công ty là theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm ở công ty là phương pháp trực tiếp.

**2.2.2. Kế toán các yếu tố chi phí sản xuất phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

**2.2.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

Những vấn đề chung về chi phí nguyên vật liệu tại Công ty

Chi phí nguyên vật liệu được Phòng kế hoạch định mức dựa vào hàng mẫu của Phòng kỹ thuật.

Tại Công ty không phân biệt nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ. Vì vậy, tất cả các nguyên vật liệu được hạch toán cùng một tài khoản: TK1521 “Vật tư”

Nguồn nguyên liệu dùng để sản xuất giày của Công ty chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài.

Nguyên vật liệu sử dụng ở Công ty bao gồm:

- Vật tư (TK1521): Da, giả da, đế giày, chỉ, tem, nhãn,...
- Nhiên liệu (TK1526): Dầu DO, xăng 92, nhớt castrol

▪ Phụ tùng thay thế (TK1525): Bạc đạn, bù lon, dây curoa, cục nhựa cách điện,....

✦ Tính giá nguyên vật liệu xuất kho: Công ty quản lý và tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Cách tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo công thức sau:

$$\text{Trị giá nguyên vật liệu xuất dùng} = \frac{\text{Số lượng nguyên vật liệu xuất dùng}}{\text{Đơn giá bình quân}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu tồn đầu} + \text{Trị giá nguyên vật liệu nhập}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn đầu} + \text{Số lượng nguyên vật liệu nhập}}$$

✦ Tổ chức quản lý nguyên vật liệu.

- Công ty quy định mỗi loại nguyên vật liệu là một mã riêng như sau:

FO006: FORM DECATHLON, CC015: Viết bạc KOREA, CC007: Kéo bấm chỉ, CC021: Thớt chặt dài,....

- Công ty tổ chức quản lý nguyên vật liệu theo từng kho riêng.

- Cuối tháng, kế toán tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng mã sản phẩm của từng đơn đặt hàng theo tiêu thức “Doanh thu sản xuất”.

⇨ **Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty**

▲ **Tài khoản sử dụng**

TK621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”.

▲ **Chứng từ sử dụng**

☐ Phiếu nhập kho

☐ Phiếu xuất kho

☐ Hóa đơn mua NVL

☐ Bảng kê nhập xuất tồn

▲ **Nội dung sơ đồ luân chuyển chứng từ.**

Quy trình luân chuyển chứng từ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp qua 4 bộ phận như sau:

Phòng kế hoạch điều hành sản xuất ( P.KHĐH SX)

Bộ phận kho

Phân xưởng sản xuất

Phòng kế toán

**Bước 1:** Phòng KHDH SX căn cứ vào kế hoạch sản xuất lập phiếu đề nghị xuất vật tư tổng hợp thành 2 phiếu. Phiếu 1 lưu lại, phiếu 2 chuyển sang bộ phận kho.

**Bước 2:** Bộ phận kho căn cứ vào phiếu đề nghị xuất vật tư do phòng KHDH SX chuyển sang tiến hành kiểm tra kho. Sau đó bộ phận kho lập phiếu báo vật tư gồm 2 phiếu. Phiếu 1 lưu tại kho, phiếu thứ 2 gửi về cho phòng KHDH SX.

**Bước 3:** Phòng KHDH SX căn cứ vào phiếu báo vật tư chuyển qua làm căn cứ phát lệnh sản xuất xuống cho phân xưởng. Lệnh sản xuất được lập thành 3 lệnh. Lệnh 1 lưu tại phòng KHDH SX, lệnh 2 chuyển sang bộ phận kho, lệnh thứ 3 được chuyển xuống xưởng sản xuất.

**Bước 4:** Xưởng sản xuất căn cứ vào lệnh sản xuất lập phiếu yêu cầu xuất kho vật tư. Phiếu yêu cầu vật tư được lập thành 2 phiếu. Phiếu 1 lưu tại xưởng, phiếu còn lại chuyển qua bộ phận kho.

**Bước 5:** Bộ phận kho căn cứ vào lệnh sản xuất, phiếu yêu cầu vật tư tiến hành xuất kho và đồng thời lập bảng kê nhập xuất tồn thành 2 bảng. Bảng 2 chuyển về phòng kế toán, bảng 1 cùng với lệnh sản xuất, phiếu yêu cầu vật tư được lưu tại kho.

**Bước 6:** Phòng kế toán căn cứ vào bảng nhập xuất tồn bộ phận kho gửi sang làm căn cứ để ghi sổ kế toán. Sau cùng lưu bảng này cùng với sổ sách tại phòng.

#### ★ Phương pháp hạch toán

- Hầu hết nguyên vật liệu Công ty mua về đều phải qua thủ tục nhập kho rồi mới xuất dùng cho sản xuất. Tuy nhiên có một số ít trường hợp Công ty mua nguyên vật liệu về và đưa vào sử dụng ngay để kịp tiến độ sản xuất.

- Căn cứ vào Bảng nhập xuất tồn, phiếu xuất kho (kèm theo bảng liệt kê chứng từ gốc xuất kho) dưới kho gửi lên, kế toán vật tư tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

- Cuối tháng căn cứ vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ được kế toán vật tư gửi lên, kế toán tổng hợp tiến hành nhập liệu vào Microsoft Excel, sau đó tổng hợp số liệu các tài khoản có liên quan. Từ đó lên Sổ Cái các tài khoản.

•Kế toán định khoản xuất nguyên liệu sản xuất sản phẩm:

Nợ TK6211: (Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp)

Có TK1521: (Vật tư: Da, May, Đế, C&C, Packing)

•Kế toán định khoản chi phí gia công bên ngoài:

Nợ TK6211: (Chi phí gia công nguyên vật liệu)

Có TK331: (Phải trả chi phí gia công bên ngoài)

• Kế toán định khoản xuất trả vật tư còn lại cuối kỳ (Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ)

Nợ TK1521: (Vật tư: Da, May, Đế, C&C, Packing)

Có TK6211: (Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp)

☞ **Một số nghiệp vụ phát sinh tại Công ty:**

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0047118 ngày 05/5/2016 về chi phí vật tư mua nội địa của DNTN Bao Bì Giấy Thanh Long xuất thẳng cho sản xuất trị giá 16.493.620, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6211pk: 16.493.620

Nợ TK 1331: 1.649.362

Có TK 33112: 18.142.982

Ghi chú: TK 33112 “ Phải trả người bán”

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0115492 ngày 05/5/2016 về chi phí vận chuyển cho lô hàng vật tư nội địa do Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Bình Dương vận chuyển trị giá 1.000.000, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6211pk: 1.000.000

Nợ TK 1331: 100.000

Có TK 33152: 1.100.000

Ghi chú: TK 33152 “Phải trả chi phí vận chuyển”

- Căn cứ vào Phiếu xuất kho số: PXNL/08-002 ngày 05/5/2016 trị giá xuất kho

nguyên liệu da là: 101.434.974, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6211da: 101.434.974

Có TK 1521: 101.434.974

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0162299 ngày 16/5/2016 về khoản chi phí gia công nguyên vật liệu ngoài của Công ty Hàn Việt số tiền là: 16.317.028, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 6211mu: 16.317.028

Nợ TK 1331: 1.631.703

Có TK 33113: 17.948.731

Ghi chú: TK 33113 “Phải trả chi phí gia công”

- Căn cứ vào Bảng báo cáo nhập xuất tồn kho phụ liệu May ngày 31/5/2016, trị giá vật tư còn lại cuối kỳ nhập lại kho là: 7.104.154, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 1521: 7.104.154

Có TK 6211ma: 7.104.154

★ Kế toán lập Chứng từ ghi sổ.

★ Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Từ Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Cái.

✦ **Phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong kỳ được kế toán hạch toán chung vào TK6211, cuối kỳ kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất theo từng mã sản phẩm cho từng đơn hàng của mỗi khách hàng.

Tiêu thức để phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là theo doanh thu sản xuất

Doanh thu sản xuất = Sản lượng hoàn thành nhập kho \* Giá bán

Giá bán từng mã giày sẽ do Phòng Kinh Doanh đàm phán với khách hàng. Sau đó chuyển bảng giá về cho Phòng Kế Toán. Dựa vào bảng giá và Phiếu nhập kho



thành phẩm cho biết tổng số lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong tháng, kế toán sẽ tính tổng doanh thu sản xuất cho từng mã giày cũng như tổng doanh thu sản xuất trong tháng.

Cụ thể như sau:

Trước hết phải tính tỷ lệ chi phí nguyên vật liệu trên giá bán (Tỷ lệ % vật tư):

$$\text{Tỷ lệ \% vật tư} = \frac{\text{Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp}}{\text{Tổng doanh thu sản xuất}} \times 100\%$$

▲ Kế tiếp là tính tổng chi phí nguyên vật liệu sản xuất ra từng mã sản phẩm:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng chi phí nguyên vật} \\ \text{liệu từng mã sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Tổng doanh thu}}{\text{sản xuất từng}} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \%} \\ \text{vật tư} \end{array}$$

#### **Trị giá nguyên vật liệu dùng để phân bổ:**

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá nguyên} \\ \text{vật liệu trực tiếp} \\ \text{dùng để phân bổ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá nguyên} \\ \text{vật liệu dở} \\ \text{dang đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí nguyên} \\ \text{vật liệu trực tiếp} \\ \text{phát sinh trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá nguyên vật} \\ \text{liệu dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Trị giá nguyên vật liệu dở dang đầu kỳ tháng 5/2016 là: 1.887.859.870. Căn cứ vào Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tháng 5/2016, trị giá nguyên vật liệu dở dang cuối kỳ là: 1.730.538.214. Kế toán tính trị giá nguyên vật liệu trực tiếp dùng để phân bổ như sau:

$$\text{Trị giá nguyên vật liệu trực tiếp dùng để phân bổ} = 1.887.859.870 + 88.207.554.621 - 1.730.538.214 = 88.364.876.277$$

Bảng 2.4: Bảng Giá Trị Nguyên Vật Liệu Trực Tiếp Dùng Phân Bổ Tháng 5/2016

Bảng 2.5: Bảng Doanh Thu Sản Xuất Tháng 5/2016

Dựa vào Bảng giá trị nguyên vật liệu trực tiếp dùng để phân bổ và Bảng doanh

thu sản xuất tháng 5/2016, kế toán tiến hành tính tỷ lệ % vật tư. Sau đó, kế toán tính chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng mã sản phẩm:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \%} \\ \text{vật tư} \end{array} = \frac{88.364.876.277}{204.686.288.300} \times 100\% = 43,17\%$$

Mã giày KID 80 GREY PINK:  $541.870.725 * 43,17\% = 233.925.592$

Mã giày KID 80 BLACK RED:  $541.286.025 * 43,17\% = 233.673.177$

Mã giày KID 300 GREY ORANGE:  $1.197.036.820 * 43,17\% = 516.760.795$

Tính tương tự cho các mã giày còn lại, kế toán lên Bảng phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho các mã giày như sau:

Bảng 2.6: Bảng Phân Bổ Chi Phí Nguyên Vật Liệu Trực Tiếp Tháng 5/2016

Qua khảo sát cho thấy Công ty đã tổ chức tốt công tác quản lý nguyên vật liệu bằng cách thiết lập mã cho mỗi loại nguyên vật liệu theo từng khách hàng (Mã nguyên vật liệu: “Loại vật tư - mã số khách hàng”) như sau:

FO 001: FORM DECATHON; FO 008: FORM PISTON,...

Công ty đã không phân nguyên vật liệu thành nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ mà quản lý nguyên vật liệu dưới dạng vật tư và phân chúng thành những loại có chung tính chất như sau:

Vật tư đế (TK1521De) gồm những loại nguyên vật liệu để sản xuất đế, vật tư mũ (TK1521Mu) gồm những loại nguyên vật liệu để sản xuất nên phần mũ của đôi giày. Việc quản lý nguyên vật liệu như vậy đã giúp đơn vị thấy được rõ ràng hơn dòng chi phí (tỷ lệ) của từng nhóm nguyên vật liệu cấu thành nên những bộ phận của đôi giày.

Đơn vị đã tổ chức sổ sách chứng từ theo đúng chế độ kế toán. Ngoài ra việc tổ chức hạch toán kế toán khá chặt chẽ thông qua việc thiết lập hệ thống luân chuyển chứng từ được xét duyệt ở các khâu chứng từ đi qua.

Tuy nhiên việc tổ chức hạch toán chi phí và theo dõi cho từng đơn hàng của các khách hàng theo mẫu mã, chủng loại sản phẩm thì Công ty vẫn chưa theo dõi được.

### 2.2.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng

Hình thức trả lương: Tiền lương công nhân sản xuất trực tiếp bao gồm tiền lương chính và các khoản lương phụ. Đây là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng tương đối trong giá thành sản phẩm (10-12 %).

- Tiền lương chính của công nhân sản xuất trực tiếp được xác định căn cứ vào khối lượng sản phẩm hoặc công việc hoàn thành thực tế và mức đơn giá khoán cho từng sản phẩm hoặc công việc hoàn thành đó. Đa số công nhân trực tiếp sản xuất tại công ty làm theo hợp đồng đã ký. Xí nghiệp chỉ trả lương cho công nhân sản xuất ra bán thành phẩm, hoặc thành phẩm đủ tiêu chuẩn kỹ thuật quy định không kể đến sản phẩm bán thành phẩm làm dở.

- Công ty trả lương cho công nhân trực tiếp sản xuất theo hình thức lương sản phẩm. Công thức tính tiền lương:

Tiền lương = Tiền lương theo sản phẩm + Tiền lương khác ngoài lương sản phẩm

Trong đó:

+ Tiền lương theo sản phẩm = Số lượng sản phẩm nhập kho \* Đơn giá lương sản phẩm

+ Tiền lương khác ngoài lương sản phẩm bao gồm các khoản: Bù lương chế độ, lương phụ trội (tăng ca, chủ nhật), lương học việc, ngừng việc chế độ, nghỉ phép, phụ cấp (chuyên cần, nhà ở, độc hại,...).

- Tiền lương trong tháng của công nhân viên được trả làm 2 lần:

\* Lần đầu: Công ty tạm ứng lương cho người lao động căn cứ vào thời gian họ làm trong tháng vào ngày 15 hàng tháng.

\* Lần 2: Sau khi tính lương phải trả cho người lao động trong tháng, Công ty tiến hành thanh toán số tiền người lao động còn được lĩnh sau khi trừ đi tiền lương đã tạm ứng. Việc trả lương được thực hiện vào ngày 4 của tháng sau.

- Hàng năm, Công ty tổ chức xét duyệt nâng lương cho người lao động, đây là cơ sở tốt nhằm khuyến khích người lao động cố gắng làm việc và gắn bó với Công ty.

- Ngoài ra Công ty còn trả lương cho bộ phận lao động gián tiếp theo hình thức lương thời gian.

**★ Tài khoản sử dụng:**

Kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”.

Công ty mở chi tiết tài khoản 622 để theo dõi riêng chi phí lương và các khoản trích theo lương (Chế độ) như sau:

▫ TK6221: Lương của bộ phận trực tiếp và gián tiếp

▫ TK6222: Chế độ

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí nhân công của Công ty, nó được theo dõi chung cho các đối tượng hạch toán chi phí sản xuất. Trên sổ kế toán thì tài khoản này phản ánh số tổng chi phí nhân công trực tiếp và gián tiếp cho toàn bộ các lô sản phẩm trong kỳ. Việc kết chuyển và phân bổ chi phí nhân công cho từng đối tượng chịu chi phí để tính giá thành sản phẩm theo tiêu thức phân bổ “Sản lượng sản xuất”.

Các khoản trích theo lương:

Căn cứ vào tổng quỹ lương và lương cơ bản, các khoản trích theo lương như: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN được trích cụ thể như sau:

- BHXH: trích 26% lương cơ bản, trong đó 18% đưa vào chi phí sản xuất và 8% khấu trừ vào lương.

- BHYT: trích 4.5% lương cơ bản, trong đó 3% đưa vào chi phí sản xuất và 1.5% khấu trừ vào lương.

- BHTN: trích 2% lương cơ bản, trong đó 1% đưa vào chi phí sản xuất và 1% khấu trừ vào lương.

- KPCĐ: trích 2% lương cơ bản đưa vào chi phí sản xuất. Ngoài ra, theo quyết định số 12/2010/QĐ-DN, Công ty quy định người lao động đóng đoàn phí công đoàn 8.000 đ/người/tháng để bổ sung nguồn quỹ công đoàn trong Công ty.

**▲ Chứng từ sử dụng**

☐ Bảng chấm công

☐ Bảng tổng hợp thanh toán lương

☐ Bảng báo cáo tổng hợp chế độ, chính sách

**▲ Nội dung sơ đồ luân chuyển chứng từ**

Quy trình luân chuyển chứng từ về lương qua các bộ phận sau:

▫ Nhà máy

- Phòng quản lý nhân sự
- Phòng phát triển nguồn lực
- Phòng kiểm soát tài chính tiền lương (KSTC-TL)
- Phòng kế toán
- Thủ quỹ

**Bước 1:** Hàng ngày các tổ trưởng, chuyên trưởng theo dõi chấm công cho công nhân sản xuất, cuối tháng tổng hợp lại gửi Bảng chấm công cho phòng quản lý nhân sự.

**Bước 2:** Phòng quản lý nhân sự kiểm tra Bảng chấm công có đúng đối tượng lao động, đúng hợp đồng không. Sau khi kiểm tra xong phòng quản lý nhân sự chuyển bảng chấm công cho phòng phát triển nguồn lực.

**Bước 3:** Phòng phát triển nguồn lực căn cứ vào Bảng chấm công đã được kiểm tra lập bảng tính lương và bảng chế độ. Sau khi lập xong lưu lại Bảng chấm công và chuyển bảng lương và bảng chế độ sang phòng kiểm soát tài chính tiền lương.

**Bước 4:** Phòng kiểm soát tài chính tiền lương xem xét bảng lương và bảng chế độ. Sau đó ký duyệt và chuyển qua phòng kế toán 2 bảng này.

**Bước 5:** Kế toán tổng hợp căn cứ vào bảng lương và bảng chế độ phòng kiểm soát tài chính tiền lương chuyển qua tiến hành ghi sổ và sau cùng chuyển 2 bảng này cho thủ quỹ làm căn cứ lập phiếu chi lương và lưu ở phòng kế toán.

Sơ đồ 2.6: Sơ Đồ Lưu Chuyển Chứng Từ Lương

### **Phương pháp hạch toán**

Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất, gián tiếp được theo dõi trên Microsoft Excel cho từng mã hàng thể hiện ở Bảng phân bổ tiền lương. Trên phần mềm, kế toán theo dõi chi phí nhân công của bộ phận sản xuất trực tiếp và gián tiếp của toàn nhà máy.

Cuối tháng, tại nhà máy tập hợp bảng chấm công lại và gửi lên bộ phận quản lý nhân sự, sau đó được chuyển qua bộ phận tính lương. Căn cứ vào bảng chấm công bộ phận tính lương sẽ tính ra số lương phải trả cho người lao động, cũng như các khoản trích và khấu trừ có liên quan.

Ở bộ phận kế toán, kế toán tổng hợp căn cứ vào bảng tổng hợp lương và bảng

báo cáo tổng hợp chế độ chính sách được gửi từ bộ phận lương sang, kế toán định khoản như sau:

Chi phí tiền lương:

Nợ TK6221: (Chi phí lương của bộ phận trực tiếp và gián tiếp)

Có TK334: (Phải trả lương của bộ phận trực tiếp và gián tiếp)

Các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất:

Nợ TK6222: (Chế độ)

Có TK3382: (Kinh phí công đoàn)

Có TK3383: (Bảo hiểm xã hội)

Có TK3384: (Bảo hiểm y tế)

Có TK3389: (Bảo hiểm thất nghiệp)

Sau khi lên Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, kế toán tổng hợp tiến hành nhập liệu vào Microsoft Excel, sau đó tổng hợp số liệu. Từ Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, kế toán lên Sổ Cái các tài khoản có liên quan.

☞ **Một số nghiệp vụ phát sinh tại Công ty:**

- Căn cứ vào Bảng tổng hợp thanh toán lương tháng 5/2016, tổng tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất và gián tiếp là 24.813.784.000, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK6221: 24.813.784.000

Có TK334: 24.813.784.000

Bảng 2.7: Bảng tổng hợp thanh toán lương tháng 5/2016

Căn cứ vào Bảng báo cáo tổng hợp chế độ - chính sách Tháng 5 năm 2016, tổng số tiền các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp sản xuất và gián tiếp tính vào chi phí sản xuất là: 2.867.460.300. Trong đó, BHXH là: 2.152.979.000, BHYT là: 403.683.600, BHTN là: 134.561.100, KPCĐ là: 176.236.600, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK6222: 2.867.460.300

Có TK3383: 2.152.979.000

Có TK3384: 403.683.600

Có TK3382: 176.236.600

Có TK3389: 134.561.100

Bảng 2.8 Bảng báo cáo tổng hợp chế độ - chính sách Tháng 5 năm 2016

Minh họa cách tính các khoản trích theo lương và khấu trừ vào lương như sau:

Công nhân A: Hệ số lương = 2,13 ; Mức lương cơ bản = 1.150.000

Lương cơ bản để tính:  $2,13 * 1.150.000 = 2.449.500$

Trích theo lương đưa vào chi phí sản xuất:

BHXH:  $2.449.500 * 18\% = 440.910$

BHYT:  $2.449.500 * 3\% = 73.485$

BHTN:  $2.449.500 * 1\% = 24.495$

KPCĐ:  $2.449.500 * 2\% = 48.990$

Khấu trừ vào lương:

BHXH:  $2.449.500 * 8\% = 195.960$

BHYT:  $2.449.500 * 1.5\% = 36.742,5$

BHTN:  $2.449.500 * 1\% = 24.495$

PCĐ: 8.000

Kế toán lập Chứng từ ghi sổ.

Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Từ Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Cái.

### **Phân bổ chi phí nhân công trực tiếp và gián tiếp:**

Do Công ty sản xuất rất nhiều chủng loại giày, mỗi chủng loại lại có nhiều dạng khác nhau. Tháng 5/2016 Công ty sản xuất được 1.051.598 đôi giày. Vì vậy, tiền lương công nhân không thể xác định trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí. Kế toán phải tiến hành phân bổ theo những tiêu thức phù hợp và Công ty đã áp dụng phương pháp phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho từng mã sản phẩm dựa vào đơn giá tiền lương.

Đơn giá tiền lương được tính theo công thức sau :

$$\text{Đơn giá tiền lương/đôi} = \frac{\text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp và gián tiếp}}{\text{Tổng sản phẩm hoàn thành}}$$

+ Chi phí nhân công trực tiếp và gián tiếp phân bổ cho từng mã hàng theo đơn hàng là:

$$\text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp và gián tiếp} = L * Hi$$

Trong đó:

L: Đơn giá tiền lương/đôi

Hi: Sản phẩm hoàn thành theo từng mã hàng.

Như vậy:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{tiền lương} \end{array} = \frac{27.681.244.300}{1.051.598} = 26.323 \text{ đồng/đôi}$$

+Phân bổ tiền lương nhân công trực tiếp và gián tiếp cho từng mã sản phẩm theo từng đơn hàng như sau :

Mã giày KID 80 GREY PINK :  $26.323 * 3.707 = 97.579.361$  đồng.

Mã giày KID 80 BLACK RED:  $26.323 * 3.703 = 97.474.069$  đồng.

Mã giày KID 300 GREY ORANGE:  $26.323 * 7.490 = 197.162.954$  đồng.

Tính tương tự cho các mã giày còn lại, kế toán lên Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các mã giày như sau:

Bảng 2.9: Bảng Phân Bổ Chi Phí Nhân Công Tháng 5/2016

Như vậy, Công ty đã tổ chức tốt công tác tiền lương, việc tổ chức phân loại chi tiết tài khoản “TK622” thành hai tài khoản chi tiết nhằm theo dõi riêng biệt cho phần lương phải trả và phần chế độ có liên quan tương đối rõ ràng.

Về mặt tổ chức chứng từ nhằm phục vụ cho công tác hạch toán rất chặt chẽ. Chứng từ được luân chuyển qua từng bộ phận, ký duyệt đã đảm bảo được nguyên tắc bất kiêm nhiệm.

Công ty có bộ phận phụ trách việc tính lương riêng. Điều này đã làm giảm khối lượng công việc cho kế toán rất nhiều.

Tuy nhiên, về mặt theo dõi khoản lương phải trả, Công ty không theo dõi riêng cho bộ phận trực tiếp sản xuất và bộ phận gián tiếp. Công ty đã gộp hai bộ phận này lại thành một và theo dõi chung trên “TK622” (Tiền lương công nhân trực tiếp sản xuất).



### 2.2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng

#### ★ Những vấn đề chung về chi phí sản xuất chung tại Công ty

Chi phí sản xuất chung là toàn bộ các khoản chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra cho việc quản lý và phục vụ trong phạm vi các phân xưởng sản xuất. Chi phí sản xuất chung được theo dõi chung và hạch toán hàng ngày. Đến cuối tháng, kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm theo từng khách hàng theo tiêu thức “Sản lượng sản xuất”.

#### ▲ Tài khoản sử dụng

TK627 “Chi phí sản xuất chung”. Tài khoản này mở chi tiết.

#### ▲ Chứng từ sử dụng

- ☐ Phiếu xuất kho.
- ☐ Bảng tính khấu hao.
- ☐ Hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ.
- ☐ Bảng phân bổ chi phí khấu hao.
- ☐ Chứng từ khác

#### ★ Phương pháp hạch toán

- Căn cứ vào Phiếu xuất kho, Hóa đơn mua hàng hóa dịch vụ, Bảng phân bổ chi phí khấu hao và các chứng từ khác, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

- Cuối tháng căn cứ vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ được kế toán phụ trách gửi lên, kế toán tổng hợp tiến hành nhập liệu vào phần mềm Microsoft Excel, sau đó tổng hợp số liệu các tài khoản có liên quan. Từ đó lên Sổ Cái các tài khoản. Cụ thể như sau:

#### ♦ Chi phí vật liệu (TK 6272):

Các loại vật liệu xuất dùng cho phân xưởng bao gồm:

- + Phụ tùng thay thế (TK1525): Bạc đạn (cái), bù lon (cái), dây curoa (sợi),...
- + Nhiên liệu (TK1526) để vận hành lò hơi: Dầu Do, dầu nhớt, xăng A92,...
- + Vật tư khác (TK1527): Giấy chống ẩm, khóa, carton,...

Trị giá vật liệu xuất dùng ở phân xưởng trong kỳ được tính giống như nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất trực tiếp tức là tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Kế toán định khoản chi phí vật liệu xuất dùng phục vụ sản xuất như sau:

Nợ TK6272: (Chi phí vật liệu)

Có TK152: (Nguyên vật liệu xuất dùng)

♦Chi phí dụng cụ sản xuất (TK6273):

Các loại công cụ, dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng bao gồm: Viết bạc korea, viết bạc tự xóa, kéo bấm chỉ, thớt chặt dài,...

Phần lớn các công cụ, dụng cụ của Công ty đều được xuất dùng một lần trong kỳ. Tuy nhiên có một số công cụ, dụng cụ có giá trị lớn được phân bổ thành nhiều kỳ.

Kế toán định khoản chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần trong kỳ:

Nợ TK6273: (Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất)

Có TK153: (Công cụ, dụng cụ)

Kế toán định khoản chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng nhiều lần trong kỳ:

Nợ TK6273: (Chi phí công cụ, dụng cụ sản xuất trong kỳ)

Có TK153: (Công cụ, dụng cụ dùng trong kỳ)

Có TK142,242: (Chi phí trả trước ngắn hạn, chi phí trả trước dài hạn)

♦Chi phí khấu hao tài sản cố định (TK6274):

Tài sản cố định của công ty bao gồm: Máy chặt da, máy đúc khuôn, máy may,...

Giá trị tài sản cố định được xác định theo nguyên giá.

Công ty trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

Công thức tính mức khấu hao như sau:

$$\text{Mức khấu hao bình quân/năm} = \frac{\text{Nguyên giá}}{\text{Số năm sử dụng}}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{Mức khấu hao bình quân/năm}}{12}$$

Kế toán định khoản chi phí khấu hao như sau:

Nợ TK6274: (Chi phí khấu hao)

Có TK2141: (Hao mòn tài sản cố định)

♦ Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK6277):

Tại Công ty chi phí dịch vụ mua ngoài bao gồm: Tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, chi phí lắp đèn chiếu sáng, đồ dùng văn phòng phẩm ở phân xưởng,...

Kế toán định khoản chi phí dịch vụ mua ngoài như sau:

Nợ TK6277: (Chi phí dịch vụ mua ngoài)

Có TK331: (Phải trả người bán)

♦ Các chi phí bằng tiền khác (TK6278):

Kế toán định khoản chi phí bằng tiền khác như sau:

Nợ TK6278: (Chi phí bằng tiền khác)

Có TK111,112: (Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng)

☞ **Một số nghiệp vụ phát sinh trong Tháng 5 năm 2016:**

- Căn cứ vào Phiếu xuất kho số PXCC/09-006 ngày 08/5/2016, trị giá công cụ, dụng cụ xuất dùng cho sản xuất là 12.015.000, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK6273: 12.015.000

Có TK1533: 12.015.000

- Căn cứ vào Phiếu xuất kho số PXSC/08-001 ngày 11/5/2016 trị giá vật tư xuất dùng để sửa chữa phục vụ sản xuất là 14.141.000, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK6272: 14.141.000

Có TK1528: 14.141.000

-Căn cứ vào Hóa đơn tiền điện số 1030402 ngày 13/5/2016, tổng tiền điện dùng cho phân xưởng sản xuất phải thanh toán là 10.243.614, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK6277: 9.312.376

Nợ TK 1331: 931.238

Có TK33112(Điện): 10.243.614

Ghi chú: TK33112(Điện) “Phải trả tiền điện”

- Căn cứ vào Bảng phân bổ khấu hao Tháng 5 năm 2016, tổng hợp chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận phân xưởng sản xuất là 1.195.757.655. Trong đó, khấu hao tài sản cố định hữu hình: 221.912.291, tài sản cố định thuê tài chính: 858.799.907, tài sản cố định vô hình: 115.045.457, kế toán tiến hành lập Chứng từ ghi sổ và ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Kế toán định khoản như sau:

Nợ TK6274: 1.195.757.655

Có TK2141: 221.912.291

Có TK2142: 858.799.907

Có TK2143: 115.045.457

★ Kế toán lập Chứng từ ghi sổ.

★ Từ Chứng từ ghi sổ, kế toán tiến hành ghi vào Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

Từ Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, cuối tháng kế toán tiến hành ghi vào Sổ Cái

### **Phân bổ chi phí sản xuất chung**

Do chi phí sản xuất chung được tập hợp chung cho toàn phân xưởng, để biết được chi tiết chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm, kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung dựa trên “Sản lượng hoàn thành”. Ta có công thức sau:

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất chung}}{\text{Tổng sản lượng hoàn thành}}$$

$$\text{Chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm} = \text{Hệ số phân bổ} * \text{Sản lượng từng mã sản phẩm}$$

Trong tháng 5/2016: Tổng chi phí sản xuất chung là 21.509.709.032

Tổng sản lượng hoàn thành là 1.051.598 đôi

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{21.509.709.032}{1.051.598} = 20.454 \text{ đồng/đôi}$$

Chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm được tính như sau:

Mã giày KID 80 GREY PINK:  $20.454 * 3.707 = 75.822.978$

Mã giày KID 80 BLACK RED:  $20.454 * 3.703 = 75.741.162$

Mã giày KID 300 GREY ORANGE:  $20.454 * 7.490 = 153.200.460$

Tính tương tự cho các mã giày còn lại, kế toán lên Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho các mã giày như sau:

Bảng 2.10: Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm

Như vậy, về mặt chứng từ để làm căn cứ cho việc hạch toán, ghi chép sổ sách kế toán đơn vị đã thực hiện đầy đủ chứng từ cần thiết để làm cơ sở cho việc ghi sổ.

Tuy nhiên, Công ty còn một số mặt hạn chế như:

Đơn vị chọn cách phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm của đơn hàng cho các khách hàng theo tiêu thức phân bổ “Sản lượng sản xuất” là chưa hợp lý. Vì Công ty đã xem chi phí sản xuất chung cho mỗi đôi giày là như nhau.

Đơn vị đã hạch toán chi phí lương nhân viên phân xưởng vào chi phí nhân công trực tiếp. Điều này thực tế đã không phản ánh chính xác chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

*2.2.2.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng*

#### ▲ Tài khoản sử dụng

Để tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”.

#### **Phương pháp hạch toán**

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 621 - Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp, kế toán ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp

Cuối kỳ, kết chuyển chi phí sản xuất chung, kế toán ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Có TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Giá thành sản phẩm thực tế nhập kho trong kỳ, ghi:

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Kế toán tiến hành lên Sổ Cái TK 154.

### ***2.2.3. Đánh giá sản phẩm làm dở và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng***

#### ***2.2.3.1. Đánh giá sản phẩm dở***

Cuối tháng, phân xưởng tiến hành kiểm kê sản phẩm dở dang để chuyển lên cho kế toán giá thành đánh giá sản phẩm dở dang làm căn cứ tính giá thành sản phẩm.

*Cách xác định trị giá sản phẩm dở dang:*

Công ty thường lập kế hoạch sản xuất từng lô giày với lượng nguyên liệu đã tính toán trước nên nguyên liệu thường xuất dùng một lần trong kỳ tương ứng với cỡ lô sản xuất, lượng nguyên liệu xuất dùng bao nhiêu là đưa vào sản xuất hết bấy nhiêu. Vì vậy, Công ty xem lượng nguyên liệu xuất kho mà chưa sử dụng là sản phẩm dở dang.

Sản phẩm dở dang là những đôi giày chưa được đóng gói, những sản phẩm chưa được kiểm nghiệm, dán nhãn và làm thủ tục nhập kho.

*Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ:*

Công ty thực hiện đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp nên trị giá sản phẩm dở dang chỉ tính chi phí nguyên vật liệu trực tiếp còn các chi phí khác tính hết cho sản phẩm hoàn thành. Nhưng Công ty không áp dụng công thức đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà cuối kỳ căn cứ vào các báo cáo kiểm kê của các phân xưởng gửi lên, theo đó báo cáo kiểm kê sẽ theo dõi cho từng khách hàng với các dữ liệu kiểm kê được, kế toán sẽ tiến hành tính ra số nguyên vật liệu tiêu hao cho sản phẩm dở dang và tính giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Cuối tháng 5/2016 chúng ta có các Báo cáo kiểm kê của các phân xưởng gửi lên. Kế toán tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang cho từng mã sản phẩm theo từng khách hàng.

Bảng 2.11: Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tháng 5/2016

### 2.2.3.2. Tính giá thành sản phẩm

*\* Đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty*

Với sự đa dạng và phong phú về chủng loại cũng như mẫu mã của sản phẩm, nên Công ty cần quản lý chi phí cũng như hiệu quả sản xuất của từng đơn hàng, Công ty xác định đối tượng tính giá thành là các mã sản phẩm của từng đơn hàng hoàn thành trong tháng.

*\* Kỳ tính giá thành*

Cuối mỗi tháng, kế toán giá thành tiến hành tập hợp chi phí sản xuất để tính giá thành cho từng mã sản phẩm theo từng đơn hàng hoàn thành nhập kho. Vì vậy, kỳ tính giá thành tại Công ty là tháng.

*\* Phương pháp tính giá thành*

Do đặc điểm quy trình sản xuất sản phẩm nên Công ty tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp.

*\* Kế toán giá thành sản phẩm tại Công ty*

Để tính giá thành sản phẩm được chính xác nhằm cung cấp thông tin và phân tích giá thành cần phải xác định giá thành đơn vị sản phẩm, giúp doanh nghiệp có thể dùng để so sánh đánh giá và cạnh tranh trên thị trường. Công thức tính giá thành:

Giá thành toàn bộ sản phẩm trong kỳ = Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp + Chi phí nhân công trực tiếp + Chi phí sản xuất chung

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Giá thành toàn bộ sản phẩm trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành trong kỳ}}$$

Giá thành sản phẩm = 88.364.876.277 + 27.681.244.300 + 21.509.709.032  
=137.555.829.609

Giá thành đơn vị sản phẩm =  $\frac{137.555.829.609}{1.051.598}$  =130.806 đồng/đôi

Cuối tháng, kế toán giá thành tiến hành lên Bảng báo cáo giá thành cho từng mã sản phẩm của mỗi khách hàng như sau:

Bảng 2.12: Bảng Báo Cáo Giá Thành – Đơn Vị Cho Khách Hàng DECATHLON

Bảng 2.13: Bảng Báo Cáo Giá Thành – Đơn Vị Cho Khách Hàng PISTON

#### ***2.2.4. Tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm***

Do quy trình sản xuất phức tạp kiểu chế biến liên tục nên Công ty theo dõi và tập hợp chi phí theo từng công đoạn của quá trình sản xuất. Cuối tháng, Phòng Kế toán - Tài chính thực hiện tập hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm hoàn thành và lên báo cáo kế toán.

Hiện nay, công ty chưa tiến hành phân tích thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Vì lực lượng kế toán còn hạn chế và Công ty chưa quan tâm nhiều đến lập báo cáo quản trị chi phí và giá thành sản phẩm nên hàng tháng kế toán tại công ty chỉ lập các báo cáo tài chính cung cấp thông tin cho các đối tượng liên quan. Chỉ tiêu hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán phản ánh giá trị sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ (TK 154) và giá thành sản phẩm hoàn thành chưa tiêu thụ được vẫn tồn trong kho (TK 155). Bên cạnh đó, kế toán phản ánh giá thành sản phẩm đã tiêu thụ được thông qua chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Việc ghi nhận chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được thực hiện trên TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và được mở chi tiết theo từng phân xưởng. Các loại chi phí NVLTT phát sinh tại từng phân xưởng sản xuất được tập hợp trực tiếp theo chi phí thực tế phát sinh.

Chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty được theo dõi trên TK 622 - Chi phí nhân công trực tiếp và được mở chi tiết theo từng phân xưởng.



Chi phí sản xuất chung được tập hợp trên TK 627 - Chi phí sản xuất chung. Để thuận tiện cho việc quản lý và các khoản chi phí phát sinh, tài khoản này được mở chi tiết theo từng yếu tố chi phí.

### **2.3. Đánh giá thực trạng kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

Qua khảo sát thực tế về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng có thể rút ra các kết luận về ưu điểm và nhược điểm như sau:

#### **2.3.1. Những ưu điểm**

##### *- Về tổ chức bộ máy quản lý*

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức gọn nhẹ, đội ngũ cán bộ làm việc một cách khoa học, luôn nắm bắt nhanh và kịp thời những tiến bộ khoa học kỹ thuật hiện đại, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn cao, có năng lực lãnh đạo, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình trong công việc. Với sự nhạy bén trong công tác quản lý của đội ngũ cán bộ và sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý, chặt chẽ giữa các phòng ban đã giúp cho Công ty hòa nhập được bước đi của mình với nhịp điệu chung của đất nước.

Công ty có bộ phận kiểm soát tài chính có chức năng như bộ phận kiểm soát nội bộ. Đây là ưu điểm lớn nhất của công ty.

Việc tổ chức các hoạt động và các chính sách quan tâm đến đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty là động lực thúc đẩy tinh thần lao động cho nhân viên, tạo mối đoàn kết và phát huy sức mạnh của tập thể. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ miễn phí cho cán bộ công nhân viên, mở căn tin công đoàn phục vụ nhu cầu anh chị em trong Công ty với giá thấp.

##### *- Về bộ máy kế toán*

Quy mô sản xuất kinh doanh của Công ty hiện nay là rất lớn, công tác hạch toán của Công ty rất phức tạp và bận rộn. Phòng Kế Toán đã rất cố gắng thực hiện tốt những chức năng kế toán, phản ánh chính xác, kịp thời những nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời Công ty đã trang bị đầy đủ cho bộ máy kế toán những trang thiết bị phục vụ cho công tác kế toán, làm cho bộ máy kế toán hoạt động hiệu quả, góp phần vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đội ngũ nhân viên kế toán

đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm cao. Từ đó thực hiện tốt chức năng giám sát của mình, phục vụ và hỗ trợ đắc lực cho yêu cầu quản lý sản xuất.

Công ty lựa chọn hình thức kế toán tập trung đã giúp nắm bắt được kịp thời các thông tin, số liệu một cách nhanh chóng, chính xác nhất. Bộ máy kế toán của Công ty tương đối gọn nhẹ, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ được nhanh chóng.

*- Về công tác hạch toán kế toán*

Công tác kế toán tại Công ty đã thể hiện và phát huy được vai trò của mình. Phòng Kế Toán đã cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của đơn vị, nhằm giúp cho Ban lãnh đạo Công ty điều hành và quản lý các hoạt động tài chính đạt hiệu quả cao.

**➤ Về tài khoản sử dụng và phương pháp kế toán**

Công ty có hệ thống chứng từ ban đầu đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ và tuân thủ Bảng hệ thống tài khoản theo thông tư số 200/2014/TT - BTC và thông tư số 244TT-BTC và mở các tài khoản chi tiết phù hợp với việc hạch toán của kế toán ở doanh nghiệp.

Công ty sử dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán. Phương pháp này phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, khả năng yêu cầu quản lý của Công ty. Qua đó, phản ánh kịp thời và thường xuyên tình hình sử dụng nguyên vật liệu, sự biến động của tài sản cũng như mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**➤ Về hệ thống sổ sách**

▲ Công ty có quy mô lớn nên việc công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ là hợp lý. Hình thức này phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của Công ty.

▲ Các biểu mẫu kế toán đảm bảo tuân thủ các quy định và nguyên tắc kế toán theo đúng quy định chung của Bộ Tài Chính ban hành. Đảm bảo phù hợp với mọi hoạt động kế toán của Công ty và tạo mối quan hệ chặt chẽ giữa các phân hành kế toán.

▲ Hệ thống sổ sách của Công ty được trình bày rõ ràng, chi tiết và khoa học.

Thuận tiện cho việc theo dõi và lên các báo cáo quản trị. Tổ chức việc luân chuyển chứng từ giữa các bộ phận cũng được đảm bảo chặt chẽ, tạo điều kiện cho việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được nhanh chóng và chính xác.

### ➤ Về công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất quan trọng và chi phối đến chất lượng công tác kế toán khác, cũng như chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý kế toán tài chính, tình hình thực hiện chính sách và chế độ tài chính của doanh nghiệp.

Trong công việc tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm Công ty đã thực hiện được những công việc sau:

- Tổ chức kế toán đúng, hợp lý, chính xác và kịp thời các chi phí sản xuất. Tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm. Việc quản lý chi phí giá thành, tổ chức kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở Công ty nói chung, ở từng bộ phận nói riêng đã góp phần quản lý tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn tiết kiệm có hiệu quả cho Công ty, tạo điều kiện và có biện pháp phấn đấu hạ giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm. Đó là một trong những điều kiện quan trọng để thị trường chấp nhận sản phẩm của Công ty. Đồng thời sản phẩm của Công ty có thể cạnh tranh với sản phẩm của các Công ty khác.

- Căn cứ vào đặc điểm sản phẩm, quy trình công nghệ sản xuất giày Công ty đã xác định phù hợp đối tượng tính giá thành sản phẩm là đơn đặt hàng.

- Tổ chức và phân công chức trách, nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận kế toán liên quan, cũng như mối quan hệ cung cấp số liệu giữa bộ phận kế toán với nhau có tính khoa học và hợp lý.

- Tổ chức hợp lý và chặt chẽ sơ đồ luân chuyển chứng từ nhằm tránh thất lạc và dễ dàng kiểm tra sai sót qua các khâu chứng từ đi qua. Từ đó, giúp kế toán tổ chức tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm chính xác.

- Nguồn nguyên liệu của Công ty được các đơn vị là nhà cung cấp uy tín luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu sản xuất và đảm bảo chất lượng. Góp phần giảm chi phí trong việc tìm nhà cung cấp. Bên cạnh đó, Công ty còn được chiết khấu phần trăm khi mua hàng với số lượng lớn và được hưởng các dịch vụ khuyến mãi của đơn vị

cung cấp. Chính vì vậy, phần nào đã giúp cho Công ty giảm bớt chi phí đầu vào.

- Các chi phí nguyên vật liệu cần cho quá trình sản xuất rất đa dạng. Do đó, Công ty phải mã hóa các nguyên liệu cho dễ quản lý. Việc mã hóa các nguyên liệu được Công ty thực hiện ngay từ khâu mua vào và có được một hệ thống mã nguyên vật liệu rất khoa học và hợp lý, dễ quản lý.

- Công ty tổ chức quản lý nguyên vật liệu theo từng kho riêng. Điều này thuận tiện cho việc sắp xếp, kiểm kê và xuất vật tư phục vụ cho sản xuất.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Tại Công ty có bộ phận tính lương riêng và được kiểm tra qua các bộ phận. Điều này làm giảm được khối lượng lớn công việc vào cuối tháng của kế toán và giúp tính chính xác tiền lương cho từng cán bộ công nhân viên. Trong công tác kế toán tiền lương, Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm. Việc áp dụng hình thức trả lương này đã khuyến khích được cán bộ nhân viên trong Công ty làm việc có năng suất và tinh thần trách nhiệm cao. Do đó, việc sử dụng lao động tại Công ty đạt hiệu quả cao. Như vậy, công nhân sản xuất vừa có ý thức cố gắng để mang lại thu nhập cao cho bản thân vừa đem lại lợi ích cho Công ty.

- Chi phí sản xuất chung: Được kế toán tập hợp căn cứ trên các chứng từ, hóa đơn chung toàn phân xưởng, sau đó phân bổ cho từng mã sản phẩm theo sản lượng sản xuất. Đây là một cách phân bổ dễ thực hiện theo thông tin về sản phẩm hoàn thành.

- Nhìn chung công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

### ***2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân***

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty nhìn chung đáp ứng được những quy định theo chế độ hiện hành, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn tồn tại một số nội dung chưa thực sự hoàn thiện. Cụ thể như sau:

#### ***a. Về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán tài chính*** ***- Việc nhận diện chi phí sản xuất***

Công ty đã thực hiện cách nhận diện chi phí theo yếu tố và phân loại chi phí theo khoản mục chi phí. Đây là cách nhận diện phù hợp với việc xây dựng định mức, dự toán chi phí đồng thời đáp ứng được thông tin của kế toán về các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính như: chỉ tiêu thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cấu thành

nên chỉ tiêu hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán.

Tuy nhiên, với cách nhận diện chi phí hiện nay chỉ phục vụ cho việc tính giá thành, lập báo cáo sản xuất theo yêu tố, báo cáo kết quả kinh doanh phục vụ cho mục đích kế toán tài chính trong việc kiểm soát các chi phí của quá trình sản xuất kinh doanh; chưa thực sự hiệu quả trong kế toán quản trị chi phí.

*- Về kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp*

Đối với việc sản xuất giày dép, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các khoản mục chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm. Để xác định chi phí nguyên vật liệu ta sử dụng công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí NVL} \\ \text{dùng cho sản} \\ \text{xuất trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL mua} \\ \text{ngoài dùng trực tiếp} \\ \text{không qua kho} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị NVL} \\ \text{dùng không hết} \\ \text{nhập lại kho} \end{array}$$

Trên thực tế, Công ty không hạch toán số nguyên vật liệu dùng không hết nhập lại kho nên dẫn đến sự lãng phí nguyên vật liệu và ảnh hưởng đến giá thành trong kỳ.

*- Về kế toán chi phí sản xuất chung*

Hiện nay, việc hạch toán chi phí sản xuất chung chưa tách được phần chi phí sản xuất thực tế với công suất bình thường để hạch toán chính xác khoản chi phí sản xuất chung của Công ty theo Chế độ kế toán quy định.

*- Về phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

Cùng một quy trình công nghệ, nguyên liệu đầu vào và các chi phí sản xuất sản phẩm thu được gồm nhiều loại khác nhau. Do đó, cần thiết phải tính giá thành cho từng loại giày dép. Qua khảo sát thực tế, Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành phân bước để tính giá thành cho toàn bộ quy trình công nghệ. Sau đó, Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành theo hệ số để tính giá thành cho từng loại giày dép. Dựa vào định mức NVL tiêu hao cho mỗi đơn vị sản phẩm, xác định được hệ số giá thành của từng loại giày dép đối chiếu với hệ số giá thành của sản phẩm gốc là giày dép PCB30. Tuy nhiên, việc xây dựng hệ số giá thành áp dụng cho từng loại giày dép chưa có căn cứ hợp lý mà chỉ là sự ước chừng hóa chi phí sản xuất, dự toán sản xuất.

*- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công

ty là tương đối hoàn thiện và phù hợp với yêu cầu đặt ra nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số thiếu sót:

Trong việc tổ chức hạch toán chi phí nguyên vật liệu và theo dõi cho từng đơn hàng của các khách hàng theo mẫu mã, chủng loại sản phẩm thì Công ty vẫn chưa theo dõi được.

Về chi phí nhân công trực tiếp Công ty không theo dõi riêng cho bộ phận trực tiếp sản xuất và bộ phận gián tiếp mà hạch toán chung vào TK622 là không hợp lý. Công ty cũng chưa trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân.

*b. Về kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm dưới góc độ kế toán quản trị*

*Mô hình bộ máy kế toán và bộ phận thực hiện kế toán quản trị*

Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, tại các phân xưởng có nhân viên kế toán tập hợp chứng từ và chuyển về phòng Kế toán - Tài chính để tổng hợp. Tuy nhiên, hệ thống thông tin kế toán phục vụ chủ yếu cho việc lập các Báo cáo tài chính. Thông tin kế toán phục vụ cho quản trị doanh nghiệp còn ít được quan tâm. Cụ thể, các báo cáo bộ phận, hệ thống phân tích thông tin tài chính phục vụ ra quyết định không được coi là nhiệm vụ thường xuyên của bộ máy kế toán.

*Phân loại chi phí*

Công ty thực hiện phân loại chi phí theo nội dung kinh tế và theo mục đích công dụng của chi phí. Điều này phục vụ đắc lực cho công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành theo khoản mục chi phí; kiểm soát mức độ phát sinh của chi phí theo từng nội dung kinh tế cụ thể. Tuy nhiên, Công ty không vận dụng những tiêu thức phân loại chi phí khác thường được áp dụng trong kế toán quản trị như phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với mức độ hoạt động. Điều này thể hiện sự phân loại chi phí mới chỉ phục vụ cho kế toán tài chính. Biến phí và định phí chưa được vận dụng cho việc ra quyết định quản trị và dự tính các xu thế trong tương lai.

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất*

Chi phí sản xuất tại Công ty được tính và tập hợp theo phương pháp chi phí thực tế (xác định và tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ). Đối tượng tập hợp chi phí là các giai đoạn sản xuất giầy dép, đối tượng tính giá thành là giầy dép thành phẩm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng chịu chi phí. Tuy nhiên, việc xác định chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh tại Công ty là vấn đề không đơn giản. Nguyên nhân bởi Công ty thường chỉ xác định chi phí sản xuất chung trong một kỳ thông qua các chứng từ chi phí; nhưng tiền điện, nước, điện thoại... của tháng này phải đến giữa tháng sau mới có hóa đơn. Điều này dẫn đến thực tế, Công ty chỉ xác định được mức chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh cho đến khi sản phẩm được sản xuất xong hoặc đã tiêu thụ. Hoặc công việc tính giá thành sản phẩm chỉ có thể thực hiện vào cuối tháng khi các chứng từ đã được tập hợp đầy đủ. Vì vậy, với phương pháp này, Giám đốc chỉ có thông tin vào cuối kỳ kế toán. Đây là điểm khó khăn trong việc xác định giá thành sản phẩm tại bất kỳ thời điểm nào và không ứng dụng được các công cụ của kế toán quản trị chi phí để cải tiến quá trình sản xuất, giảm chi phí trong các giai đoạn sản xuất.

*Việc thực hiện phân tích thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất*

Quá trình ra quyết định tại Công ty được căn cứ vào các báo cáo kế toán do kế toán chi phí, giá thành lập và trình Trưởng phòng Kế toán - Tài chính để báo cáo lên Giám đốc. Tuy nhiên, các báo cáo mới ở các dạng thức đơn giản. Công ty chưa thực hiện phân tích thông tin từ mối quan hệ giữa Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận; chưa tiến hành so sánh, phân tích sự biến động của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung; xác định từng nhân tố, nguyên nhân ảnh hưởng để đưa ra các phương án kinh doanh tối ưu.

Từ đó, dẫn đến hệ thống báo cáo kế toán của Công ty chủ yếu phục vụ công tác kế toán tài chính mà chưa xây dựng hệ thống báo cáo kế toán phục vụ yêu cầu của công tác kế toán quản trị chi phí.

*- Công tác quản lý*

Mặc dù trong công tác quản lý đã có sự nhạy bén, đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ cao nhưng kinh nghiệm quản lý còn nhiều hạn chế nên việc bố trí công việc ở từng bộ phận chưa thật sự hợp lý. Đặc biệt ở bộ phận kế toán, việc phân nhiệm giữa các kế toán viên là chưa hợp lý. Cụ thể như nhân viên kế toán này chỉ đảm nhiệm một phần hành kế toán đơn giản trong khi đó nhân viên kế toán khác đảm nhiệm cùng một lúc nhiều công việc phức tạp. Sự bố trí công việc trong công tác quản lý như vậy đã

làm ảnh hưởng đến tiến bộ chung của toàn Công ty và việc cung cấp thông tin bị thiếu khách quan. Điều này sẽ gây ảnh hưởng đến việc ra quyết định của các nhà quản trị cũng như việc kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty.

Công ty không sử dụng phần mềm kế toán, tất cả các nghiệp vụ được xử lý bằng Excel, nên khối lượng công việc rất lớn vào thời điểm cuối niên độ kế toán, khó tránh khỏi những sai sót trong quá trình nhập liệu và nhận dữ liệu.

Công ty không có sự thống nhất về chương trình sử dụng, có hai chương trình chính là Excel 98 và Excel XP hai chương trình này không thể liên kết thông tin với nhau. Công ty phân định như sau: Những phần hành có khối lượng công việc lớn như hàng tồn kho, tài sản cố định, phải trả nhà cung cấp ,.....sử dụng Excel XP, các phần hành còn lại sử dụng Excel 98, do đó khi những người kế toán trưởng, kế toán tổng hợp muốn kiểm tra thì rất khó thực hiện vì các người này dùng Excel XP.



## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương 2, luận văn đã trình bày được thực trạng về nội dung chi phí, phân loại chi phí, đối tượng tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành tại công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng. Luận văn cũng trình bày rõ phương pháp kế toán các khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và cách tính giá thành sản phẩm tại công ty, từ đó có thể thấy được những ưu điểm, nhược điểm, của công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, làm cơ sở để tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng trong Chương 3 của luận văn.

### **CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ VÀ GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG**

#### **3.1. Định hướng phát triển của Công ty và quan điểm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

##### **3.1.1. Định hướng phát triển Công ty**

Trước sự gia tăng nhanh chóng về lượng hàng xuất khẩu cũng như chủng loại kiểu dáng của các mặt hàng, công ty muốn có vị trí trong ngành giày dép xuất khẩu của Việt Nam thì bản thân doanh nghiệp phải có đường lối phát triển cho phù hợp với xu thế chung, cùng đoàn kết với các doanh nghiệp khác trong hiệp hội đồng thời cũng phải tạo ra được uy tín cho sản phẩm của mình.

Định hướng hoạt động của Công ty trong thời gian tới

Trở thành Công ty hoạt động và sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực:

Đầu tư tài chính

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu giày dép

Kinh doanh bất động sản và du lịch

Kế hoạch sản xuất: 40 – 50 chuyên sản xuất với kế hoạch 25 triệu đôi mỗi năm

Tăng cường phúc lợi và chế độ cho người lao động từ 15% - 20%

Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất kinh doanh:

Tổng doanh thu tăng trưởng từ 15% - 20% năm.

Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu từ 20% - 30% năm.

Xu hướng tiêu dùng hiện đại cùng thay đổi nhận thức về sản phẩm. Đó là sự hợp tác của các nhà tạo dáng một sản phẩm, các nhà thiết kế, kỹ sư công nghệ, người quản lý công nhân trực tiếp làm ra sản phẩm. Nó thể hiện sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giá trị sử dụng và chất lượng thẩm mỹ, kiểu dáng phù hợp với người sử dụng. Tuy nhiên, công ty chỉ tập trung vào sản xuất giày thể thao cho xuất khẩu. Ưu điểm của nó là có thể tập trung cao cho sản xuất nhưng nhược điểm của nó là chủng loại các mặt hàng không đa dạng, nếu phía đối tác không cung cấp đơn hàng thì công ty sẽ gặp khó khăn. Hơn nữa giày thể thao thường thích hợp hơn với mùa đông và mùa thu cho

nên sản xuất của công ty mang tính thời vụ.

Công ty đã đặt ra mục tiêu trong thời kỳ 2010-2020 là đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên, phát triển hoạt động xuất nhập khẩu để tăng năng lực tích lũy đầu tư đảm bảo đời sống cho công nhân. Phát triển thị trường để chuẩn bị bước vào thị trường giày dép với tư thế là một nhà xuất khẩu vững mạnh. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng, số lượng, chất lượng, đào tạo nguồn lực lao động cho những bước đi sau, nâng cao hiểu biết về quản trị kinh doanh theo cơ chế thị trường có sự quản lý và theo định hướng của nhà nước.

Công ty đã tạo được uy tín nhất định đối với thị trường trong nước cũng như nước ngoài, đặc biệt là đã thâm nhập được vào thị trường Châu Âu. Có khả năng sản xuất gia công được những mặt hàng cao cấp như giày, dép cao cấp cho những thị trường kó tính. Từ đó, công ty gây dựng được uy tín trong hoạt động gia công, sản xuất dễ dàng hơn khi chuyển sang sản xuất trực tiếp ở những năm sau hay có thể nhận thêm nhiều đơn hàng hơn ở thời điểm hiện nay. Kinh nghiệm quản lý của công ty ngày càng được nâng cao do được tiếp cận với phương thức sản xuất cũng như cách quản lý của đối tác liên doanh.

Với định hướng phát triển rõ ràng, phù hợp với xu thế của thời đại mới, công ty luôn phấn đấu trong những năm tới sẽ đạt được những bước tiến mới trong sản xuất và kinh doanh, có thêm các sản phẩm mới và dành được sự ủng hộ lớn hơn của khách hàng, cộng đồng và bạn bè quốc tế.

### ***3.1.2. Quan điểm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng***

Để đạt được những mục tiêu trên, bên cạnh việc chú trọng vào quá trình nghiên cứu sản xuất thì công ty cần nỗ lực hoàn thiện công tác quản lý hoạt động sản xuất. Trong đó, có hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, việc hoàn thiện để thực hiện cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải tuân thủ các quy định của Luật kế toán, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

- Nội dung hoàn thiện phải phù hợp với điều kiện hiện nay và sự phát triển của

công ty trong tương lai, trình độ chuyên môn, năng lực của cán bộ quản lý, nhân viên kế toán, cơ sở vật chất, định hướng và phát triển của công ty.

- Hoàn thiện phải đáp ứng việc cung cấp thông tin hữu hiệu cho nhà quản lý. Phải dựa trên nội dung kế thừa đã có, xây dựng thêm những nội dung mới cho phù hợp nhưng không phá vỡ cơ cấu tổ chức hiện tại, để đảm bảo các thông tin kinh tế biểu hiện ở các chỉ tiêu về chi phí và giá thành sản phẩm thực sự có ý nghĩa, đáp ứng các yêu cầu của nhà quản trị.

- Cách thức thực hiện phải đơn giản, khoa học, dễ thực hiện đối với người làm công tác kế toán, dễ hiểu đối với người sử dụng thông tin, dựa trên cơ sở kế thừa có chọn lọc những nội dung đã có để xây dựng những nội dung mới cho phù hợp.

- Hoàn thiện kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm phải trên tinh thần tiết kiệm và có hiệu quả. Chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra phải thấp hơn nhưng lợi ích thu được sẽ nhiều hơn do các nội dung hoàn thiện mang lại.

Trên đây là quan điểm về hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Các yêu cầu trên có quan hệ mật thiết chặt chẽ với nhau và phải được thực hiện một cách đồng bộ nhằm đảm bảo cho việc đưa ra các phương án đúng đắn trong công tác hoàn thiện.

### **3.2. Các đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng**

#### ***3.2.1. Các đề xuất trên góc độ kế toán tài chính***

##### ***3.2.1.1. Về công tác kế toán***

Trong bất kỳ doanh nghiệp nào, công tác quản lý luôn là khâu hết sức quan trọng. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tại Công ty công tác quản lý nhìn chung là tương đối tốt nhưng bộ máy kế toán của Công ty bố trí chưa hợp lý, một kế toán kiêm đến mấy chức năng. Bộ máy kế toán cần được tổ chức hợp lý, hoạt động có hiệu quả và phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường. Để đảm bảo Công ty có đủ khả năng tự chủ trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thì bộ máy kế toán không nên kiêm nhiệm mà phải bố trí đúng người đúng việc, đúng chuyên môn. Có như vậy việc cung cấp thông tin cho nhà quản trị mới kịp thời và đầy đủ, bộ máy kế toán mới trở thành công cụ đắc lực cho nhà quản trị.

Hiện nay, kế toán tiền mặt kiêm đảm nhiệm luôn phần doanh thu và theo dõi cả bếp ăn công đoàn và chi phí hành chánh là quá nhiều. Vì trong công ty, hàng ngày những khoản mục này phát sinh khá nhiều nên một người không thể đảm nhiệm hết. Công ty nên tách kế toán doanh thu tiền mặt thành hai bộ phận riêng biệt như sau: Kế toán công nợ tiền mặt và kế toán thành phẩm doanh thu.

Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán, chỉ sử dụng sự hỗ trợ của phần mềm Excel khiến cho khối lượng công việc không được giải quyết nhanh chóng và vấn đề sai sót là không tránh khỏi. Vì vậy Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán có sẵn, thuê người viết phần mềm hoặc nếu có thể tự thiết kế cho mình một phần mềm kế toán riêng thì càng tốt. Việc sử dụng phần mềm kế toán hỗ trợ rất nhiều cho công tác kế toán vì nó có thể giúp công việc được giải quyết nhanh chóng và chính xác hơn với chương trình kế toán đã được cài sẵn.

Nên sử dụng chung một chương trình quản lý trong công tác kế toán để đảm bảo cho việc thống nhất thông tin dễ dàng trong kiểm tra giám sát.

### *3.2.1.2. Về việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất*

Do đặc điểm sản xuất của công ty là theo quy trình công nghệ phức tạp kiểu sản xuất liên tục kết hợp song song, sản xuất hàng loạt các sản phẩm theo đơn đặt hàng nên công ty đã tổ chức mô hình khép kín từ khâu đầu đến khâu cuối của dây chuyền công nghệ trong từng phân xưởng. Vì vậy để tạo điều kiện cho việc quản lý chi phí sản xuất theo từng địa điểm phát sinh chi phí đó, kịp thời biến động bất thường của các yếu tố chi phí sản xuất đề ra những biện pháp thích hợp thì đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất ở công ty nên xác định lại là từng phân xưởng trong đó lại chi tiết cho từng tổ như vậy sẽ tiện cho quá trình tập hợp chi phí hơn. Việc xác định lại đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất như trên sẽ khắc phục được những hạn chế, nhược điểm của tập hợp chi phí sản xuất các loại sản phẩm, việc tính giá sẽ được chính xác hơn.

Do công ty sản xuất nhiều mặt hàng tiêu thụ trên các địa bàn khác nhau và làm theo các đơn hàng, do vậy công ty cần mở thêm các sổ chi tiết cho các tài khoản và mở lại hệ thống bảng phân bổ.

- Đối với phương pháp kế toán tập hợp các khoản mục chi phí NVLTT:
- + Về mặt hiện vật:

Để số lượng NVL khi xuất kho cho các phân xưởng được quản lý chặt chẽ về mặt số lượng, Công ty nên chi tiết các khoản mục chi phí NVL chính và CP NVL phụ và cần thiết phải xây dựng lại hệ thống bảng biểu theo dõi định mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế ở các phân xưởng đối với từng sản phẩm

- + Về hạch toán chi phí vận chuyển:

Hàng tháng căn cứ vào phiếu nhập kho thành phẩm đã phân loại theo từng mã hàng của từng đơn hàng kế toán tập hợp và lập báo cáo hàng hóa để làm căn cứ phân bổ chi phí vận chuyển cho các mã hàng của từng đơn hàng theo sản lượng quy đổi.

Công thức tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển NVL} \\ \text{cho mã hàng I thuộc đơn} \\ \text{đặt hàng A trong tháng} \end{array} = \frac{\text{Tổng chi phí vận chuyển NVL của} \\ \text{từng đơn hàng A tổng sản lượng} \\ \text{quy đổi của từng đơn hàng A}}{\text{Sản lượng} \\ \text{quy đổi của} \\ \text{mã hàng I}} \times \text{quy đổi của}$$

Cuối tháng sẽ tổng hợp chi phí tổng hợp chi phí vận chuyển chi phí vận chuyển phân bổ cho sản lượng nhập kho từng đơn hàng. Kết quả tính toán phân bổ hàng tháng được thực hiện trên “ Báo cáo hàng hóa” và được tập hợp vào “ Bảng kê tập hợp chi phí sản xuất” toàn công ty cột chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp với các dòng tương ứng của phân xưởng I. Với cách phân bổ như trên, chi phí vận chuyển của đơn đặt hàng nào sẽ được tình và phân bổ trực tiếp cho sản phẩm thuộc đơn đặt hàng có chi phí vận chuyển lớn Việc phân bổ tiến hành vào cuối tháng sẽ giúp cho công việc tập hợp chi phí sản xuất không bị dồn vào như trước. Qua đó giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất phát sinh trong tháng ở từng phân xưởng, giúp cho quá trình tập hợp chi phí được chính xác hơn.

- Đối với kế toán tập hợp khoản mục chi phí nhân công trực tiếp:

Lương công nhân tuy được theo dõi chi tiết theo từng phân xưởng nhưng cuối quý lại đưa kế toán tính lương cho tất cả các mã hàng của công ty đang sản xuất, sau đó mới phân bổ cho từng mã, điều đó làm giảm tác dụng của hạch toán chi tiết tại công ty. Theo em công ty nên tập hợp chi phí nhân công trực tiếp theo từng đơn đặt hàng.. Lương công nhân trực tiếp sản xuất sẽ được tính dựa trên số đơn hàng sản xuất của

phân xưởng đó trong tháng.

Dựa vào số tiền lương thực tế này để tính BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ của công nhân viên. Cách tính này sẽ đảm bảo phản ánh đúng chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong tháng.

- Để tổng hợp số lượng nguyên vật liệu tồn kho, cũng như các khoản chi phí khác phát sinh được chính xác và đảm bảo đúng yêu cầu của công tác kế toán. yêu cầu các bộ phận có liên quan khi thực hiện các giao dịch mua, bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ phải có hoá đơn, chứng từ kế toán.

- Khi có hoá đơn, chứng từ bộ phận kế toán phải thực hiện nhập ngay vào máy và thực hiện luân chuyển, lưu giữ chứng từ đúng theo quy định. Thường xuyên tổng hợp báo cáo số lượng tồn kho nguyên vật liệu và các khoản chi phí để ban giám đốc nắm được và có kế hoạch chỉ đạo, điều hành sản xuất luôn được thông suốt, không bị gián đoạn do thiếu nguyên vật liệu và không bị thất thoát chứng từ kế toán.

### *3.2.1.3. Về tài khoản kế toán*

Công ty đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán theo TT số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính là hợp lý. Tuy nhiên, Công ty cần mở thêm tài khoản cấp 2, cấp 3 chi tiết cho một số tài khoản chi phí và doanh thu để khi tổng hợp và báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh phản ánh đúng các nội dung kinh tế phát sinh.

Sản phẩm chính của Công ty là giày dép người lớn, trẻ em, giày thể thao, giày lười nam nữ, ...

Ví dụ như:

- Để theo dõi được chi phí vật liệu phải bỏ ra cho việc sản xuất từng sản phẩm giày thể thao, giày lười, giày dép trẻ em thì Công ty có thể mở chi tiết cho tài khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

+ TK 621.1: Chi phí nguyên vật liệu của giày thể thao

+ TK 621.2: Chi phí nguyên vật liệu của giày lười

+ TK 621.3: Chi phí nguyên vật liệu của giày trẻ em

- Hoặc:

- + TK 511.1: Doanh thu bán hàng của giày thể thao
- + TK 511.2: Doanh thu bán hàng của giày lười
- + TK 511.3: Doanh thu bán hàng của giày trẻ em

Vì khi theo dõi chi tiết tình hình tiêu thụ của từng sản phẩm này sẽ giúp cho các nhà quản trị Công ty nắm rõ sản phẩm vật tư, giấy dép với tung loại như thế nào được sự chấp nhận rộng rãi của thị trường. Để từ đó, các nhà quản trị có phương hướng cho việc xây dựng những chiến lược sản xuất cũng như tiêu thụ hợp lý và hiệu quả.

#### 3.2.1.4. Về sổ sách kế toán

Khi xem xét hệ thống sổ sách kế toán của công ty, mặc dù công ty sử dụng kế toán máy nhưng một số sổ công ty không in ra mà chỉ lưu trên máy. Điều này chưa đúng theo chế độ kế toán hiện hành mà theo yêu cầu quản lý cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đó được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đó in ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay như tên đơn vị, tên sổ, đánh số trang, ngày tháng mở sổ, ngày tháng kết thúc ghi sổ, người ghi sổ, kế toán trưởng, giám đốc ký và ghi rõ họ tên đóng dấu giáp lại giữa các trang sổ lưu trữ và bảo quản sổ sách cho phù hợp

#### 3.2.1.5. Về chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Trong kinh doanh các doanh nghiệp luôn đặt ra mục tiêu tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm để thu được lợi nhuận cao. Để làm được điều đó phải thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ có liên quan đến việc giảm giá thành sản phẩm.

Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được hoàn thiện hơn nữa em xin đưa ra một số phương hướng sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí nguyên vật} \\ \text{liệu trực tiếp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng nguyên} \\ \text{vật liệu xuất dùng} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Đơn giá nguyên} \\ \text{vật liệu} \end{array}$$

- ✦ Tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu thì Công ty nên tăng cường thiết lập mối



quan hệ ổn định với nhà cung cấp, giữ uy tín trong quan hệ kinh doanh trên cơ sở ký kết hợp đồng mua vật tư với họ trong thời gian dài và đảm bảo thanh toán các khoản nợ đúng thời hạn. Đồng thời, Công ty phải nghiên cứu thị trường để tìm mua được những nguyên vật liệu rẻ hơn hoặc những nguyên vật liệu thay thế hợp lý cho những nguyên vật liệu đắt tiền nhưng vẫn đảm bảo không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

✦ Do hiện nay nguồn nguyên liệu, nhiên liệu không ổn định, giá cả tăng giảm thất thường. Chính vì thế Công ty cần dự trữ sao cho hợp lý nhất, tránh tình trạng thiếu hụt nguyên liệu gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất hay dư thừa nguyên liệu làm ứ đọng vốn của Công ty

#### *3.2.1.6. Về chi phí nhân công trực tiếp*

▲ Công Ty cần giám sát công nhân một cách chặt chẽ, kiểm tra hàng ngày. Để tránh tình trạng có đến mà không làm, làm việc không tích cực hoặc bỏ việc.

▲ Công ty có thể xây dựng định mức sản phẩm với đơn giá tiền lương hợp lý của từng loại sản phẩm để tính đủ, tính đúng với sức của người lao động đã bỏ ra. Công nhân biết được công sức một đôi giày mình làm ra là bao nhiêu. Từ đó khuyến khích họ tích cực hơn trong công việc và làm việc có hiệu quả để tăng năng suất lao động. Có như vậy mới phát huy được chức năng của tiền lương là đòn bẩy kinh tế, tạo điều kiện nâng cao chất lượng sản phẩm và hạ giá thành sản phẩm.

▲ Công ty nên thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép, tiền tháng lương thứ 13 của công nhân sản xuất, nhân viên quản lý trong kỳ bởi vì chi phí tiền lương nghỉ phép, tiền lương tháng 13 của công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên quản lý có thể biến động ở từng thời điểm nào đó trong năm tài chính nên nếu trong trường hợp công ty không thực hiện trích trước sẽ ảnh hưởng đến các khoản chi phí sản xuất dẫn tới giá thành sản phẩm thiếu chính xác. Tại công ty Cổ phần Trung Kiên số lao động tương đối lớn nên cần thực hiện lập kế hoạch trả tiền lương nghỉ phép, tiền lương tháng 13 trong năm dựa trên lương thực tế mà công ty phải trả hàng tháng và tiền lương nghỉ phép thực tế phát sinh ở năm trước rồi phân bổ vào các kỳ tính giá thành.

Để phản ánh các khoản trích trước và thanh toán tiền lương nghỉ phép, tiền lương tháng 13 cho công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên quản lý kế toán sử dụng

TK 335: “chi phí trả trước”.

+ Khi trích trước tiền lương nghỉ phép thực tế phát sinh phải trả cho công nhân sản xuất, kế toán hạch toán:

Nợ TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 335: Chi phí trả trước

+ Khi trích trước tiền lương nghỉ phép thực tế phát sinh phải trả cho nhân viên quản lý, kế toán hạch toán:

Nợ TK 627: Chi phí nhân viên quản lý

Có TK 335: Chi phí trả trước

+ Khi tính tiền lương nghỉ phép, tiền lương tháng 13 thực tế phát sinh phải trả cho công nhân sản xuất, nhân viên quản lý trong kỳ, kế toán phản ánh:

Nợ TK 335: Chi phí trả trước

Có TK 334: Phải trả người lao động

+ Khi chi trả tiền lương nghỉ phép, lương tháng 13 cho người lao động kế toán phản ánh:

Nợ TK 334: Phải trả người lao động

Có TK 111: Tiền mặt

### 3.2.1.7. Về chi phí sản xuất chung

▪ Để tính giá thành sản phẩm được chính xác thì phải tập hợp chi phí phản ánh đúng đối tượng có liên quan đến chi phí đó. Thực tế, Công ty hạch toán chi phí lương nhân viên quản lý phân xướng vào lương công nhân trực tiếp sản xuất là chưa đúng. Công ty nên hạch toán vào TK 6271 theo đúng quy định trong Bảng hệ thống tài khoản kế toán.

▪ Hiện nay, việc hạch toán chi phí sản xuất chung chưa tách được phần chi phí sản xuất thực tế với công suất bình thường để hạch toán chính xác khoản chi phí sản xuất chung của Công ty theo Chế độ kế toán quy định.

- Nếu công suất của dây truyền sản xuất lớn hơn hoặc bằng công suất bình thường, kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất chung (biến phí và định phí) sang TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (chi tiết cho từng dây truyền) để tính giá thành;

- Nếu công suất của dây truyền sản xuất nhỏ hơn công suất bình thường, kế toán cần xác định phần định phí sản xuất chung được kết chuyển sang TK 154, phần còn lại tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

$$\text{Định phí SXC được kết chuyển để xác định giá thành sản phẩm} = \frac{\text{Công suất thực tế}}{\text{Công suất bình thường}} \times \text{Tổng định phí sản xuất chung.}$$

Trên cơ sở số liệu tính được và các chứng từ kế toán liên quan, kế toán ghi:

Nợ TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (chi tiết từng dây truyền)

Có TK 627 : Chi phí sản xuất chung

$$\text{Định phí SXC tính vào giá vốn hàng bán} = \frac{\text{Tổng định phí sản xuất chung}}{\text{sản xuất chung}} - \text{Định phí SXC được kết chuyển để xác định giá thành sản phẩm}$$

Kế toán ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 627 : Chi phí sản xuất chung

Việc thực hiện giải pháp này, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán quản trị chi phí, đặc biệt là việc ứng dụng biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp trong phân tích điểm hòa vốn, lựa chọn phương án kinh doanh, áp dụng mô hình tính giá thành theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính

- Với những chi phí rất khó mà quản lý chặt chẽ, chính xác được như: Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất, điện nước sinh hoạt, điện thoại,...Kế toán cần kiểm tra và nắm bắt được các nguồn hình thành lên chi phí. Đối với công cụ dụng cụ rất dễ bị hư hỏng và thất lạc trong quá trình sử dụng. Vì vậy, cần bảo quản và tập trung đưa các công cụ sản xuất vào trong kho sau mỗi ngày làm việc. Giao việc quản lý công cụ dụng cụ sản xuất cho các tổ trưởng để tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

- Về phần khấu hao tài sản cố định hiện nay còn chiếm tỷ lệ khá cao trong việc tính giá thành. Công ty nên xem xét lại việc xác định thời gian sử dụng cho từng loại

tài sản cố định để việc phân bổ khấu hao được hợp lý. Đồng thời phải theo dõi chặt chẽ sự biến động của tài sản để có những biện pháp xử lý kịp thời.

▪ Để dây chuyền công nghệ hoạt động hết công suất Công ty cần có một đội ngũ nhân viên kỹ thuật cao, sử dụng thành thạo máy móc, nguồn nguyên liệu phải luôn cung cấp đầy đủ. Để tránh tình trạng có lúc máy chạy không hoặc phải ngưng hoạt động trong một thời gian.

### 3.2.1.8. Về tính giá thành sản phẩm

Đối với việc tính giá thành cụ thể cho từng loại sản phẩm, Công ty nên tính giá thành từng loại sản phẩm theo phương pháp tỷ lệ sẽ phản ánh chính xác hơn giá thành của mỗi loại sản phẩm

Phương pháp tỷ lệ được áp dụng trong các doanh nghiệp cùng một loại nguyên liệu chính. Kết thúc quá trình sản xuất tạo ra nhiều nhóm sản phẩm cùng loại, khác nhau về kích cỡ hoặc phẩm cấp. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất. Đối tượng tính giá thành là từng nhóm sản phẩm hoàn thành.

Trình tự tính giá thành được thực hiện theo 4 bước:

- Bước 1: Xây dựng định mức giá thành của các loại sản phẩm
- Bước 2: Tập hợp chi phí sản xuất toàn quy trình sản xuất, tính chi phí sản xuất của các nhóm sản phẩm đã hoàn thành.
- Bước 3: Xác định tỷ lệ tính giá thành

$$\text{Tỷ lệ tính giá thành} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế phát sinh của tất cả sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành định mức (kế hoạch) của tất cả sản phẩm}}$$

- Bước 4: Xác định giá thành từng nhóm sản phẩm theo tỷ lệ đã xác định.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực tế} \\ \text{đơn vị sản phẩm} \\ \text{từng loại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành kế hoạch hoặc định} \\ \text{mức đơn vị thực tế từng loại sản} \\ \text{phẩm} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ giá} \\ \text{thành} \end{array}$$

### ***3.2.2. Các đề xuất trên góc độ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm***

Để có thể kiểm soát tốt hơn chi phí sản xuất, cần thiết phải xem xét nó dưới nhiều góc độ, bởi các tiêu thức phân loại khác nhau. Trên thực tế, Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng mới chỉ phân loại chi phí theo nội dung kinh tế và theo mục đích, công dụng của chi phí. Sự phân loại chi phí như vậy chủ yếu phục vụ mục đích tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm theo các khoản mục chi phí của kế toán tài chính. Các chi phí phát sinh là các thông tin quá khứ, được xem xét độc lập, tĩnh tại, không thấy được mối quan hệ giữa chi phí và kết quả chi phí đó mang lại. Hiện nay, việc hạch toán chi phí sản xuất chung chưa tách được phần chi phí sản xuất thực tế với công suất bình thường để hạch toán chính xác khoản chi phí sản xuất chung của Công ty theo Chế độ kế toán quy định.

Để tăng cường giá trị của thông tin chi phí; vận dụng tốt vào công tác lập kế hoạch, dự tính các xu thế trong các tình huống kinh doanh. Công ty có thể áp dụng tiêu thức phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí hay mối quan hệ của chi phí với mức độ hoạt động. Theo cách phân loại này chi phí được phân thành: biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp.

Biến phí là những khoản chi phí mà độ lớn của nó tỷ lệ thuận với mức độ, quy mô của hoạt động.

Với Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng, mức độ, quy mô của hoạt động là sản lượng giày dép sản xuất, xuất khẩu. Với khái niệm như vậy, biến phí sản xuất sản phẩm giày dép thường bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (giá trị xuất dùng của nguyên vật liệu chính: vải, da, đế..., nguyên vật liệu phụ: dây, chỉ may, phụ gia...); chi phí nhân công trực tiếp (lương chính, các khoản trích theo lương, ăn ca của công nhân trực tiếp sản xuất...) và một số loại chi phí trong khoản mục chi phí sản xuất chung như chi phí về thiết bị, trợ cất, chặt, giày dép...

Định phí là những khoản chi phí mà tổng số không thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi.

Với Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng, định phí sản xuất chủ yếu tồn tại trong các khoản mục chi phí sản xuất chung như khấu hao máy

móc thiết bị, chi phí dụng cụ sửa chữa, bảo hộ lao động...

Chi phí hỗn hợp là loại chi phí mà bản thân nó bao gồm cả yếu tố của biến phí và định phí. Chi phí hỗn hợp trong sản xuất giày dép chủ yếu thuộc về chi phí sản xuất chung như chi phí điện nước, chi phí lãi vay, chi phí tiếp khách...

### ***3.2.3. Tổ chức thu thập thông tin kế toán tài chính phục vụ kế toán quản trị chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm***

Phương pháp xác định chi phí sản xuất với ưu điểm là theo phương pháp chi phí thực tế là dễ triển khai và đơn giản trong quá trình tập hợp. Nhược điểm là chỉ đảm bảo thông tin để lập Báo cáo tài chính, chỉ phản ánh các thông tin quá khứ về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Với đặc thù điều kiện sản xuất giày dép, Công ty có thể áp dụng kết hợp phương pháp chi phí mục tiêu trong quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Dựa vào định mức kinh tế - kỹ thuật, Công ty xác định tỷ lệ chi phí cho từng giai đoạn sản xuất và có thể điều chỉnh khi tổng chi phí thay đổi. Với đặc thù sản xuất giày dép, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí. Do đó, Công ty có thể căn cứ vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để xây dựng chi phí mục tiêu cho từng giai đoạn: khai thác; cắt, chắt, thêu, in, ép; gò ráp, tạo giày dép và giai đoạn đóng hộp.

Với các giai đoạn sản xuất giày dép nói trên, kế toán theo dõi chi tiết chi phí thực tế phát sinh tại mỗi phân xưởng và đối chiếu với chi phí mục tiêu đã xây dựng. Nếu chi phí thực tế lớn hơn so với chi phí mục tiêu đã xây dựng; cần xem xét các yếu tố chi phí có biến động; tìm ra nguyên nhân và tiến hành kiểm soát điều chỉnh. Ngược lại, nếu chi phí thực tế thấp hơn chi phí mục tiêu; đây là kết quả tốt cần duy trì và phát huy.

#### ***Thực hiện phân tích thông tin kế toán quản trị chi phí sản xuất***

Với đề xuất thực hiện phân loại chi phí sản xuất tại Công ty thành chi phí biến đổi và chi phí cố định. Đây là cơ sở để phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận. Công ty có thể phân tích theo các nội dung: phân tích điểm hòa vốn cho toàn Công ty và cho từng loại giày dép, phân tích sản lượng cần sản xuất để đạt được lợi nhuận mong muốn, xác định giá bán phù hợp cho từng loại giày dép.

Cùng với đề xuất áp dụng kết hợp phương pháp xác định chi phí mục tiêu và chi phí thực tế, Công ty tiến hành đánh giá kết quả thực hiện tại các giai đoạn sản xuất. Từ đó, Công ty tiến hành phân tích các khoản mục chi phí cấu thành nên giá sản phẩm như: phân tích biến động chi phí NVLTT, NCTT, SXC của từng loại giày dép thành phẩm, phân tích biến động của từng khoản mục chi phí trong tổng chi phí... Cụ thể:

*Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* được thực hiện thông qua việc so sánh giữa chi phí thực tế và chi phí kế hoạch trên các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Bao gồm: nhân tố lượng (Q), nhân tố mức tiêu hao nguyên vật liệu (M), nhân tố giá nguyên vật liệu (P).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế:  $C_1 = Q_1 \times M_1 \times P_1$

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế hoạch:  $C_0 = Q_0 \times M_0 \times P_0$

Chênh lệch chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$\Delta C = C_1 - C_0 = Q_1 \times M_1 \times P_1 - Q_0 \times M_0 \times P_0$$

Từ đó phân tích được sự ảnh hưởng của từng nhân tố đến chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Nhân tố khối lượng sản phẩm sản xuất:  $\Delta C_q = (Q_1 - Q_0) \times M_0 \times P_0$

Nhân tố mức tiêu hao:  $\Delta C_m = Q_0 \times (M_1 - M_0) \times P_0$

Nhân tố giá nguyên vật liệu:  $\Delta C_p = Q_0 \times M_0 \times (P_1 - P_0)$

*Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp:* Các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí nhân công trực tiếp sản xuất bao gồm: nhân tố khối lượng sản phẩm sản xuất (Q), nhân tố thời gian lao động (T), nhân tố giá nhân công (P).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thực tế:  $C_{NC1} = Q_1 \times T_1 \times P_1$

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp kế hoạch:  $C_{NC0} = Q_0 \times T_0 \times P_0$

Chênh lệch chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

$$\Delta C_{NC} = C_{NC1} - C_{NC0} = Q_1 \times T_1 \times P_1 - Q_0 \times T_0 \times P_0$$

Từ đó phân tích được sự ảnh hưởng của từng nhân tố đến chi phí nhân công trực tiếp:

Nhân tố khối lượng sản phẩm sản xuất:  $\Delta C_q = (Q_1 - Q_0) \times T_0 \times P_0$

Nhân tố thời gian lao động:  $\Delta C_t = Q_0 \times (T_1 - T_0) \times P_0$

Nhân tố đơn giá nhân công:  $\Delta C_p = Q_0 \times T_0 \times (P_1 - P_0)$

*Phân tích biến động chi phí sản xuất chung*: so sánh chi phí thực tế và chi phí dự toán dựa trên hai yếu tố: biến phí sản xuất chung và định phí sản xuất chung.

$$\begin{array}{l} \text{Biến động chi phí} \\ \text{sản xuất chung} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Biến động biến phí} \\ \text{sản xuất chung} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Biến động định phí} \\ \text{sản xuất chung} \end{array}$$

Trên cơ sở nhận diện chi phí theo biến phí và định phí, cho phép Công ty thực hiện việc phân tích mối quan hệ Chi phí - Khối lượng - Lợi nhuận trên các mặt như sau: Phân tích điểm hòa vốn, phân tích sản lượng sản xuất để đạt lợi nhuận mong muốn.

#### *Hoàn thiện hệ thống báo cáo kế toán trong kế toán quản trị*

Báo cáo kế toán quản trị chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm được lập sẽ cung cấp thông tin một cách có hệ thống cho các nhà quản trị tại Công ty. Báo cáo kế toán chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm có thể là loại báo cáo phục vụ cho công tác phân tích thông tin về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm trong kỳ thực hiện hoặc loại báo cáo được lập để cung cấp thông tin cho các nhà quản trị ra quyết định hoặc liên quan tới các định hướng và dự báo tương lai.

### **3.3. Điều kiện thực hiện giải pháp**

#### **3.3.1. Về phía Nhà nước**

- Nhà nước cần tạo môi trường thông tin mở để các doanh nghiệp có thể tiếp cận và vận dụng các công cụ kế toán để có thể cung cấp thông tin hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin trong và ngoài doanh nghiệp. Vì vậy, Nhà nước cần sớm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý về kế toán. Trong đó, chú trọng tính hội nhập, phù hợp với xu thế chung của thế giới nhưng vẫn phù hợp với điều kiện thực tế và luật pháp của Việt Nam trong việc xây dựng hệ thống Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán, các Thông tư hướng dẫn.

- Thông qua các hiệp hội nghề nghiệp như hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam, VCCI... chủ động truyền thông, tổ chức các lớp tập huấn về Chế độ, chính sách kế toán mới, tổ chức các khóa học nâng cao năng lực quản lý đối với các lãnh đạo doanh nghiệp.

- Kế toán tài chính đã được luật hóa để quy định cách làm chuẩn chung cho các



doanh nghiệp trong toàn nền kinh tế nhưng đối với kế toán quản trị mới chỉ có Thông tư 53/2006/TT-BTC. Vì vậy, để các công cụ của kế toán quản trị có thể cung cấp các thông tin hữu ích về quản trị chi phí, giá thành sản phẩm cho các cấp quản trị trong nội bộ doanh nghiệp, Nhà nước phải ban hành các văn bản hướng dẫn để các vấn đề lý luận của kế toán quản trị có thể áp dụng vào thực tế doanh nghiệp.

- Các cơ quan quản lý nhà nước cần có những chính sách để hỗ trợ Công ty. Đặc biệt là cơ quan thuế: tuyên truyền, hỗ trợ Công ty trong việc kê khai thuế hàng tháng, hằng quý, hằng năm.

- Có các chính sách ưu đãi về thuế nhằm hỗ trợ Công ty trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đặc biệt là trong thời điểm khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

- Hỗ trợ về lãi suất cho vay để Công ty đảm bảo ổn định cho quá trình sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, ổn định giá bán đầu ra, tránh tình trạng làm giá, đầu cơ, lũng đoạn thị trường.

### **3.3.2. Về phía Công ty**

- Công ty phải không ngừng cập nhật các quy định, các văn bản mới ban hành của Nhà nước và Bộ Tài chính để có thể vận dụng kịp thời và linh hoạt vào công tác kế toán của đơn vị mình, đáp ứng yêu cầu đổi mới và hoàn thiện công tác kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán mới.

- Tiến hành đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ kế toán về những kiến thức và kinh nghiệm vận dụng kế toán tài chính và kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Đồng thời, hoàn thiện bộ máy kế toán của Công ty nhằm tăng cường và kiểm soát chi phí.

- Công ty nên quy định việc lập và sử dụng báo cáo quản trị một cách thường xuyên để giúp ban lãnh đạo nắm bắt liên tục tình hình hoạt động của Công ty.

- Do đặc thù với một doanh nghiệp có nhiều bộ phận, phân xưởng sản xuất có quy mô lớn, sản phẩm sản xuất ra liên tục. Do đó, việc quản lý và theo dõi chi phí sản xuất ở từng bộ phận, từng phân xưởng là một việc làm cần thiết mà Công ty nên tiến hành.

- Nên thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ để giám sát, kiểm tra tổ chức công tác kế toán của Công ty có được thực hiện theo đúng chế độ, luật định kế toán.

- Có chính sách hỗ trợ cho nhân viên nhằm giúp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn phục vụ cho công việc tại Công ty.

- Xây dựng hệ thống tài khoản chi tiết nhằm cung cấp các thông tin cần thiết cho nhà quản trị cấp cao, phục vụ cho quản trị kinh doanh trên lĩnh vực tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm.

### KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Qua nghiên cứu thực tế về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng, tác giả đã đưa ra được một số ưu điểm, hạn chế và đưa ra những nội dung, yêu cầu mục tiêu hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành. Trên cơ sở đó, Luận văn đưa ra một số giải pháp hoàn thiện kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng. Cuối cùng, tác giả trình bày một số các điều kiện cần thiết làm cơ sở cho việc áp dụng các giải pháp, giúp Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng có thể nghiên cứu, tham khảo vận dụng vào thực tiễn để hoàn thiện hơn công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của mình.

## KẾT LUẬN

Trong kinh doanh, vấn đề mà mỗi doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ đều phải quan tâm đó chính là chi phí, giá thành và chất lượng sản phẩm. Để thị trường chấp nhận hay không đó là điều kiện tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Vì vậy công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một yếu tố vô cùng quan trọng, đòi hỏi phải chính xác, hợp lý và phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Để có thể đứng vững và phát triển trong thị trường cạnh tranh gay gắt đòi hỏi các doanh nghiệp luôn phải tìm tòi biện pháp để tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận. Một trong những công cụ đắc lực giúp các nhà quản trị thực hiện được điều đó chính là “Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Vật tư và Giày dép xuất khẩu Hải Hưng đã đáp ứng phần nào yêu cầu đặt ra của các nhà quản trị. Tuy nhiên, để hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của mình Công ty cần phát huy những mặt tích cực đã đạt được, đồng thời khắc phục những mặt còn hạn chế.

Trong thời gian tìm hiểu thực tế công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty vừa qua đã giúp em rất nhiều trong việc vận dụng lý luận vào thực tế. Tuy nhiên, đây là một đề tài hết sức rộng, thời gian nghiên cứu và kinh nghiệm còn hạn chế, luận văn không thể tránh được những thiếu sót, những vấn đề nêu ra có thể chưa được giải quyết triệt để. Vì vậy, em mong nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo của quý Thầy cô và ý kiến đóng góp của các Anh chị trong Phòng Kế toán của Công ty để em có thể hoàn thiện bài Luận văn này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, 2004. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Quyển III (QĐ số 234/2003/QĐ-BT, ban hành 6 chuẩn mực đợt III)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính, 2005. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Quyển IV (QĐ số 12/2005/QĐ - BT, ban hành 6 chuẩn mực đợt IV)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
3. Bộ Tài chính, 2006. *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Quyển V (QĐ số 100/2005/QĐ - BT, ban hành 4 chuẩn mực đợt V)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
4. Bộ Tài chính, 2006. *Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/Q - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
5. Bộ Tài chính, 2014. *Thông tư 200/2014/TT- BTC, Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*. Ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.
6. Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy, 2010. *Kế toán tài chính*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
7. Nguyễn Văn Công, 2006. *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
8. Nguyễn Thị Đông, 2008. *Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
9. Học viện Tài chính, 2009. *Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tài chính.
10. Nguyễn Thị Thanh Hải, 2015. *Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm may mặc tại Công ty TNHH may Tinh Lợi*. Hà Nội: Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thương mại.
11. Nguyễn Thị Ngọc Mai, 2013. *Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần Hoàng Long*. Hà Nội: Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
12. Nguyễn Thị Ngọc, 2013. *Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty may xuất khẩu SSV*. Hà Nội: Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thương mại.
13. Hàn Minh Thu, 2014. *Hoàn thiện kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành*

*sản phẩm tại công ty Cổ phần Hương Nguyên GH5*. Hà Nội: Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

14. Trần Thị Thu Hà, 2015. *Kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần 26'*: Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thương mại.

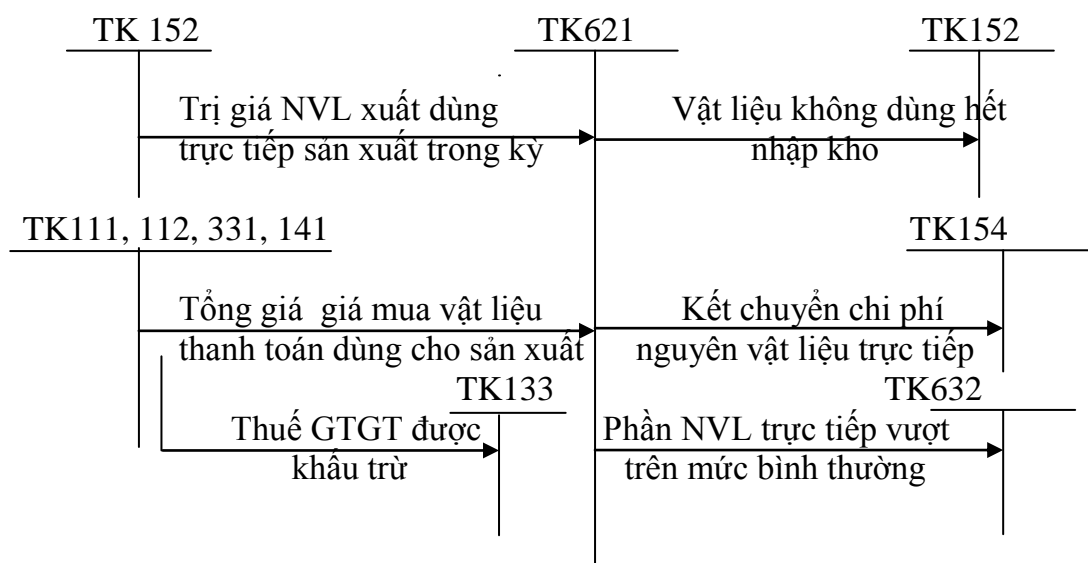
15. Khoa Kế toán - Kiểm toán, Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh, 2006. *Kế toán chi phí sản xuất*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Lao động xã hội.

16. Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2010. *Giáo trình kế toán quản trị doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

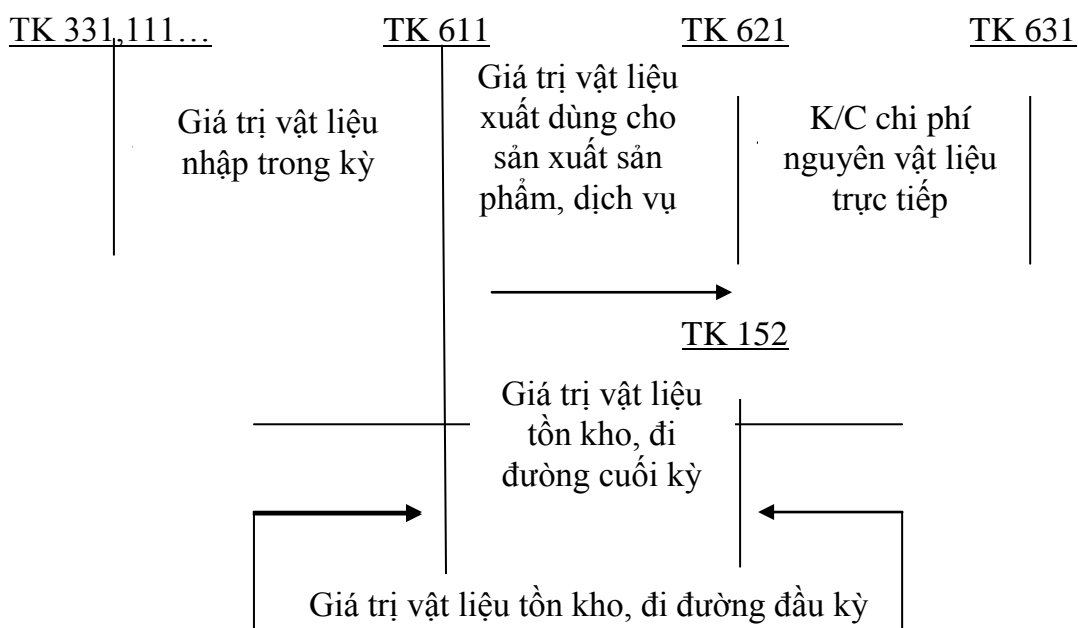
17. Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2011. *Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

**Sơ đồ 1.1. Kế toán nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621)**

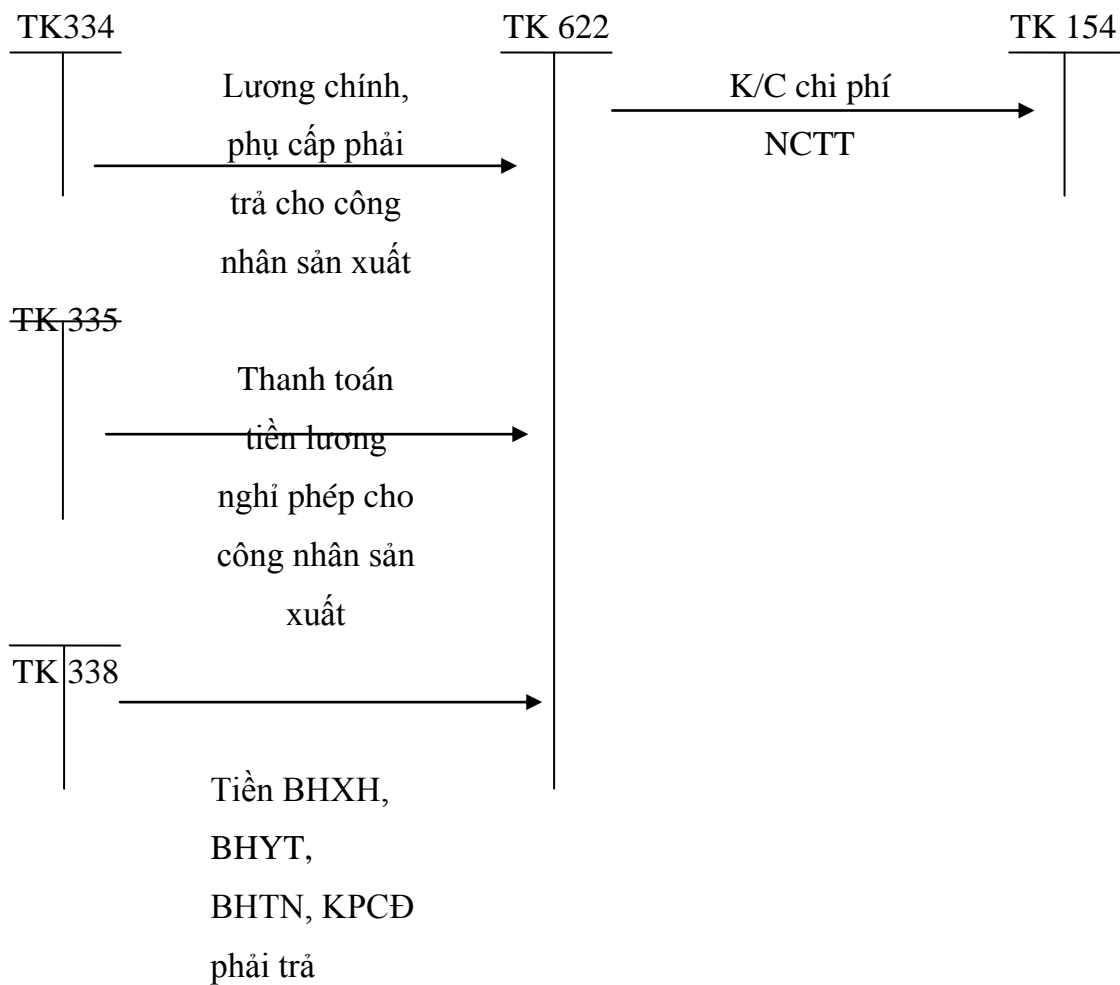
**Sơ đồ: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo phương pháp KKTX**



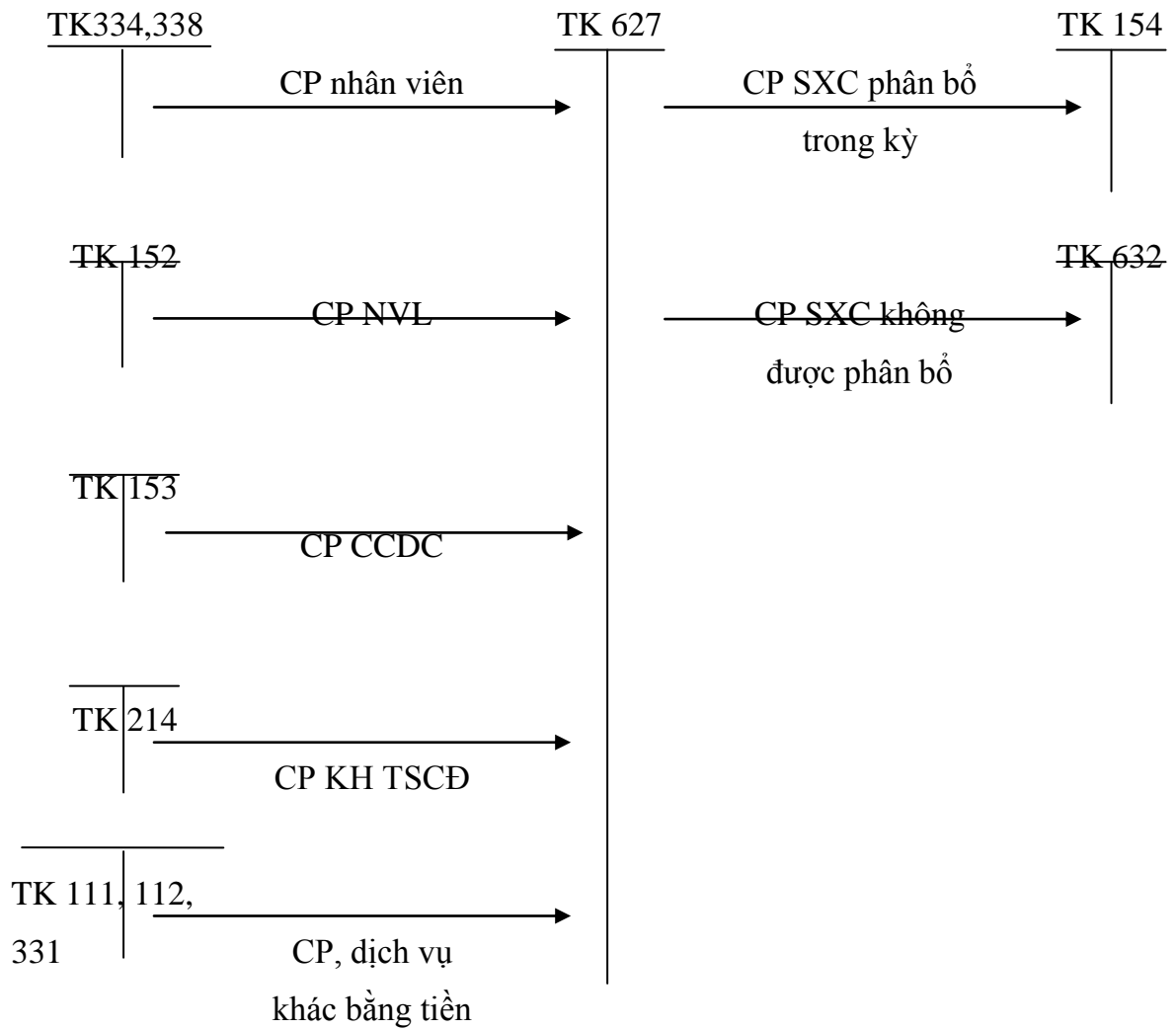
**Sơ đồ: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo phương pháp KKĐK**



**Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp (TK 622)**

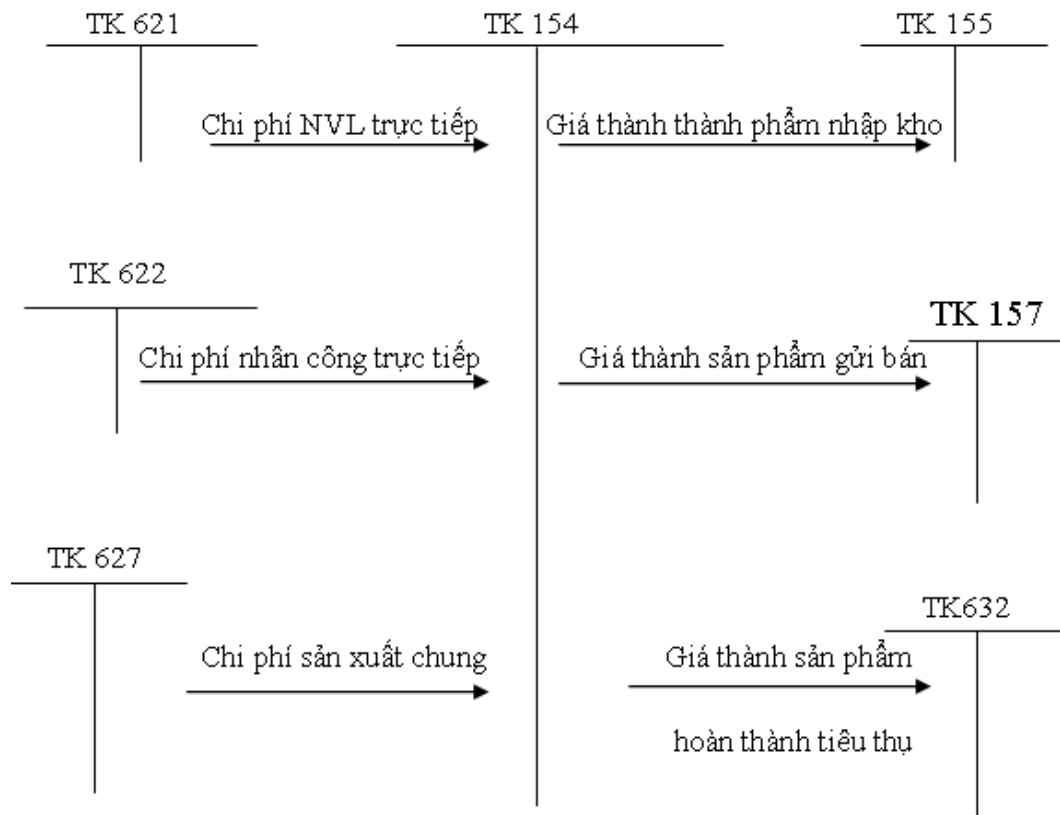


**Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí sản xuất chung (TK 627)**

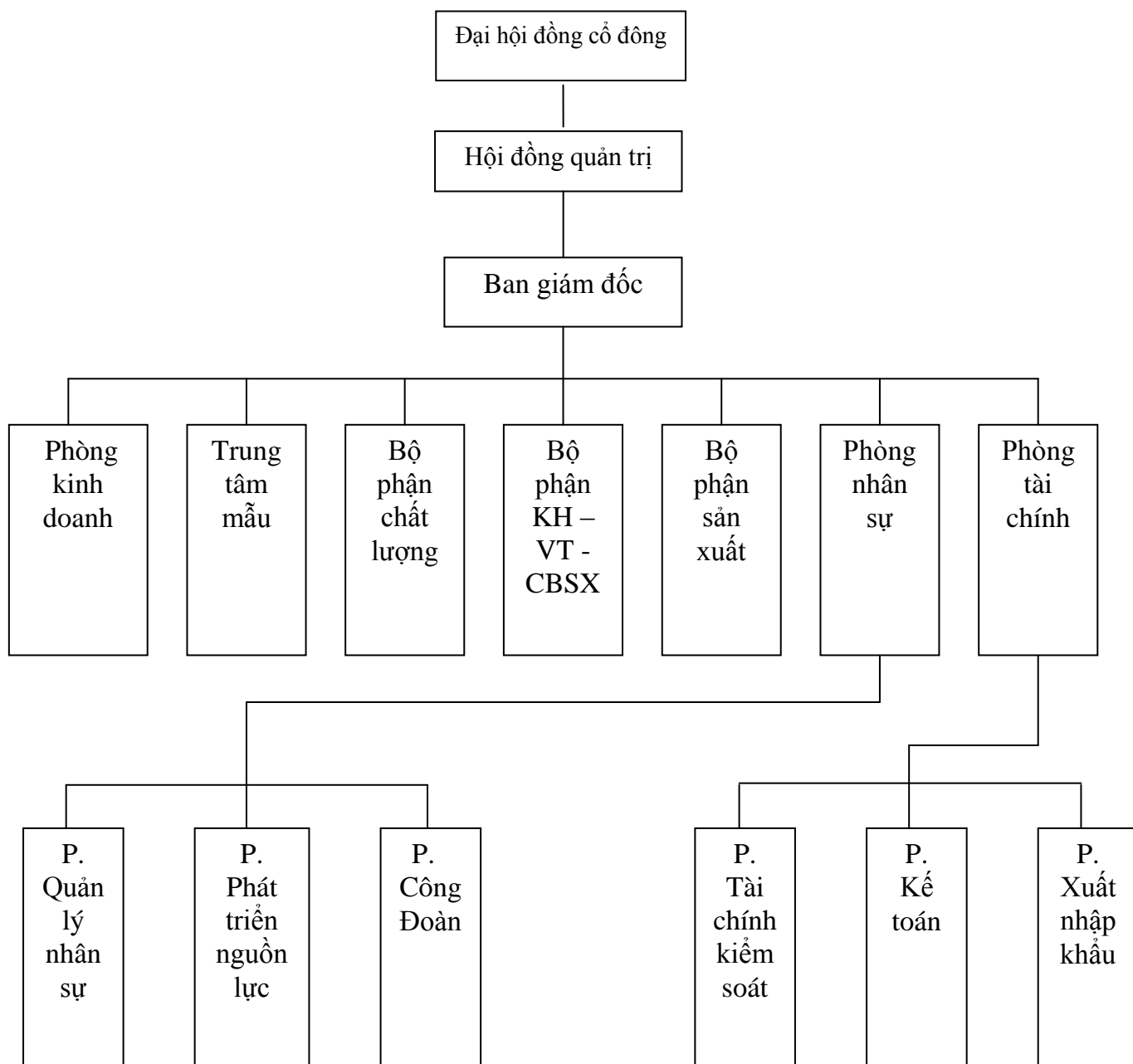




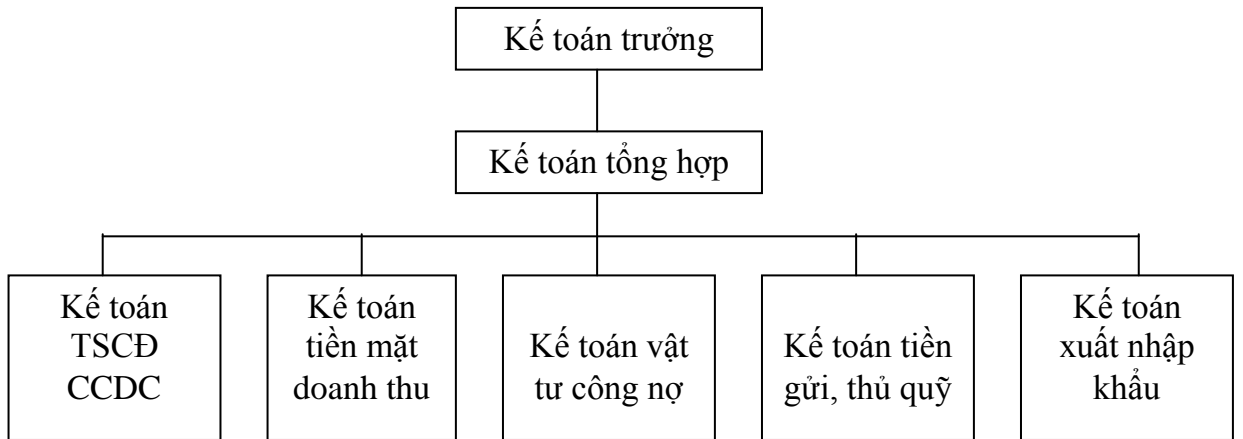
**Sơ đồ 1.4: Kế toán Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154)**



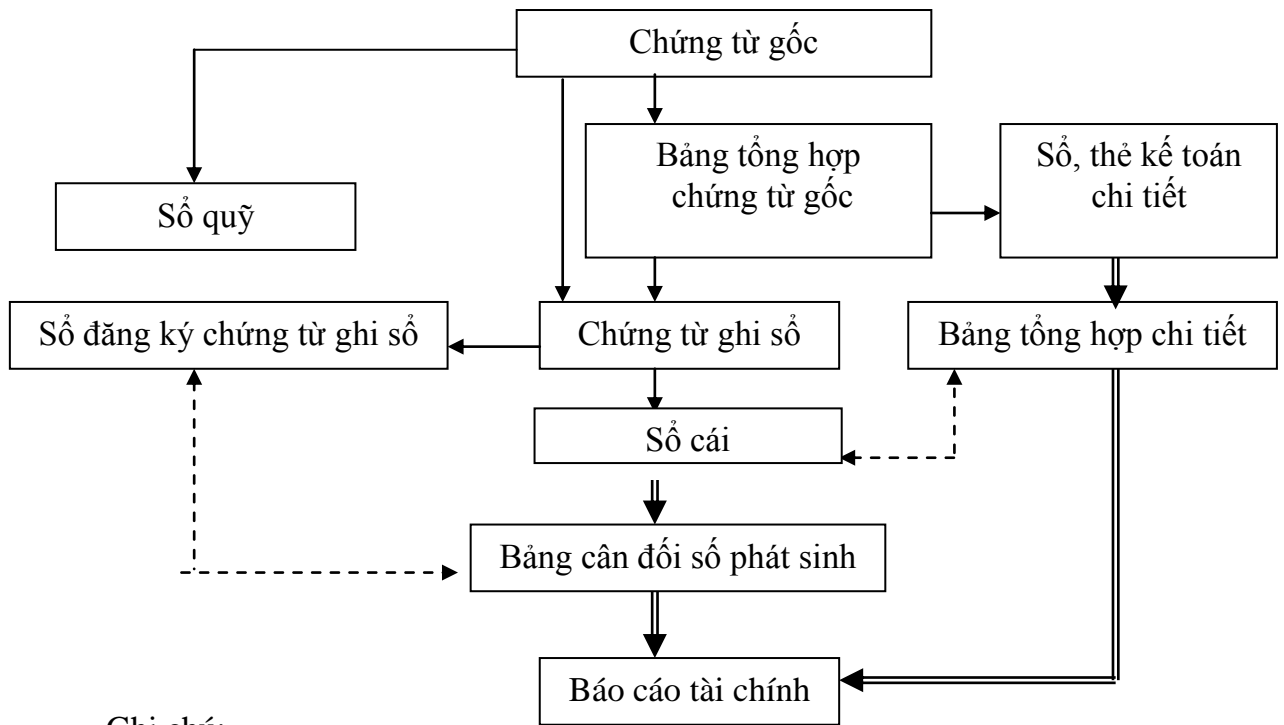
**Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty**



**Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty**



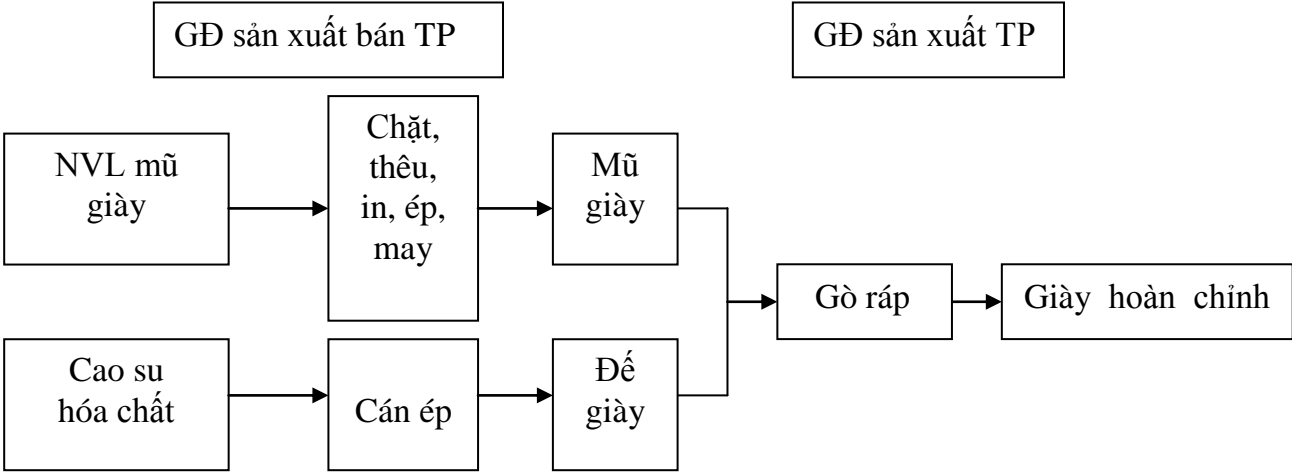
**Sơ đồ 2.3 Sơ Đồ Hình Thức Chứng Từ Ghi Sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng
- ==> Cuối tháng hoặc định kỳ
- ←-.-> Quan hệ đối chiếu

**Sơ đồ 2.4. Sơ đồ Quy trình sản xuất giày**



**Bảng 2.3 Bảng trích mã sản phẩm của một đơn hàng**

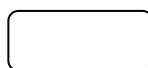
<b>Khách Hàng</b>	<b>Đơn Hàng</b>	<b>Mã Giày</b>
DECATHLON	DE15300	
		KID 80 GREY PINK
		KID 80 BLACK RED
		KID 300 GREY ORANGE

Tài khoản mở chi tiết TK621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”:

<b>Tài khoản</b>	<b>Tên Tài Khoản</b>
6211mu	Vật tư - mũ
6211da	Vật tư - da
6211ma	Vật tư - may
6211pk	Vật tư - packing
6211cc	Vật tư – C&C
6211de	Vật tư - đế

**Một số ký hiệu dùng trong bài:**

Bắt đầu:



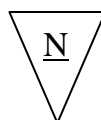
Thực hiện:



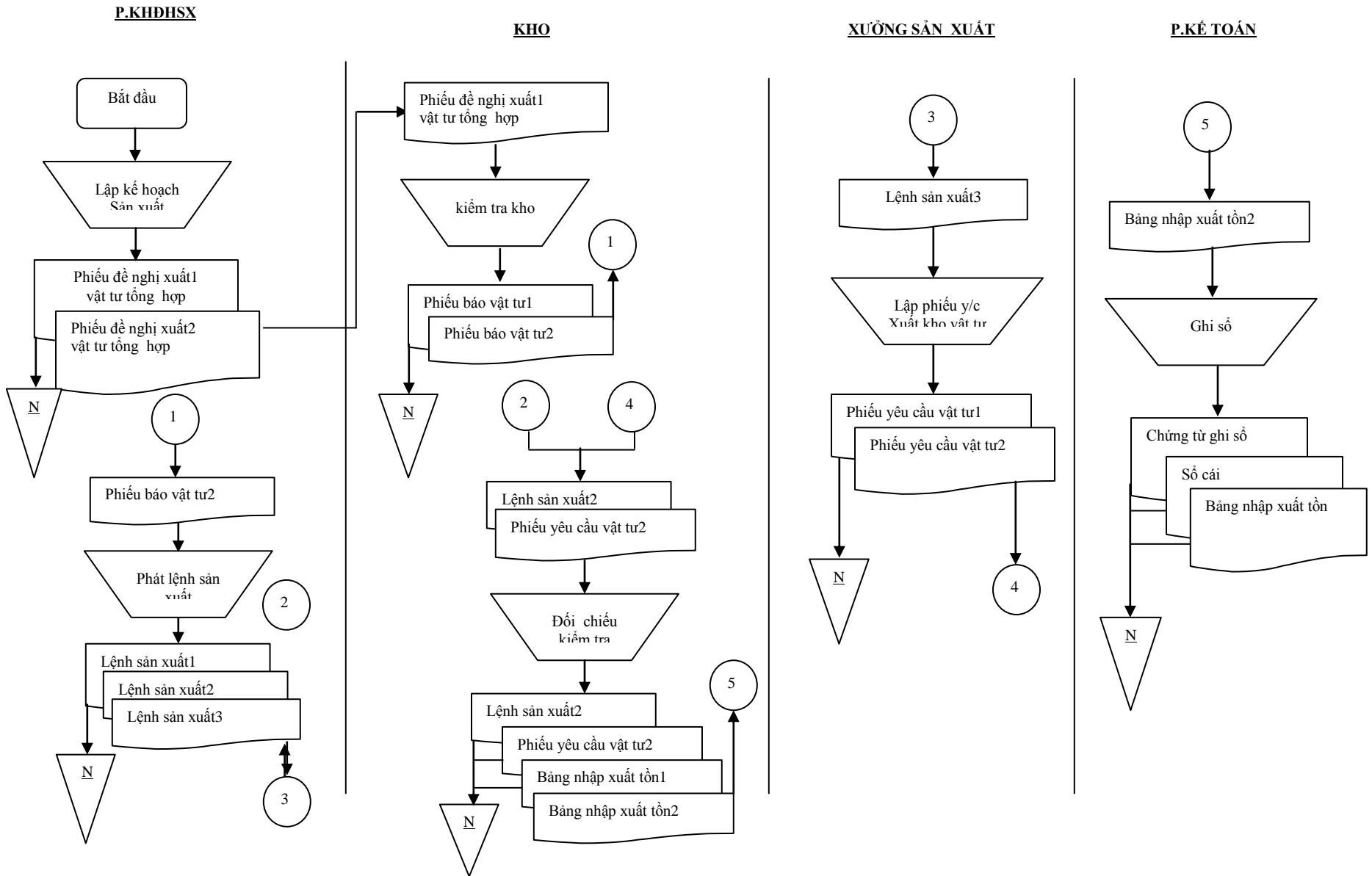
Chứng từ:



Lưu chứng từ:



Sơ đồ 2.5 Sơ đồ lưu chuyển chứng từ nguyên vật liệu trực tiếp



CTY CP ĐT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Tháng 5 năm 2016

Stt	Diễn giải	ĐKN	ĐKC	Số tiền	Ghi chú
1	Vật tư mua ngoài xuất thẳng pvsx	6211pk	33112	16.493.620	
2	Phí vận chuyển vật tư	6211pk	33152	1.000.000	
3	Xuất vật tư phục vụ sản xuất	6211da	1521	101.434.974	
4	Phí gia công vật tư	6211mu	33113	16.317.028	
...	....	....	...	...	...
42	Vật tư tồn cuối kỳ nhập lại kho	1521	6211ma	7.104.154	
...	....	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>				<b>88.207.554.621</b>	

**Đơn vị:** Cty CPVT&GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG      Mẫu số: S02B-H  
**Địa chỉ:** Bình Hàn-Hải Dương      Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Từ ngày 01/5/2016 đến 31/5/2016

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số chứng từ	Ngày		
T10-CTGS-01	10/5/1016	16.493.620	
T10-CTGS-01	10/5/2016	1.000.000	
T10-CTGS-03	10/5/2016	101.434.974	
T10-GTGS-04	16/5/2016	16.317.028	
....	...	...	
T10-CTGS-42	31/5/2016	7.104.154	
<b>Tổng cộng</b>		<b>88.207.554.621</b>	

Kèm theo:                      chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 5 năm 2016

Người lập

Phụ trách kế toán

CTY CP ĐT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**SỔ CÁI**

Tên TK: Chi Phí Nguyên Vật Liệu Trực Tiếp

Số hiệu: 621

Tháng 5 năm 2016

Stt	Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	ĐKN	ĐKC	Số tiền Nợ	Số tiền Có
			<b><u>SDDK</u></b>			-	-
1	31/5/2016	T10-CTGS-01	VT mua ngoài xuất thẳng pvsx	6211pk	33112	16.493.620	
2	31/5/2016	T10-CTGS-01	Phí vận chuyển vật tư	6211pk	33152	1.000.000	
3	31/5/2016	T10-CTGS-03	Xuất vật tư phục vụ sản xuất	6211da	1521	101.434.974	
4	31/5/2016	T10-GTGS-04	Phí gia công vật tư	6211mu	33113	16.317.028	
...	...	....	....	...	...	...	
42	31/5/2016	T10-CTGS-42	Vật tư tồn cuối kỳ nhập lại kho	1521	6211ma		7.104.154
43	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí vật tư	1541	6211da		31.824.607.792
44	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí vật tư	1541	6211mu		18.686.436.857
...	...	....	...	...	....	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>67.364.876.277</b>	<b>67.364.876.277</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			-	-
<b>Kế toán trưởng</b>				<b>Người lập</b>			





**Bảng 2.4 Bảng Giá Trị Nguyên Vật Liệu Trục Tiếp Dùng Phân Bỏ Tháng 5/2016**

<b>VẬT TƯ</b>	<b>DDĐK</b>	<b>PHÁT SINH TRONG KỲ</b>	<b>DDCK</b>	<b>GIÁ TRỊ NVL DÙNG PHÂN BỎ</b>
MŨ (Da, May)	1.415.894.903	39.714.671.844	1.323.957.395	39.806.609.352
ĐÉ (C&c, Đé)	415.329.171	23.076.197.717	371.970.054	23.119.556.834
PACKING	56.635.796	5.416.685.060	34.610.765	5.438.710.091
<b>TỔNG</b>	<b>1.887.859.870</b>	<b>67.207.554.621</b>	<b>1.730.538.214</b>	<b>67.364.876.277</b>
Nguồn tin: Phòng Kế Toán				

**Bảng 2.5 Bảng Doanh Thu Sản Xuất Tháng 5/2016**

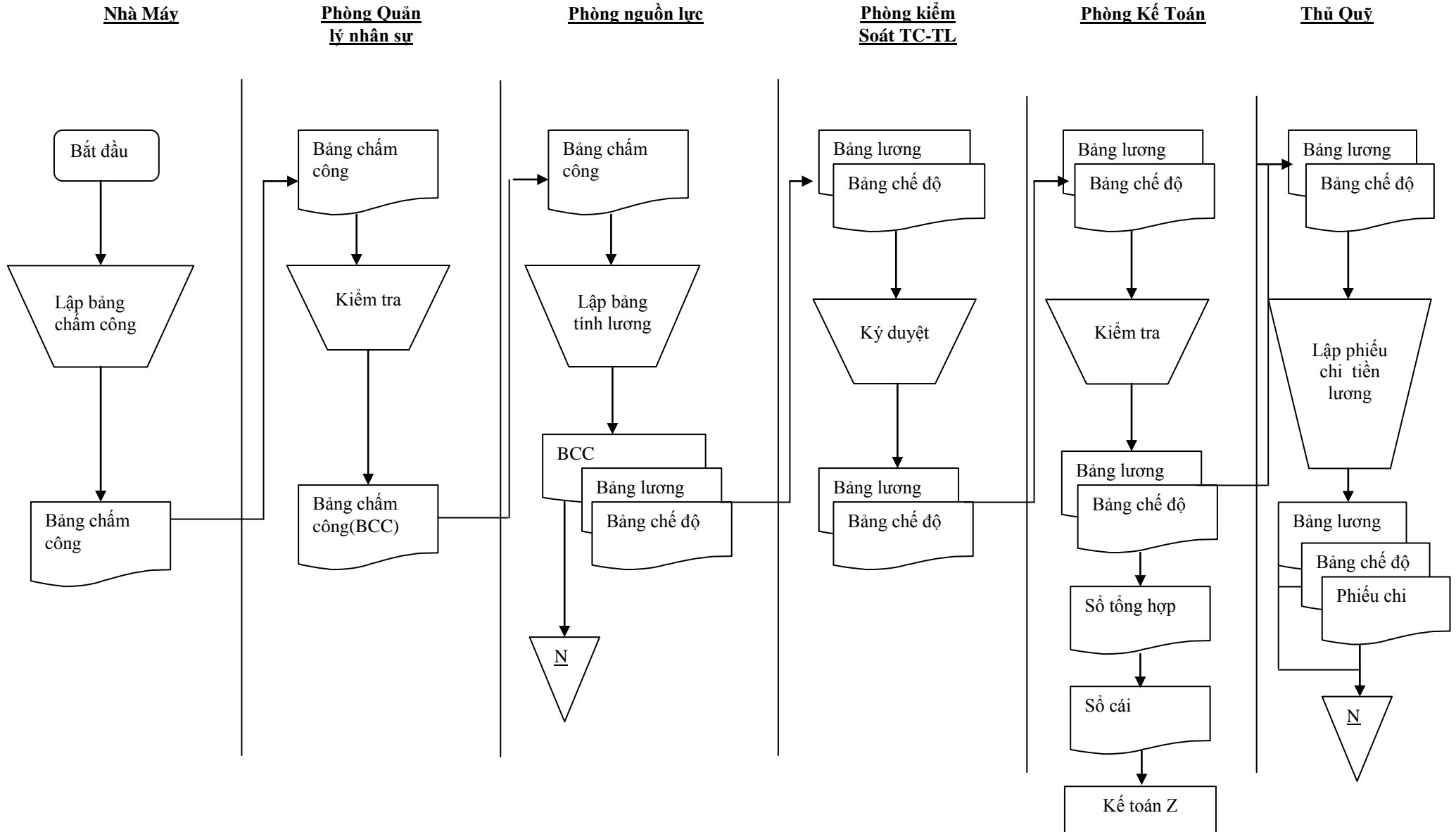
<b>Khách hàng</b>	<b>Mã giày</b>	<b>Sản lượng</b>	<b>Giá bán</b>	<b>Doanh thu sản xuất</b>
DECATHLON	KID 80 GREY PINK	<b>3.707</b>	146.175	541.870.725
	KID 80 BLACK RED	<b>3.703</b>	146.175	541.286.025
	KID 300 GREY ORANGE	<b>7.490</b>	159.818	1.197.036.820
PISTON	PIST001-B	<b>1.523</b>	169.563	258.244.449
	PIST002-R	<b>1.322</b>	157.869	208.702.818
	PIST003-W	<b>8.029</b>	152.022	1.220.584.638
...	...	...	...	...
<b>TỔNG</b>		<b>1.051.598</b>		<b>204.686.288.300</b>
Nguồn tin: Phòng Kế Toán				

**Bảng 2.6 Bảng Phân Bỏ Chi Phí Nguyên Vật Liệu Trực Tiếp Tháng 5/2016**

<b>KHÁCH HÀNG</b>	<b>MÃ SẢN PHẨM</b>	<b>SL HOÀN THÀNH (ĐÔI)</b>	<b>GIÁ BÁN</b>	<b>DOANH THU SẢN XUẤT</b>	<b>TỶ LỆ PHÂN BỎ (%)</b>	<b>CHI PHÍ NVLTT</b>	<b>ĐƠN GIÁ CHI PHÍ NVLTT</b>
DECATHLON							
	KID 80 GREY PINK	3.707	146.175	541.870.725	43,17	233.925.592	63.104
	KID 80 BLACK RED	3.703	146.175	541.286.025	43,17	233.673.177	63.104
	KID 300 GREY ORANGE	7.490	159.818	1.197.036.820	43,17	516.760.795	68.993
...	...	....	...	...	...	...	
PISTON							
	PIST001-B	1.523	169.563	258.244.449	43,17	111.484.129	73.200
	PIST002-R	1.322	157.869	208.702.818	43,17	90.097.007	68.152
	PIST003-W	8.029	152.022	1.220.584.638	43,17	526.926.388	65.628
...	...	....	...	...	...		
<b>TỔNG</b>		<b>1.051.598</b>		<b>204.686.288.300</b>		<b>67.364.876.277</b>	

Nguồn tin: Phòng Kế Toán

Sơ đồ 2.6 Sơ Đồ Lưu Chuyển Chứng Từ Lương



**Bảng 2.7 Bảng tổng hợp thanh toán lương tháng 5/2016**

Bộ phận	Lương SP	Lương khác	Tổng cộng lương	Khấu trừ lương				Tổng cộng khấu trừ	Còn lại	Ký nhận
				BHXH 8%	BHYT 1.5%	BHTN 1%	ĐPCĐ 8.000			
<b>BLD-ĐH</b>	2,685,377,300	821,785,900	3,507,163,200	66,600,500	16,650,100	11,100,000	3,664,000	98,014,600	3,409,148,600	
<b>NM1</b>	<b>5,243,334,000</b>	<b>1,132,045,700</b>	<b>6,375,379,700</b>	<b>197,241,876</b>	<b>49,310,419</b>	<b>32,873,600</b>	<b>15,936,000</b>	<b>295,361,895</b>	<b>6,080,017,805</b>	
QL-PV NM	568,347,800	158,783,000	727,130,800	13,631,400	3,407,800	2,271,900	1,064,000	20,375,100	706,755,700	
CN SX	4,674,986,200	973,262,700	5,648,248,900	183,610,476	45,902,619	30,601,700	14,872,000	274,986,795	5,373,262,105	
<b>NM2</b>	<b>6,526,721,000</b>	<b>1,268,170,100</b>	<b>7,794,891,100</b>	<b>236,883,900</b>	<b>59,220,900</b>	<b>39,480,700</b>	<b>14,320,000</b>	<b>349,905,500</b>	<b>7,444,985,600</b>	
QL-PV NM	661,802,500	174,158,600	835,961,100	15,388,200	3,847,000	2,564,700	1,176,000	22,975,900	812,985,200	
CN SX	5,864,918,500	1,094,011,500	6,958,930,000	221,495,700	55,373,900	36,916,000	13,144,000	326,929,600	6,632,000,400	
<b>NM3</b>	<b>4,462,203,700</b>	<b>1,130,154,200</b>	<b>5,592,357,900</b>	<b>193,324,400</b>	<b>48,331,100</b>	<b>32,220,700</b>	<b>9,704,000</b>	<b>283,580,200</b>	<b>5,308,777,700</b>	
QL-PV NM	689,223,900	177,219,200	866,443,100	18,909,300	4,727,300	3,151,600	1,376,000	28,164,200	838,278,900	
CN SX	3,772,979,800	952,935,000	4,725,914,800	174,415,100	43,603,800	29,069,100	8,328,000	255,416,000	4,470,498,800	
<b>NM4</b>	<b>3,546,809,500</b>	<b>1,504,345,800</b>	<b>5,051,155,300</b>	<b>179,916,700</b>	<b>44,979,109</b>	<b>29,986,100</b>	<b>10,904,000</b>	<b>265,785,909</b>	<b>4,785,369,391</b>	
QL-PV NM	487,507,400	194,689,000	682,196,400	13,729,900	3,432,400	2,288,300	1,032,000	20,482,600	661,713,800	
CN SX	3,059,302,100	1,309,656,800	4,368,958,900	166,186,800	41,546,709	27,697,800	9,872,000	245,303,309	4,123,655,591	
<b>Tổng cộng</b>	<b>22,464,445,500</b>	<b>5,856,501,700</b>	<b>28,320,947,200</b>	<b>873,967,376</b>	<b>218,491,628</b>	<b>145,661,100</b>	<b>54,528,000</b>	<b>1,292,648,104</b>	<b>27,028,299,096</b>	

Nguồn tin: Phòng Kế Toán

**Bảng 2.8 Bảng báo cáo tổng hợp chế độ - chính sách Tháng 5 năm 2016**

Bộ phận	Trích theo lương				Tổng cộng
	BHXH 18%	BHYT 3%	KPCĐ 2%	BHTN 1%	
<b>BLD-ĐH</b>	<b>177,600,000</b>	<b>33,300,000</b>	<b>22,200,000</b>	<b>11,100,000</b>	<b>244,200,000</b>
<b>NM1</b>	<b>525,978,300</b>	<b>98,620,900</b>	<b>52,855,500</b>	<b>32,873,600</b>	<b>710,328,300</b>
QL-PV NM	36,350,400	6,815,700	4,543,800	2,271,900	49,981,800
CN SX	489,627,900	91,805,200	48,311,700	30,601,700	660,346,500
<b>NM2</b>	<b>631,690,600</b>	<b>118,442,000</b>	<b>47,827,700</b>	<b>39,480,700</b>	<b>837,441,000</b>
QL-PV NM	41,035,300	7,694,100	5,129,400	2,564,700	56,423,500
CN SX	590,655,300	110,747,900	42,698,300	36,916,000	781,017,500
<b>NM3</b>	<b>515,531,900</b>	<b>96,662,300</b>	<b>35,484,400</b>	<b>32,220,700</b>	<b>679,899,300</b>
QL-PV NM	50,424,900	9,454,700	6,303,100	3,151,600	69,334,300
CN SX	465,107,000	87,207,600	29,181,300	29,069,100	610,565,000
<b>NM4</b>	<b>479,778,200</b>	<b>89,958,400</b>	<b>40,069,000</b>	<b>29,986,100</b>	<b>639,791,700</b>
QL-PV NM	36,613,300	6,865,000	4,576,700	2,288,300	50,343,300
CN SX	443,164,900	83,093,400	35,492,300	27,697,800	589,448,400
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,330,579,000</b>	<b>436,983,600</b>	<b>198,436,600</b>	<b>145,661,100</b>	<b>3,111,660,300</b>

Nguồn tin: Phòng Kế Toán

CTY CPVT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

*Tháng 5 năm 2016*

<b>Stt</b>	<b>Diễn giải</b>	<b>ĐKN</b>	<b>ĐKC</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Lương công nhân sản xuất	6221	334	24.813.784.000	
02	Trích BHXH	6222	3383	2.152.979.000	
03	Trích BHYT	6222	3384	403.683.600	
04	Trích KPCĐ	6222	3382	176.236.600	
05	Trích BHTN	6222	3389	134.561.100	
<b>Tổng cộng</b>				<b>27.681.244.300</b>	

**Đơn vị:** Cty CPVT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG    Mẫu số: S02B-H

**Địa chỉ:** Bình Hàn-Hải Dương

Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

*Từ ngày 01/5/2016 đến 31/5/2016*

<b>Chứng từ ghi sổ</b>		<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Số chứng từ</b>	<b>Ngày</b>		
T10-CTGS-01	31/5/2016	24.813.784.000	
T10-CTGS-02	31/5/2016	2.152.979.000	
T10-CTGS-03	31/5/2016	403.683.600	
T10-GTGS-04	31/5/2016	176.236.600	
T10-CTGS-05	31/5/2016	134.561.100	
<b>Tổng cộng</b>		<b>27.681.244.300</b>	

Kèm theo:                      chứng từ gốc

Ngày 31 Tháng 5 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng



CÔNG TY CP ĐT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HUNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**SỔ CÁI**

**Tên TK: Chi Phí Nhân Công Trực Tiếp**

**Số hiệu: 622**

*Tháng 5 năm 2016*

Stt	Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	ĐKN	ĐKC	Số tiền Nợ	Số tiền Có
			<b><u>SDDK</u></b>			-	-
1	31/5/2016	T5-CTGS-01	Lương công nhân trực tiếp sản xuất	6221	334	24.813.784.000	
2	31/5/2016	T5-CTGS-01	Trích BHXH	6222	3383	2.152.979.000	
3	31/5/2016	T5-CTGS-03	Trích BHYT	6222	3384	403.683.600	
4	31/5/2016	T5-CTGS-04	Trích KPCĐ	6222	3382	176.236.600	
5	31/5/2016	T5-CTGS-04	Trích BHTN	6222	3389	134.561.100	
6	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí nhân công	1541	6221		24.813.784.000
7	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí nhân công-chế độ	1541	6222		2.867.460.300
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>27.681.244.300</b>	<b>27.681.244.300</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			-	-

Kế toán trưởng

Người lập

CÔNG TY CP ĐT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**SỔ KẾ TOÁN CHI TIẾT**

**Tên TK: Chi Phí Nhân Công Trực Tiếp**

**Số hiệu: 622**

*Tháng 5 năm 2016*

Stt	Ngày	Số CT	Nội dung	ĐKN	ĐKC	Số tiền	TK 6221		TK 6222	
							Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>SDDK</b>			-				
01	31/5/2016	BHTTTL	Lương công nhân trực tiếp sản xuất	6221	334	24.813.784.000	x			
02	31/5/2016	BTHCĐCS	Trích BHXH	6222	3383	2.152.979.000			x	
03	31/5/2016	BTHCĐCS	Trích BHYT	6222	3384	403.683.600			x	
04	31/5/2016	BTHCĐCS	Trích KPCĐ	6222	3382	176.236.600			x	
05	31/5/2016	BTHCĐCS	Trích BHTN	6222	3389	134.561.100			x	
			<b>Tổng số phát sinh tháng</b>			<b>27.681.244.300</b>				

**Bảng 2.9 Bảng Phân Bổ Chi Phí Nhân Công Tháng 5/2016**

ĐVT: Đồng				
<b>Đơn hàng</b>	<b>Mã sản phẩm</b>	<b>Sản phẩm hoàn thành</b>	<b>Đơn giá tiền lương/đôi</b>	<b>Chi phí nhân công</b>
DECATHLON				
	KID 80 GREY PINK	3.707	26.323	97.579.361
	KID 80 BLACK RED	3.703	26.323	97.474.069
	KID 300 GREY ORANGE	7.490	26.323	197.162.954
...	...	...	...	...
PISTON				
	PIST001-B	1.523	26.323	40.089.929
	PIST002-R	1.322	26.323	34.799.006
	PIST003-W	8.029	26.323	211.347.367
...	...	...	...	...
	<b>Tổng</b>	<b>1.051.598</b>		<b>27.681.244.300</b>
Nguồn tin: Phòng Tài Chính Kế Toán				

Tài khoản mở chi tiết TK627 “Chi phí sản xuất chung”:

<b>TÀI KHOẢN</b>	<b>TÊN TÀI KHOẢN</b>
627	Chi phí sản xuất chung
6272	Chi phí vật liệu
6273	Chi phí dụng cụ sản xuất
6274	Chi phí khấu hao tài sản cố định
6277	Chi phí dịch vụ mua ngoài
6278	Các chi phí bằng tiền khác

CTY CP ĐT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HÙNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
*Tháng 5 năm 2016*

Stt	Diễn giải	ĐKN	ĐKC	Số tiền	Ghi chú
01	Xuất công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất	6273	1533	12.015.000	
02	Xuất vật tư sửa chữa phân xưởng sản xuất	6272	1528	14.141.000	
03	Chi phí điện phân xưởng sản xuất	6277	33112	9.312.376	
04	Chi phí khấu hao TSCĐ phân xưởng sản xuất	6274	214	1.195.757.655	
...	....	...	...	...	...
<b>Tổng cộng</b>				<b>21.509.709.032</b>	

**Đơn vị:** Cty CPVT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HÙNG    Mẫu số: S02B-H  
**Địa chỉ:** Bình Hàn-Hải Dương                      Ban hành theo TT số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**  
*Từ ngày 01/5/2016 đến 31/5/2016*

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Ghi chú
Số chứng từ	Ngày		
T5-CTGS-01	31/5/2016	12.015.000	
T5-CTGS-02	31/5/2016	14.141.000	
T5-CTGS-03	31/5/2016	9.312.376	
T5-GTGS-04	31/5/2016	1.195.757.655	
...	...	...	
<b>Tổng cộng</b>		<b>21.509.709.032</b>	

Kèm theo:                      chứng từ gốc

Người lập

Ngày 31 Tháng 5 năm 2016  
Kế toán trưởng

CTY CP ĐT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**SỔ CÁI**

**Tên TK: Chi Phí Sản Xuất Chung**

**Số hiệu: 627**

*Tháng 5 năm 2016*

Stt	Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	ĐKN	ĐKC	Số tiền Nợ	Số tiền Có
			<b>SDDK</b>			-	-
1	31/5/2016	T5-CTGS-01	Xuất công cụ, dụng cụ phục vụ sản xuất	6273	1533	12.015.000	
2	31/5/2016	T5-CTGS-02	Xuất vật tư sửa chữa phục vụ sản xuất	6272	1528	14.141.000	
3	31/5/2016	T5-CTGS-03	Chi phí điện phân xưởng sản xuất	6277	33112	9.312.376	
4	31/5/2016	T5-GTGS-04	Chi phí khấu hao TSCĐ phân xưởng sản xuất	6274	214	1.195.757.655	
...	...	....	....	...	...	...	...
42	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6272		3.799.872.118
43	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6273		4.796.893.937
44	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6274		1.195.757.655
45	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6277		8.747.385.146
46	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6278		2.969.800.176
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>21.509.709.032</b>	<b>21.509.709.032</b>
			<b>SDCK</b>			-	-

**Kế toán trưởng**

**Người lập**



**Bảng 2.10 Bảng phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng mã sản phẩm**

<b>Đơn hàng</b>	<b>Mã sản phẩm</b>	<b>Sản phẩm hoàn thành</b>	<b>Hệ số phân bổ</b>	<b>Chi phí SXC từng mã sản phẩm</b>
DECATHLON	KID 80 GREY PINK	3.707	20.454	75.822.978
	KID 80 BLACK RED	3.703	20.454	75.741.162
	KID 300 GREY ORANGE	7.490	20.454	153.200.460
PISTON				
	PIST001-B	1.523	20.454	31.151.442
	PIST002-R	1.322	20.454	27.040.188
	PIST003-W	8.029	20.454	164.225.166
...	...	...	...	...
	<b>Tổng</b>	<b>1.051.598</b>		<b>21.509.709.032</b>
Nguồn tin: Phòng Kế Toán				

CTY CP ĐT & GIÀY DÉP XUẤT KHẨU HẢI HƯNG  
PHÒNG KẾ TOÁN

**SỔ CÁI**

**Tên TK: Chi Phí Sản Xuất, Kinh Doanh Dở Dạng**

**Số hiệu: 154**

*Tháng 5 năm 2016*

Stt	Ngày	Số chứng từ	Diễn giải	ĐKN	ĐKC	Số tiền Nợ	Số tiền Có
			<b><u>SDĐK</u></b>			<b>302.807.339.384</b>	-
1	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí vật tư	1541	6211da	31.824.607.792	
2	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí vật tư	1541	6211mu	18.686.436.857	
3	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí nhân công	1541	6221	24.813.784.000	
4	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí nhân công-chế độ	1541	6222	2.867.460.300	
5	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6272	3.799.872.118	
6	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6273	4.796.893.937	
7	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6274	1.195.757.655	
8	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển chi phí sản xuất chung	1541	6277	8.747.385.146	
....	...	...	....	...	...	...	...
23	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển giá vốn hàng bán	1541	632		23.258.145.824
24	31/5/2016	CT-KC	Kết chuyển thành phẩm nhập kho	1551	1541		114.297.683.785
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>160.813.975.433</b>	<b>137.555.829.609</b>
			<b><u>SDCK</u></b>			<b>326.065.485.208</b>	-

Giá thành toàn bộ sản phẩm trong kỳ: 137.555.829.609.

Trong kỳ xuất bán thẳng không qua nhập kho: 23.258.145.824.

Trị giá thành phẩm nhập kho trong kỳ: 137.555.829.609 - 23.258.145.824 = 114.297.683.785



Bảng 2.11 Bảng tổng hợp báo cáo kiểm kê tháng 5/2016

KH.HÀNG	MÃ SẢN PHẨM	TRỊ GIÁ SẢN PHẨM DDCK	NHÓM VẬT TƯ MŨ		NHÓM VẬT TƯ ĐỂ			PACKING
			VTDA	PLMA	ĐỂ NGOÀI	ĐỂ GIỮA	C&C	
<u>Decathlon</u>								
	Kid 80 Grey Pink	<b>5.663.869</b>	1.405.542	789.823	979.771	453.186	701.901	1.333.646
	KID 80 Black Red	<b>8.239.674</b>	2.764.194	839.204	1.072.619	939.027	694.205	1.930.425
	KID 300 Grey Orange	<b>15.387.630</b>	5.439.432	1.147.164	3.550.518	1.646.134	2.562.629	1.041.753
<u>Piston</u>								
	Pist001-B	<b>9.712.666</b>	1.830.080	2.067.546	1.169.393	916.887	2.152.507	1.576.253
	Pist002-R	<b>14.892.951</b>	2.793.969	3.488.956	2.305.013	1.031.436	3.515.718	1.757.859
	Pist003-W	<b>18.541.427</b>	8.785.299	1.106.185	3.339.557	1.397.900	941.657	2.970.829
...	...	...	...	...	...	...	...	...
<b>TỔNG</b>		<b>1.730.538.214</b>	<b>831.318.516</b>	<b>492.638.879</b>	<b>196.516.868</b>	<b>114.884.569</b>	<b>60.568.617</b>	<b>34.610.764</b>

Nguồn tin: Phòng kế toán

**Bảng 2.12 Bảng Báo Cáo Giá Thành – Đơn Vị Cho Khách Hàng DECATHLON**

ĐVT: Đồng							
Stt	Mã sản phẩm	Chi phí NVL TT	Chi phí NC TT	Chi phí SXC	Giá thành sản phẩm	Sản phẩm hoàn thành	Giá thành đơn vị
1	KID 80 GREY PINK	233.925.592	97.579.361	75.822.978	407.327.931	3.707	109.881
2	KID 80 BLACK RED	233.673.177	97.474.069	75.741.162	406.888.408	3.703	109.881
3	KID 300 GREY ORANGE	516.760.795	197.162.954	153.200.460	867.124.209	7.490	115.771
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.681.340.548</b>	<b>14.900</b>	<b>112.842</b>
Nguồn tin: Phòng Kế Toán							

**Bảng 2.13 Bảng Báo Cáo Giá Thành – Đơn Vị Cho Khách Hàng PISTON**

ĐVT: Đồng							
Stt	Mã sản phẩm	Chi phí NVL TT	Chi phí NC TT	Chi phí SXC	Giá thành sản phẩm	Sản phẩm hoàn thành	Giá thành đơn vị
1	PIST001-B	111.484.129	40.089.929	31.151.442	182.725.500	1.523	119.977
2	PIST002-R	90.097.007	34.799.006	27.040.188	151.936.201	1.322	114.929
3	PIST003-W	526.926.388	211.347.367	164.225.166	902.498.921	8.029	112.405
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.237.160.622</b>	<b>10.874</b>	<b>113.772</b>
Nguồn tin: Phòng Kế Toán							

**Bảng 2.14 Bảng phân bổ chi phí nguyên vật liệu**

<b>Mã giày</b>	<b>Sản lượng hoàn thành</b>	<b>Doanh thu sản xuất</b>	<b>Tỷ lệ phân bổ</b>	<b>Chi phí NVLTT</b>	<b>Đơn giá CP NVLTT</b>
KID 80 GREY PINK	3.707	541.870.725	43,17%	233.925.592	63.104
KID 80 BLACK RED	3.703	541.286.025	43,17%	233.673.177	63.104
KID 300 GREY ORANGE	7.490	1.197.036.820	43,17%	516.760.795	68.993

**Bảng 2.15 Bảng phân bổ chi phí nhân công trực tiếp**

<b>Mã giày</b>	<b>Sản lượng hoàn thành</b>	<b>Doanh thu sản xuất</b>	<b>Tỷ lệ phân bổ</b>	<b>Chi phí NCTT</b>	<b>Đơn giá CP NCTT</b>
KID 80 GREY PINK	3.707	541.870.725	11,89%	64.428.429	17.380
KID 80 BLACK RED	3.703	541.286.025	11,89%	64.358.908	17.380
KID 300 GREY ORANGE	7.490	1.197.036.820	11,89%	142.327.678	19.002